

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

### **Vũ Khắc Khoan (II)**

#### **Tiểu sử**

Mất ngày 12.9.1986 tại Minneapolis, Hoa Kỳ.

#### **Tác phẩm**

Ngộ nhận, Thăng cuội ngồi gốc cây đa (Lộng ngôn), Mơ Hương Cảng (tùy bút)



#### **Mục Lục**

Cuối năm nhớ về người thầy giáo cũ...- Trần Lam Giang – 2

Vũ Khắc Khoan: Thành Cát Tư Hãn – Thụy Khuê – 5

**Thành Cát Tư Hãn – 8**

Vũ Khắc Khoan – Võ Phiến – 14

Vũ Khắc Khoan: Tác phẩm là một thác ngôn – Thụy Khuê – 17

**Trương Chi - 29**

Vũ Khắc Khoan và Tôi – Nguyễn Sỹ Tế – 38

Vũ Khắc Khoan & Samuel Beckett: Nghệ thuật, như... - Bùi Vĩnh Phúc - 45

#### **Phụ đính**

#### **Người đẹp trong tranh**

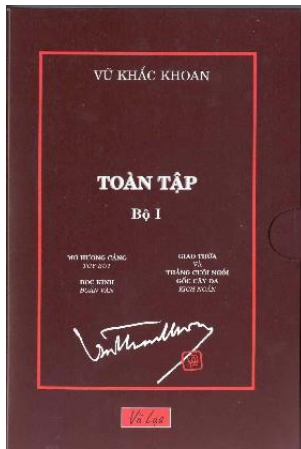
(tr 57)

#### **Thơ Vũ Khắc Khoan**

(tr 82)

*(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

Cuối năm nhớ về người thầy giáo cũ:  
Nhà văn Vũ Khắc Khoan  
Trần Lam Giang



1956- Ông bước vào dạy lớp tôi . Lồng lộng mái tóc. Vững vàng bước đi . nét mặt nghiêm buồn , nhưng không dữ . Ông dạy chúng tôi Việt Văn . Giờ đầu , ông nói về chương trình học . Một chương trình lộn xộn , thiếu hụt những điều cần và thừa thãi những điều không cần do những người dốt Việt Văn, kém văn học ở bộ Quốc Gia Giáo Dục hồi đó soạn ra . Dù vậy , thầy trò vẫn cùng nhau điềm điềm làm việc cho đến hết năm . Đó là đề nghị của ông đối với những thiếu niên 15,17 tuổi ở lớp Đệ Tam .

Chúng tôi nghe chăm chú và -đồng ý .

Ông cũng khuyên thanh niên phải khỏe . Ông chê lớp chúng tôi oè oặt quá , không có những cánh tay rắn chắc , những cái vai nở nang , làm sao xông pha gánh vác việc đời mai sau! Ông vừa dứt lời thì chừng mười cái tay áo xắn lên và cả lớp cười ồ . Ông không cười . Đứng lên quan sát từng cánh tay ấy , rồi gật đầu : " Tay các anh được, tuổi trẻ phải vậy ."

Cả năm tôi học Đệ Tam, không khí trầm và ám mỗi giờ Việt Văn . Tình thầy trò, tình bạn bè , theo giòng thời gian trưởng lớn mãi lên với cuộc đời , với cõi lòng sâu thẳm hơn mãi .

Cái biến cố lịch sử 1954 còn chưa nguôi và không bao giờ nguôi khi giặc còn . Những người chấp chững đi vào tuổi thanh niên thời ấy , tình non nước , hồn lịch sử như ngọn lửa nung nấu tâm can . Những bài giảng của ông , do đó càng dễ nhớ , khó quên .

1956 - Lớp 3B4, lầu hai Chu Văn An , hai hàng cửa sổ mở tung hai bên , bông điệp miền Nam tím hồng làm xao xuyến những kỷ niệm còn ôm chặt tình cảm với sắc đỏ tươi của hoa phượng vĩ nơi nghìn năm văn vật Thăng Long... Hồ Gươm nước biếc , Tây Hồ sóng bạc mênh mang ... Lá bàng đỏ tía đổ xuống vệ đường vào Chu Văn An cửa Bắc thủ đô .Một trời yêu dấu không nguôi . Mỗi lần tưởng tiếc là mỗi lần xao xuyến . Hoa điệp mới quen , dễ yêu nhưng chưa đậm thắm tình tự học trò .... xao xuyến thì trốn học, năm ba đầu xanh rủ nhau chia sẻ nỗi nhớ quê hương .... Cái tình tự buồn nhớ của đám thiếu niên học trò trong hoàn cảnh đất nước chia đôi ba mươi năm trước được các vị thầy chia sẻ . Có ai chia sẻ và nâng đỡ tình cảm thiếu niên mười một năm nay trong cảnh mất nước , sống đời lưu ly ?! Những vấn đề thuộc phạm trù tâm lý và đạo đức xã hội cũng như gia đình , rất phức tạp và đa diện, cần phải được mổ xẻ kỹ càng và hệ thống đúng đắn . Mười một năm chưa được khởi nguyên . Ba mươi năm trước đây , các vị thầy chúng tôi làm việc ấy cho chúng tôi , tôi muốn nói những vị thầy thương yêu tuổi trẻ như thương yêu tương lai của đời mình , trong đó có thầy Vũ Khắc Khoan . Còn những người bán chữ thì nói làm chi, ở đây !

Ban B , toán là quan trọng nhất trong chương trình học . Chúng tôi thường bỏ giờ Toán , giờ Vật Lý cũng thế . Lý do đơn giản và minh bạch : Anh em chúng tôi đã "làm thật" gòn gàng các ông Le Bossé , Gimbal , George Eve thì còn nghe giảng bài trong lớp làm chi . Chỉ cần có mặt trong giờ làm bài hoặc thi để lấy điểm vào thông tin bạ mà thôi . Các giáo sư thông cảm . Các thầy giám thị thông cảm . Các thầy thông cảm và xót xa lũ đầu xanh thông minh đang giao động tâm hồn vì biến cố Genève . Các thầy không coi chúng tôi là ngỗ nghịch , là kiêu căng, là hư đốn , cho dù chúng tôi , trên một khía cạnh nào đó có ... đốn hơi sớm ... Vậy mà , không ai bỏ giờ Việt Văn . Không phải vì giáo sư khe khắt mà ngại . Ông không khắt khe . Ông không điểm danh bao giờ . Ông cho tự do ra khỏi lớp , nếu thích ra . Chúng tôi không bỏ học giờ ông , vì trong giờ ấy , tuổi thiếu niên mơ hồ như gặt hái được chút ít gì giá trị . Biết thêm chút sắc thái dân tộc , biết thêm chút hình thành sân khấu qua chuyện Trinh Thử của Hồ Thuyền Quy đời Trần chẳng hạn, cũng lý thú lắm .

1958- Ông trở lại với chúng tôi ở lớp 1B3 với bộ môn sử . Học sử , theo ông, không phải chỉ nhằm mục đích thuộc năm tháng và nhớ dữ kiện . Học sử để hiểu tinh thần lịch sử và để đóng góp thân thể vào lịch sử . Năm nay mái tóc bông bênh của ông đã hơi điểm bạc . Ông nhìn học sinh đệ nhất (lớp 12) như những bạn trẻ .

Ông bàn luận với chúng tôi một số vấn đề lịch sử ... đàn chim non này đang sửa soạn dần thân bay vào cuộc đời , xây dựng, đóng góp . Và biết đâu , trong những cơn đau đớn, thất bại chúng tôi cần lịch sử để tựa lưng, để đi về như nơi nương náu ấm cúng của tinh thần .

Hai bên cửa sổ , lũ cây điệp hàng năm vẫn trở bông tím hồng . Mầu phượng vĩ đỏ tươi của quê hương miền Bắc vẫn xao xuyến cõi lòng lớp học sinh di cư . Và xao xuyến thì vẫn trốn học , dù năm thi .... Sau này tôi có làm nghề giáo một cách giáo mác với mấy môn triết , việt . Khi ấy , mới thấy rằng các thầy tôi thực đáng tư cách bậc thầy và các em học trò tôi , đứa nào cũng ngoan và khá hơn lớp chúng tôi .

Hôm nay , ngồi trên đất Mỹ , viết bài tưởng niệm 49 ngày thầy Vũ Khắc Khoan , hình ảnh ngôi trường xưa , mầu hoa điệp , sắc tươi phượng vĩ , Saigon , Hà Nội làm tôi nghe ròn rợn da gà ... Ba mươi năm . Một thế hệ . Chưa nên chuyện gì .

1975- Một trời mây chó mớ màng !

Tôi tỵ nạn ! Ông cũng tỵ nạn . Tôi đến trại , ông đã xuất trại . Được tin ông bình an , tôi mừng trong niềm đau rách nát . Được biết ông có dựng lại vở kịch Thành Cát Tư Hãn trong trại . Tôi nghe một thoáng vui giữa biển trời tê tái .

1978 - Đặng Đình Khiết tổ chức Đại Hội thanh niên Phật tử tại Oklahoma . Tôi có đến tham dự và gặp ông ở đây . Thầy tôi đã trở thành một ông già đứng nghĩa của màu tóc . Nhưng hai vai ông vẫn đầy đặn và rộng thênh, màu da muôn đời bánh mật . Thầy đến hoà hợp với đám thanh niên lưu lạc trên đất lạ . Học trò cũ của thầy quy tụ dăm ba: Lê Mộng Hoan cặp kè chai rượu , Nguyễn Thanh Hùng , tay xách nách mang một túi vài ngàn bản dân ca , Nguyễn Thượng Hiệp suy tư cách thế trồng người dựng nước ... Có mấy vị thầy tu thuyết giảng đạo pháp sắc không với lẽ vào ra thế tục .

Một đêm uống rượu ngâm thơ tại nhà Phạm Quân , người hùng ngã ngựa . Thời gian xoáy quá nhanh . Thật không ngờ , anh Quân già nua quá vội ! Chị Quân trước ngày mất nước còn đẹp như bông hồng Ngọc Hà mà bây giờ mắt trũng tóc hoa . Tôi nắm chặt hai vai chị nhìn sâu vào đáy mắt chị cố tìm một chút ngày xưa còn sót lại . Chị cười , lắc đầu thông cảm . Khi ấy ông cũng từ từ bước vào , cặp mắt ông vốn to như mở to thêm, to hết cỡ , nhìn vợ chồng Phạm Quân và ông cũng lắc đầu : "Già mau thế !" ...

Mùa đông 1978 - Ông đến San Jose ở nhà chị Gấm - con gái ông - để tránh cái lạnh Minnesota . Ông gọi tôi lại và muốn tôi đem cả vợ con lại ông xem . Chúng tôi đến , đứng xếp hàng chào ông và bà . Ông nhìn lũ con tôi kỷ lưỡng, rồi nắm chặt vai tôi , cười : "Được lắm ! Nụ cười của

ông làm tôi nghe đau xót trong lòng . Tôi nghĩ trong đầu : Khi mỗi cảm hận đã mở , miệng đã cười là thấy đã già đau thương lắm rồi . Tôi hỏi ông: - Bây giờ thầy cười ? Bao nhiêu năm con chưa thấy thầy cười .

Ông lại cười :

- Ờ ! Mà phải cười chứ nhĩ !

Giọng ông thật nhẹ nhõm .

Từ đó , mỗi năm tôi gặp ông chừng ba bốn lần .

Năm nay, ông hẹn sang San José chơi vào dịp hè . Mùa hè ông đau . Đình lại mùa thu . Mùa thu ông cũng đau . Chừng 1 tháng trước khi ông mất , tôi gọi điện thoại thăm ông . Thầy tôi giọng nói yếu và mệt . Tuần sau đó , tôi lại gọi thăm thầy , giọng nói ông trong ấm . Tôi nghĩ trong đầu :ông hãy còn thọ lắm , giọng ông rất tốt . Ông hẹn sẽ sang San Jose ở chừng vài tháng .

Một buổi tối , Tường Vũ Anh Thi lại tôi chơi , anh nói mới gọi điện thoại thăm cụ Khoan . Giọng cụ yếu lắm . Mấy ngày sau, Đặng Đình Khiết gọi tôi , báo tin cụ mất ...

... Chim đã bay mất vào chân trời . Đường chim bay hiện hữu mà không dấu vết .

Phương Tây , mặt trời lặn mỗi hoàng hôn . Thích Ca , Lão Đạt đi về phương Tây , có chăng cố đuổi theo bóng mặt trời cho ngày dài thêm ra , cho đời sống dài thêm ra ?!

Lẽ tử sinh ! Mỗi sào vụn cổ của nghệ sĩ phương Đông . Đã rằng sống gửi chết về , nhưng còn ghét yêu nối kết với dương gian ! Nối kết bằng nghiệp dĩ văn chương cũng là một giá trị đẹp và có ý nghĩa .

Trong những năm cuối ở cuộc đời , ông đã nhiều lần nói với tôi về Ngọn Cỏ Bồng của Nguyễn Bá Trạc . Lần nào gặp tôi ông cũng gửi lời hỏi thăm anh , gửi lời cảm ơn anh về tác phẩm mà anh tặng ông 1 cuốn . "Anh biết không , trời lạnh Minnesota , đọc "Ngọn Cỏ Bồng" của anh Trạc , thú lắm . Anh ấy viết thật lắm . Thật với lòng người . Với tôi, đây là tác phẩm lý thú nhất trong mười năm tị nạn . Giang cảm ơn anh Trạc hộ tôi nhé ... Lại một món nợ văn chương ..."

"Hỡi ơi !Ta vỡ lòng trong mớ bụi dĩ vãng , nhón lên "cùng tập giấy mủn ... Nhìn thế cuộc xoay vần bằng con "mắt cổ nhân .Nay lại định giải quyết hiện tại bằng "phương pháp quá khứ ! Còn vỗ ngực trách ai nữa !

"Thế rồi một cuộc phản thư , tưởng để đốt tan tất "cả quá khứ hà ngôn ! Nào dè lại hiện lên một hình bóng lịch sử diễm kiều .

"lại sống với lịch sử tận cùng , điên mê cho đến "ngày bóng dáng lịch sử biến mất trong một thời gian lạ "thường , để chuẩn bị cho một cuộc thay đổi , quyết "tuyển nhập cuộc , đi làm lịch sử .

"Bóng dáng lịch sử dù xuất hiện trước hay sau cuộc "phản thư , cũng chẳng hề gì . Vì khi kẻ sĩ đã nhập tâm , "thời ngọn lửa thiêu kia chỉ để soi sáng thêm ngời ánh tâm thức , ngời nét tự duy trầm thống của kẻ sĩ trong một thời , và nung nấu thêm chuyển đi của con người "nắm cầm được guơm thiêng " để làm lịch sử "

Đoạn trên trong Thần Tháp Rùa là một đoạn lòng thầy Vũ Khắc Khoan . Những va chạm ở đời , ai mà hoàn toàn , trừ ông thánh .

Ông không phải là thánh ,chắc cũng có những vấp vấp , đúng sai . Nhưng ông là ông thầy đúng nghĩa .

Ông tốt nghiệp kỹ sư thủy lâm , ông không cộng tác với Tây để làm tướng ty , giám đốc .

Ông chọn con đường cách mạng Duy Dân chiến đấu với thực dân Pháp xâm lăng cũng như với cộng sản ngược nhân tính .

Gặp cảnh éo le, ông chọn đường xây dựng văn học nghệ thuật, đem tâm tình lịch sử đến với tuổi hoa niên

"Công cha nghĩa mẹ ơn Thầy .

"Ở sao cho xứng những ngày còn thơ ."

## Vũ Khắc Khoan: Thành Cát Tư Hãn Thụy Khuê

Từ *thần thoại* (légende) đến *huyền thoại* (mythe) là cả một chặng đường dài. Những kịch tác gia cổ đại của Tây phương như Eschyle, Sophocle, Euripide... trong thời kỳ vàng son của bi tráng kịch (tragédie) đã để lại cho hậu thế không chỉ những tác phẩm mẫu mực về bi tráng kịch mà đằng sau những nhân vật ngoại khổ như Oedipe, Antigone... là mối tương quan giữa nhân sinh và môi trường sống, giữa nhân sinh và định mệnh... Ngoài ra, còn một thông điệp quan trọng nữa, là *họ đã khai phá cách dùng câu truyện như một cái cớ, một prétexte, một thác ngôn, để nói về truyện khác*. Họ đã chuyển hoá *thần thoại* thành *huyền thoại*.

Thấm nhuần sâu sắc tinh thần bi tráng kịch cổ điển Tây phương, Vũ Khắc Khoan trong màn giáo đầu vở Thành Cát Tư Hãn, viết năm 1962, đã nhắc đi nhắc lại hai lần:

*"Thành Cát Tư Hãn chỉ là một cái cớ"*. Bởi vì ông không trình bày nhân vật Thành Cát Tư Hãn như một khuôn mặt lịch sử mà ông mượn tình thế của Thành Cát Tư Hãn để nói đến những việc khác, ông đã đẩy Thành Cát Tư Hãn từ *tư thế lịch sử* sang *tư thế bi tráng kịch*. Và Thành Cát Tư Hãn trở thành một trong những vở bi tráng kịch đầu tiên của Việt Nam viết theo đúng truyền thống tragédie của Hy Lạp.

Bi tráng kịch hay nói gọn là *bi kịch*, *tragédie*, khác với *thảm kịch*, *drame*. Nếu thảm kịch chỉ là trò chơi của sự tình cờ, những tình tiết éo le trong thảm kịch có tính chất tai nạn, thì bi kịch gạt bỏ tính chất tình cờ, những gì xảy ra trong bi kịch có thể đoán trước được, bởi nó là hệ quả của định mệnh. Trong bi kịch, tất cả được điều chỉnh theo logique khốc liệt của định mệnh, la fatalité. Cái chết của Thành Cát Tư Hãn, cũng như cái chết của Antigone, là tất yếu, là fatale, là không thể tránh được.

Vì vậy, ngay trong màn giáo đầu. Vũ Khắc Khoan cho biết: *"Thành Cát Tư Hãn đã chết"*.

Theo chính sử, thì Thành Cát Tư Hãn chết ở Tây Hạ, có thể chết do những vết thương ngã ngựa, sau khi chinh phục Tây Hạ. Trong kịch của Vũ Khắc Khoan, đó là một cái chết bí mật không biết tại sao.

Nhưng cái chết của Thành Cát Tư Hãn cũng chỉ là một cái cớ, một thác ngôn về thân phận con người đối chất với định mệnh. Một thác ngôn về sự đầu hàng của kẻ chiến thắng trước những oan hồn chiến bại. Một thác ngôn về tội ác và trừng phạt

\*

Vở kịch trình bày cuộc đối đầu tay ba giữa Thành Cát Tư Hãn, vị Đại hãn bách chiến bách thắng Mông Cổ, với Cổ Giã Trường, đại tướng Tây Hạ cũng là kẻ chiến bại. Và Sơn Ca, em ruột Cổ Giã Trường, người nghệ sĩ, kẻ tự do, không tham dự cuộc chiến. Tác phẩm là một thác ngôn về sự đối đầu tay ba giữa *chiến thắng*, *chiến bại* và *nghệ thuật*

Bối cảnh được mô tả như sau: *"Lúc bấy giờ quân Mông Cổ đã chiếm xong Tây Hạ. Tại ngoại thành kinh đô Tây Hạ, thượng lưu sông Hoàng Hà, nơi hạ trại của quân Mông Cổ. Trong lều*

*Thành Cát Tư Hãn (...). Màn mở lên, nằng quái một chiều cuối đông hắt vào lều (...). Trên ngai sừng sững, lẫm lẫm, khốc liệt và hầu như vô giác là Thành Cát Tư Hãn". (trang 31). Và đây là chân dung tinh thần vị đại hãn: "Ta không biết chữ. Đối với ta, một cuốn sách quý là một cuốn sách trắng tinh không chữ. Một cuốn sách yên lặng, yên lặng và bát ngát như đêm nơi sa mạc. Yên lặng như một người đàn bà đẹp phục tùng" (trang 36).*

Đại hãn biểu trưng sự thực thứ nhất: Bao lực luôn luôn mù chữ.

Đại hãn không biết yêu. Tình yêu đối với đại hãn là sự chiếm đoạt. Đại hãn có trong tay Giang Minh, công chúa Tây Hạ, đẹp tuyệt trần. Nhưng đại hãn tự hỏi: *"Tình yêu là cái quái gì? Đối với ta, chỉ có một thắng một bại. Đó là tình yêu. Kẻ bại phải phục tùng người thắng. Đó là tình yêu".* (trang 52).

Đại hãn biểu trưng sự thật thứ nhì : Bao lực không biết yêu.

Đại hãn biểu dương quyền năng tuyệt đối: *"Thượng đế chính là ta. Nhà ngươi hãy mở rộng mắt mà nhìn: Trùng trùng điệp điệp là đại quân Mông Cổ, trùng trùng điệp điệp dưới lá cờ cửu vĩ của ta. Một triệu người như một. Ta xuống một lệnh. Một triệu người cúi đầu dưới lệnh của ta. Ta bảo tiến là tiến. Ta cho sống được sống. Ta bắt chết phải chết. Ta là trời, ý ta là ý trời" (trang 53).*

Đại hãn biểu trưng sự thực thứ ba : Quyền uy tuyệt đối luôn luôn gắn liền với bao lực.

\*

Một quyền uy, một bao lực như thế. Nhưng chỉ có một câu hỏi, một mục đích, một hoài vọng duy nhất, mà không thể thoả mãn được, đó là:

*"Ta muốn gặp mặt Cổ Giã Trường" (trang 42).*

*"Ta muốn biết Cổ Giã Trường hiện giờ ở đâu".*

*Nếu cần giết hết loài người trên Đất Liền để biết được điều đó thì... ta cũng sẵn sàng" (trang 45).*

*Hiện Cổ Giã Trường ở đâu? Ta không thể xua quân đuổi theo một cái bóng (trang 49).*

*Sào huyết Cổ Giã Trường ở đâu? Tả ngạn hay hữu ngạn Hoàng Hà? (trang 50).*

*Cổ Giã Trường hiện ở đâu? Cổ Giã Trường hiện ở đâu?*

Một quyền uy, một mãnh lực như thế, mà suốt đời chỉ có một nỗi sợ duy nhất là cái chết: *"Không ai! Không ai thoát được cái chết. Có sống tất có chết, đó là thông lệ của tạo hoá. Mà tạo hoá... tạo hoá là cái gì? Một mai, không còn ta nữa, thì ai sẽ thay ta mà ngồi trên ngai vàng Mông Cổ? (...) Tất cả những quặng đất mênh mông mà ta nhọc nhằn chiếm giữ, rồi sẽ chia năm sẻ bảy. Tất cả hùng binh tướng mạnh của ta sẽ tan rã" (trang 66).*

*"Bảy mươi năm trường đâm chém, diệt từng nước, đốt phá từng miền... Để làm gì? Chết! Mục nát với cỏ cây! Không... ta cần phải sống mãi mãi. Ta phải trường sinh bất tử" (trang 70).*

Cái chết là nỗi ám ảnh không ngừng, là sự đợi chờ, là Godot, là con dao của định mệnh mỗi ngày mỗi khứa thêm một chút vào cái vết thương của Thành Cát Tư Hãn, kẻ chiến thắng trong chiến tranh, nhưng không thoát khỏi định mệnh, bởi vì, như lời Sơn Ca: *"Nhà ngươi vốn chỉ biết dùng cái chết để dãi thiên hạ. Tất nhiên... nhà ngươi lại gặp cái chết. Nhà ngươi không nên phàn nàn" (trang 177).*

\*

Trực diện với Thành Cát Tư Hãn uy nghi và khốc liệt là Sơn Ca, cuồng sĩ Tây Hạ, em ruột Cổ Giã Trường. Và đây là diện mạo Sơn Ca: *"Đó là một chàng trai nhỏ tuổi, thân hình gầy guộc, bước đi lênh khênh như chiếc nai tơ, trán cao mà móp như chứa nhiều ý nghĩ kỳ dị, mắt nhìn sâu thẳm vào cuộc đời, khoé mắt lúc uất ức lúc chán chường cũng lại có khi loé lên ranh mãnh, miệng cổ nhếch mép, tiếng cười tuy muốn hồn nhiên nhưng môi mím lại, nét cười héo hắt nửa mai. Sơn Ca không đẹp nhưng không thường"* (trang 78).

Và đây là cuộc đối thoại giữa ông già ái quốc Tây Hạ và Sơn Ca:

Ông già Tây Hạ:

*Nhà ngươi nên cảm tạ trời đất. Nhà ngươi sắp được vinh dự hy sinh.*

Sơn Ca:

*Hy sinh! Hy sinh là một danh từ quan trọng. Thừa lão trượng, hy sinh cái gì và... cho cái gì?*

Ông già: *Hy sinh cuộc sống ti tiểu của mình cho một cái gì cao siêu, trường cửu"* (trang...)

Nhưng quan niệm của Sơn Ca khác hẳn ông già Tây Hạ, chàng nói:

*"Lịch sử! Lại một danh từ quan trọng! Lịch sử là vật sở hữu riêng của những người già (...) của những bậc danh nhân, của những nàng liệt nữ (...) Văn sinh vốn không ưa làm danh nhân, tính lại rất ghét anh hùng (...) chính bởi văn sinh biết chắc lão trượng đang mong được chết (...) vậy thì mượn một lưỡi đao Mông Cổ mà chết, đối với lão trượng, tuổi hạc đã cao rồi, tính kỹ cũng không thiệt mấy... Mà chắc chắn lại chiếm được một chỗ ngồi thoải mái trong lịch sử (...)*

*Thương thay cho quân Mông Cổ, tự nhiên lại lợi đến đây, đâm đâm, chém chém, để chỉ làm giàu thêm cho lịch sử thiên hạ! (...) Không có cuộc sống nào đáng sống cả. Lỡ sống thì đành nhận cuộc sống. Nhưng phải tìm lấy một cách sống riêng biệt cho mình. Sống anh hùng, sống liệt nữ cũng là một cách sống (...) văn sinh không có tài bất chước. Văn sinh không muốn làm một thứ tượng đất đúc khuôn, dầu là khuôn vàng"* (trang 81-82- 83).

Sơn Ca đã chinh phục vị đại hãn bằng những hình ảnh lung linh của cuộc đời bình an, một cuộc đời không đâm chém, một cuộc đời xa cỗi chết.

*Đó là những hình ảnh của "một người đàn bà. Một ánh lửa bếp rung rinh. Một dải mây trắng vắt vẻo ngang đèo. Một thoáng gió lọt kẽ lều. Một đàn cừu trắng nổi. Một cánh đồng cỏ mọc mượt xanh. Một tiếng sáo mục đồng"* (trang 96).

Sơn Ca đã dạy cho vị đại hãn dư vị của cuộc sống, hạnh phúc của những phút giây hưởng thụ một tia nắng, ngắm một bóng mây, đón một ngọn gió, cảm khoái thiên nhiên, sống với âm thanh và màu sắc, sống với tình yêu, sống cuộc sống bình thường, an nhiên, tự tại.

Nhưng tất cả đều đã quá muộn. Vị đại hãn chỉ dừng lại vài phút, trong cảm thông với Sơn Ca, để hát lại tiếng hát mục đồng của mình thời niên thiếu. Phút cảm thông chấm dứt. Thành Cát Tư Hãn trở lại với sứ mệnh chém giết, với nỗi ám ảnh siêu hình, với cuộc chiến trường kỳ giữa thắng và bại.

\*

Phản diện với đại hãn, kẻ vừa san bằng Tây Hạ, là Cổ Giã Trường, kẻ vắng mặt, kẻ chiến bại, Cổ Giã Trường, Đại tướng Tây Hạ, một thứ Godot-Beckett.

Cổ Giã Trường, theo lời kể lại, diện mạo như sau: *"Người cao và thẳng như cây dừa sa mạc. Vai như vai con gấu núi. Tay vươn ra như tay vươn. Mũi thẳng như trái mật treo. Đôi lông mày là hai nét móc. Đôi mắt sáng ngời như sao Hôm sao Mai "* (trang 41).

Người tinh mắt có thể nhận ra: đây cũng là một diện mạo của Thành Cát Tư Hãn. Cổ Giã Trường là âm bản, là linh hồn của Thành Cát Tư Hãn. Bởi diện mạo của vị anh hùng và kẻ cướp nước cùng chung một nét: đó là nét của tử thần. Mỗi lần có tin Cổ Giã Trường sẽ đến, là có một cái chết đến với Thành Cát Tư Hãn. Cổ Giã Trường, đại tướng Tây Hạ không xuất hiện, nhưng trong bóng tối, chặt dần chân tay của Thành Cát Tư Hãn: Lần thứ nhất là cái chết của Thái Tử Tây Hạ, kẻ sắp sửa ra đầu hàng Thành Cát Tư Hãn. Lần thứ nhì: Thủ cấp của Lý Tư, quân sư của Thành Cát Tư Hãn. Lần thứ ba: Đầu lâu của Truật Xích Hãn, con trai của Thành Cát Tư Hãn. Và lần cuối cùng là thủ cấp của Dương Bản, đại tướng của Thành Cát Tư Hãn.

Cổ Giã Trường trở thành một thứ định mệnh nghiệt ngã, một kẻ báo thù, một độc dược vô hình, đã nằm trong cơ thể của đại hãn. Một thứ oan hồn, vật vờ và hành hạ. Một thứ mệnh trời siêu hình mà Thành Cát Tư Hãn không không chế nổi. Cổ Giã Trường là sự tự hủy của những anh hùng bách chiến bách thắng. Một thứ lương tâm mờ ám, thâm sâu, vô hình, tưởng như không có, nhưng vẫn hiện diện, nó là bản ngã của sự hiếu sát, chính nó đã đục khoét tâm linh và thể xác của người anh hùng. Nó nấp đằng sau những chiến thắng, nó cũng là sự thất bại thâm trầm của mỗi chiến thắng, không thể cứu vãn được, bởi nó là sự chết, bạt ngàn xác chết mà mỗi chiến thắng đem lại.

Thành Cát Tư Hãn, kẻ bách chiến bách thắng, đã mang trong người ngàn vạn xác chết ấy, ngàn vạn viên độc dược ấy, cho nên cái chết của Thành Cát Tư Hãn tất yếu phải đến. Một sự chết chậm, chết dần, chết trong đợi chờ, và cái chết ấy còn khốc liệt ngàn lần hơn cái chết gươm giáo, chết tức thời của vạn sinh linh, trong những cuộc chinh phạt mà Thành Cát Tư Hãn là tác giả. Thành Cát Tư Hãn đi vào huyền thoại ở chỗ đó. Bởi Thành Cát Tư Hãn không chỉ là một cá nhân đơn lẻ. Không chỉ là một nhân vật lịch sử đơn lẻ. Không chỉ là một anh hùng đơn lẻ. Mà Thành Cát Tư Hãn chính là định mệnh của bạo lực.

## Thành Cát Tư Hãn

Kịch

(...trích đoạn Thành Cát Tư Hãn)

### Quan điểm

#### Lời nói đầu (của nhà văn Mai Thảo)

Nhà văn Vũ Khắc Khoan từ trần ở tiểu bang Minnesota, nơi ông đã sống gần trọn phần đời còn lại của ông trên quê người, tới lúc kịch bản này, một trong những tác phẩm chủ yếu của văn chương và tư tưởng Vũ Khắc Khoan, được gia đình ông cho in lại để kỷ niệm ngày giỗ đầu, vậy là đã được đúng một năm.

Từ cái tang chung như một đau buồn chung của văn học trong và ngoài nước, của toàn thể bằng hữu và của người đọc nhiều thời trải rộng qua nhiều thế hệ đã có văn chương Vũ Khắc Khoan trong đời sống mình như một tình yêu lớn, tới toàn bộ tác phẩm Vũ Khắc Khoan sẽ được gia đình lần lượt in lại mà Thành Cát Tư Hãn là tập in đầu, thời gian mang tên Vũ Khắc Khoan, sinh thời ông và sau ông mất là một thời gian. Một Nhất quán, Không có biến thái, không có đứt rời, không có khoảng cách. Đó là thứ thời gian, như một giải mây bay giữa một nền trời, ở thật cao trên những cõi bờ phân cách quá khứ với hiện tại, đời sống và sự chết, ta thấy và chỉ thấy ở một khuất vắng vĩnh viễn vẫn là một hiện hữu toàn phần và rực rỡ. Như Vũ Khắc Khoan ngày nào và Vũ Khắc Khoan giỗ đầu ở mỗi chúng ta vậy. Đó là thứ thời gian không đưa tới lãng quên, không mất vào mất tịc, hình tượng của một going chữ khắc sâu vào đá núi, going chữ bất khả hủy hoại, ta thấy và chỉ thấy ở những tâm thức một đời lồng lộng có



tâm thức giống nòi và thời đại ở trong. Như tâm thức Vũ Khắc Khoan, suốt chiều dài một nửa thế kỷ văn học, trước những thăng trầm của giống nòi và những biến thiên của thời thế, từ đầu đời đến cuối đời ông, nơi mỗi lựa chọn và mỗi thái độ sống của ông, nơi mỗi nhập cuộc và mỗi khước từ trí thức của ông đã thủy chung là thế. Đó còn là thứ thời gian ta thấy và chỉ thấy mênh mông trong những tác phẩm lớn, không bờ ở những tài viết lớn, những tác phẩm có tính chung quyết, đánh dấu, rất hiện đại mà đã mau chóng trở thành cổ điển, vắn tắt, những tác phẩm chính yếu của cả một thời kỳ văn học. Như đó là kích thước tác phẩm Vũ Khắc Khoan, tầm vóc, tài năng Vũ Khắc Khoan, tạo thành cái vị trí rạng ngời của Vũ Khắc Khoan, trên giòng tiến trình và hình thành của văn chương ta từ năm mươi năm trở lại đây. Cuối cùng, đó là thứ thời gian thơm ngát, đậu lại vĩnh viễn trên một nhánh hương tưởng nhớ không bao giờ tắt, nơi mọi tấm lòng người ở mãi với một người, và một người của mọi tấm lòng người ấy là Vũ Khắc Khoan. Cùng với toàn bộ tác phẩm Vũ Khắc Khoan đang được gia đình và bằng hữu lần lượt in lại, thêm phần thơ di cảo sẽ được in thành một tập riêng, cùng với hàng chục số báo, hợp mặt đặc biệt tưởng niệm Vũ Khắc Khoan ở khắp trên thế giới khi được tin ông đã từ trần, nhiều đoàn kịch đang dựng lại kịch Vũ Khắc Khoan và năm nay Trung Tâm Văn Bút Âu Châu cũng vừa quyết định thành lập một giải thưởng văn chương hải ngoại, đặt tên là giải thưởng văn chương Vũ Khắc Khoan. Đó là một vài phương diện tỏ hiện lòng kính yêu trang trọng của một thời đại đối với con người, nhân cách và sự nghiệp văn học lớn lao của Vũ Khắc Khoan. Khi ông còn ở với chúng ta như khi ông đã mất

Mai Thảo

#### **Nhân vật**

##### **Nhân vật có mặt trên sân khấu:**

Thành -Cát Tư- Hãn, *Đại Hãn Mông- Cổ*  
Dương- Bân , *Đại tướng Mông- Cổ*  
Thúc -Bột- Đào, *Đại tướng Mông- Cổ*  
Giang- Minh, Công chúa Tây- Hạ  
Sơn- Ca, *Người Tây-Hạ, em ruột Cổ -Giã -Trường*  
Một ông già Tây -Hạ  
Một thiếu phụ Tây- Hạ và con  
Chu? quán, người Tây- Hạ  
Ba người khách bộ hành  
Một vài viên tướng Mông -Cổ  
Một vài tên quân Mông- Cổ  
Một vài nữ tì Tây -Ha..

##### **Nhân vật không có mặt trên sân khấu:**

Cổ -Giã- Trường, *người yêu của Giang- Minh*  
Thái tử Tây- Hạ  
Truật -Xích-Hãn, *con trai trưởng của Thành Cát Tư Hãn*  
Lý Tử, quân sư của Thành-Cát- Tư- Hãn  
Màn giáo đầu

Tiến bán thế kỷ XIII. Trong một cái quán dựng tại thương-lưu sông Hoàng Hà, nơi ngã ba biên giới Tây-Hạ và những con đường sa mạc mênh mang, quán tạm trú của khách bốn phương dừng chân sửa soạn những cuộc viễn hành.

Chính giữa quán, phía trong cùng, là cửa ra ngoài, khép kín. Đồ đạc thô sơ: một vài chiếc ghế gỗ vây quanh một đồng lửa

Màn mở lên vào một buổi tối cuối đông, bóng đêm mênh mang, tiết trời giá lạnh-tuyết sắp tan ở những đỉnh núi miền Tây.

Người chủ quán bó gối ngồi lặng tại một góc lều. Quanh đồng lửa là ba người khách bộ hành, ánh lửa chập chờn tối tăm trên những khuôn mặt sạm đen.

Tiếng củi nổ ròn tan, tiếng gió rít lọt kẽ cửa, không khí gian quán tĩnh mịch, ẩm cứng. Yên lặng kéo dài một lát, rồi..

Người bộ hành thứ nhất:

Vươn vai

Ấm quá nhỉ...

người bộ hành thứ hai:

Chả bù với lúc này, khi qua sông Hoàng Hà..

Người bộ hành thứ ba:

Cuối đông mà sao rét quá vậy...

Người bộ hành thứ nhất:

Tuyết sắp tan... (với người thứ hai) Bác đi đầu

người bộ hành thứ hai:

Tôi có việc phải tới Quốc-Lãng.

Người bộ hành thứ nhất:

Kinh đô Hồi Hồi? May quá.. tôi cũng tới đó. Đường xa gặp bạn đồng hành.. Còn gì vui bằng?

(với người thứ ba) Còn bác?

Người bộ hành thứ ba:

Tôi sẽ đi với hai bác một quãng đường. Tôi rẽ phía Ba-Tur...

*Người thứ nhất đặt lại mấy thanh củi.*

người bộ hành thứ hai:

Sắp hết củi... (Quay lại). Ông quán! Còn củi nữa không, ông quán?

*Người chủ quán lặng lẽ đi ra một góc lều rồi ôm lại một bó củi, đặt xuống cạnh đồng lửa.*

Người chủ quán:

Quý vị còn cần gì nữa không?

Người bộ hành thứ nhất:

Cám ơn ông quán, thôi thế là đủ.

người bộ hành thứ hai:

Ông quán ở đây có một mình thôi à?

Người chủ quán:

Vâng, một mình!

người bộ hành thứ hai

Không sợ à?

Người chủ quán:

*Ngạc nhiên.*

Sợ gì?

Người bộ hành thứ nhất:

Nơi đây hẻo lánh...

người bộ hành thứ hai:

Ông không sợ cướp à?

Người chủ quán

Lão có gì đâu mà sợ cướp?

Người bộ hành thứ nhất:

Thế... mấy tháng trước quân Mông Cổ đến đây ông có bị lôi thôi gì không?

Người chủ quán:

Họ bắt đóng thuế. Có thể thôi!

Người bộ hành thứ nhất:

Xong rồi ông quán ơi! Quân Mông Cổ rút hết rồi!

người bộ hành thứ hai:

Thành Cát Tư Hãn chết rồi, ông quán không biết gì ử

Người chủ quán:  
 Lão không được biết.  
 Người bộ hành thứ hai:  
 Chết rồi. Chết được vài hôm nay. Chết thật rồi  
 Người chủ quán:  
 Thế chết ra sao? Quý vị có biết không?  
 người bộ hành thứ hai:  
 Ờ mà hán chết ra sao nhi??  
 Người bộ hành thứ nhất:  
 Cổ tướng quân đâm chết mà!  
 Người chủ quán  
 Cổ tướng quân, có phải Cổ Giã Trường không?  
 Người bộ hành thứ nhất:  
 Đúng rồi. Toàn dân Tây-Hạ nổi lên, vây chặt trại quân Mông Cổ. Cổ tướng quân một mình, một ngựa, vượt qua hàng ngàn ngọn mác. Tướng quân tiến thẳng vào trước ngai vàng Thành Cát Tư Hãn. Tướng quân vùng kiếm...  
 Người bộ hành thứ ba:  
 Sao tôi lại nghe nói chính Giang Minh đã ám sát Thành Cát Tư Hãn..  
 Người bộ hành thứ hai:  
 Giang Minh là ai, hờ bác?  
 Người bộ hành thứ nhất:  
 Giang Minh mà bác không biết à?  
 người bộ hành thứ hai:  
 Thì không biết mới phải hỏi. Tôi có phải người vùng này đâu.  
 Người bộ hành thứ nhất:  
 Thế để tôi là người vùng này à?  
 Người bộ hành thứ ba:  
 Ở đây trừ ông quán ra, còn thì đều là người xa lạ. Tôi ở miền Trung Nguyên.  
 Người bộ hành thứ nhất:  
 Nhưng...Giang Minh, Giang Minh thì tôi biết.  
 Người chủ quán:  
 Giang Minh là công chúa Tây Hạ.  
 Người bộ hành thứ nhất:  
 Đúng đó! chính mắt tôi đã được trông thấy Công Chúa một lần. Trời Phật ơi! Sao mà lại có người đẹp đến như thế! Đẹp hơn sao trên trời! Giang Minh, Cổ Giã Trường, thật là trai tài gái sắc,..  
 Người chủ quán:  
 Nhưng có đích là Công Chúa đã ám sát Thành Cát Tư Hãn không?  
 Người bộ hành thứ nhất:  
 Người ta nói rằng chính Cổ Giã Trường,..  
 Người bộ hành thứ hai:  
 Người ta là ai mới được chứ?  
 Người bộ hành thứ nhất:  
 Người ta là người ta! Người ta là người đi đường. Họ kể cho tôi nghe lúc ban chiều, lúc qua sông. Bác không biết thì ngồi yên mà nghe. Đừng cần vặn nữa!  
 Người bộ hành thứ Hai:  
 Thế mà lúc nãy cứ kể vanh vách... Nào là Cổ Giã Trường phi ngựa, nào là Cổ Giã Trường vùng kiếm, cứ như là đích mắt trông thấy!  
 Người bộ hành thứ nhất:  
 Ô hay, cái bác này...  
 Người bộ hành thứ Hai:

Theo ý tôi thì không phải Cổ Giã Trường.  
 Người bộ hành thứ nhất:  
 Thế thì ai nào.  
 Người bộ hành thứ Hai:  
 Mà cũng không phải Giang Minh...  
 Người bộ hành thứ nhất:  
 Thế thì ai? Bác nói thử tôi nghe xem nào? Hay là bác rồi! Hay chính bác đã vịn cổ Thành Cát Tư Hãn? Đúng rồi...  
*Người thứ nhất cất tiếng cười ngặt nghẽo. Một lát sau.*  
 Thế nào? Ý bác thế nào  
 Người bộ hành thứ Hai:  
*Giọng giễu*  
 Bác cười xong chưa  
 Người bộ hành thứ ba:  
 Bác cứ nói đi. Mỗi người một ý chứ?  
 Người bộ hành thứ Hai:  
 Theo ý tôi thì Thành Cát Tư Hãn phải tự vẫn.  
 Tất cả  
 Ồ...  
 Người bộ hành thứ Hai:  
 Đúng chứ!... Giả thử bác là Thành Cát Tư Hãn thì bác có chịu ngồi yên để cho người ta đâm, người ta chém không nào?  
*Yên lặng.*  
 Người chủ quán:  
 Ờ...thế ra vẫn chưa ai rõ hần chết ra sao nhỉ? Rắc rối thật.  
 Người bộ hành thứ nhất:  
 Sao lại rắc rối  
 Người chủ quán:  
 Lão biết đóng thuế cho ai bây giờ?  
*Chưa ai kịp trả lời thì cửa lều bỗng mở toang, gió lùa qua ngưỡng cửa, một người thanh niên thân hình gầy guộc, vai đeo khăn gói, tay cầm chiếc gậy. Chàng đứng sững, mắt trừng trừng nhìn thẳng mà như chỉ thấy bóng đen dày đặc.*  
 Người thanh niên:  
 Có ai đây không?  
 Người chủ quán:  
 Nhà người không nhìn thấy hay sao mà phải hỏi? Nhà người muốn hỏi ai  
 Người bộ hành thứ nhất:  
 Đóng cửa lại chứ! Gió rét quá!  
 Người thanh niên:  
 Tôi muốn xin nghỉ nhờ một đêm nay, sớm mai lại lên đường, có được không?  
 Người chủ quán:  
 Sao lại không được? Đây là quán trọ.  
 Người thanh niên:  
 Nhưng tôi không có tiền.  
 Người bộ hành thứ nhất:  
 Đóng cửa lại kìa!  
 Người thanh niên:  
 Đóng hộ cho tôi. Mắt tôi bị hỏng, không nhìn được nữa rồi  
 Người bộ hành thứ Hai:  
 Tội nghiệp, ngồi xuống đây mà sưởi cho ấm. Không có tiền cũng được. Ta còn tiền.  
*Người thứ hai đứng dậy, đi ra khép cửa rồi quay vào dắt tay người trẻ tuổi.*

Ngồi xuống đây...

*Người thanh niên sờ soạng, đặt khăn gói và gậy xuống đất, rồi ngồi xuống. Ánh lửa hắt vào một khuôn mặt hốc hác: vàng trán cao nhưng móp, đôi mắt chỉ còn là hai lỗ đen sâu hoắm, miệng héo hắt mả mai. Người thanh niên không đẹp nhưng khác thường.*

Người bộ hành thứ ba:

Nhà người ở đâu tới đây

Người thanh niên:

Tây- Hạ. Tôi vừa qua sông Hoàng Hà.

Người bộ hành thứ Hai:

Một mình?

Người thanh niên:

Một mình!

Người bộ hành thứ ba:

Nhà người định đi đâu.

Người bộ hành thứ Hai:

Nếu nhà người đi về phía Quốc Lăng...

Người bộ hành thứ ba:

Hay Ba Tư...

Người thanh niên:

Ba-Tư, Quốc-Lăng, phía Tây.

Người bộ hành thứ nhất:

Đúng đó!

Người bộ hành thứ Hai:

Nếu tiện đường thì đi với chúng ta...

Người thanh niên:

Xin cảm tạ các người. Tôi lại đi về phía khác, phía mặt trời mọc... Ánh mặt trời soi sáng cho tôi!

*Yên lặng.*

Người chủ quán:

Ờ... không hiểu hẳn chết ra sao nhỉ??

*Rồi như bỗng nhớ ra, người chủ quán đặt tay lên vai người thanh niên.*

Thế nhà người có biết không?

Người thanh niên:

*Giật mình*

Biết gì?

Người chủ quán

Thành Cát Tư Hãn chết rồi, nhà người có biết không?

Người thanh niên:

Tôi biết!

Người chủ quán

Nhưng chết ra sao, nhà người có rõ không? lúc nhà người dời Tây-Hà....

Người thanh niên:

Tôi dời Tây-Hà sáng nay, lúc mặt trời mọc, lúc tên quân Mông Cổ cuối cùng vượt khỏi sông Hoàng Hà, lúc phố phường treo kết hoa, từng bừng sửa soạn đón rước Cổ Giã Trường và Giang Minh Công Chúa...

Người chủ quán:

Thế thì chắc nhà người biết rõ... Nhà người hãy kể cho lão nghe...

Người bộ hành thứ ba:

Ừ, nếu biết rõ thì kể đi

Người bộ hành thứ nhất:

Việc gì phải kể nữa, tôi biết...

Người bộ hành thứ Hai:

*Bực mình*

Bác biết, nhưng chúng tôi chưa biết. Cứ kể đi.

Người bộ hành thứ ba:

Đêm còn dài. Ông quán... cho thêm một ít củi nữa nào...

*Trong khi người chủ quán đặt thêm củi vào ống lửa, trong khi ống lửa bùng cháy, tiếng củi nổ ran, thì người thanh niên yên lặng nhìn thẳng ra phía trước...*

Người bộ hành thứ nhất:

Ừ... thì nghe... Nhưng tôi thì tôi chắc...

Người bộ hành thứ Hai:

*Vội đặt tay lên vai người thứ nhất.*

Yên nào!

*Vì người thanh niên đã lên tiếng, giọng ấm vô cùng.*

Người thanh niên:

Thật ra... Thành-Cát-Tư-Hãn cũng chỉ là một cái cờ...

Người bộ hành thứ nhất:

Cái gì?

Người bộ hành thứ Hai:

Ồ hay, cái bác này! Ngồi yên mà nghe nào...

Người thanh niên:

Thành-Cát-Tư-Hãn chỉ là một cái cờ...

*Tiếng gió bỗng rít mạnh hơn, làm át cả tiếng nói của người thanh niên. Người ta chỉ còn trông thấy mấy cái đầu chụm quanh ống lửa. Và từ từ..*

*(Màn Giáo Đầu, trích đoạn, từ vở kịch Thành Cát Tư Hãn, Vũ Khắc Khoan)*

## Vũ Khắc Khoan

### Võ Phiến

Vũ Khắc Khoan, ông có vai trò đặc biệt trong ngành kịch ở Miền Nam. Có thể nói Vũ Khắc Khoan là kịch Miền Nam (...)

Ông đóng kịch, viết kịch, dạy kịch, biên khảo về kịch (...)

Trong lịch sử nghệ thuật sân khấu ở nước ta mấy ai đóng góp nhiều hơn ông, bằng ông?

\*

Con người say mê kịch và đóng góp nhiều cho kịch Việt Nam ấy là một nhân vật độc đáo. Kể ra không có một người nào có thể là đơn giản; và một tác giả, một nghệ sĩ lại càng rắc rối hơn.

Tuy nhiên, ông Vũ Khắc Khoan thì ông không chỉ phức tạp thôi; ở ông có những khía cạnh mâu thuẫn nhau.

Hãy nói về cái ngoại hình trước tiên. Cao Huy Khanh mô tả: “dáng điệu luôn luôn đầy vẻ trầm tĩnh chừng chặc, quá sức là nghiêm chỉnh, khi đi đầu thường cúi xuống gật gù tay trái luôn luôn thọc vào túi quần coi đầy vẻ đắm chiêu suy tưởng rất ngoạn mục”, “khuôn mặt ông ta. Đúng là một chân dung khắc bằng đá, những đường nhăn hằn sâu trên trán, những nét nghèo nghèo sắc cạnh như đục sâu vào má, những vết hằn in cứng và đậm nét như thể những vết hoa chạm trở trên mặt, cặp mắt lồi đến độ có thể nhìn thấy những tia máu vằn đỏ trong đó (...) đôi mắt khi nào trông cũng đỏ ngầu, dáng điệu thì sật sật sử sử chừng như (...) vừa mới uống rượu để xong, đã vậy mà mái tóc muối tiêu thì lại bờm xờm chất cao cả một ống trên đầu.” “Quả thực ông ta trông giống Thành Cát Tư Hãn ghê (...) Đúng là người nào thì nhân vật nấy,

Vũ Khắc Khoan mà đóng vai Thành Cát Tư Hãn tất phải là rất tuyệt.”

Cao Huy Khanh bảo ông Vũ giống hệt Thành Cát Tư Hãn. Còn ông Vũ thì nói đi nói lại ba bốn lần trong vở kịch rằng Thành Cát Tư Hãn là con người “sùng sững, lầm lì, khốc liệt và hầu như vô giác” (...)

Cũng về ông Vũ Khắc Khoan, chính ông Vũ ấy, Đặng Tiến đã kể lại một kỷ niệm. Bấy giờ là cuối 1965, ông Vũ rủ ông Đặng ra Huế dự hội thảo tại viện đại học Huế. Buổi tối, trên diễn đàn một nhà hùng biện thao thao thuyết giảng: Cộng sản là một chủ thuyết, vậy muốn chống cộng, chúng ta cần phải có một chủ thuyết. “Anh Khoan rĩ tai: đi ăn phở, rồi đứng dậy, bệ vệ đi ra. Tôi đi theo.” Gần hăm lăm năm sau, vào dịp tết 1990, trên báo *Thông Luận* ông Đặng (ký Tuyết Chi) nhớ người bạn vong niên quá cố, nhắc chuyện cũ, làm sống lại cái nét tinh quái bất ngờ của con người khốc liệt. Cái “rĩ tai” của ông Vũ thật lý thú, không phải người thân cận không có dịp bắt gặp.

Thân cận với ông Vũ vào những ngày cuối cùng là một người bạn vong niên khác: Nguyễn Cao Đàm. Trong bài điệu văn đọc trước linh cửu Vũ Khắc Khoan, ông Nguyễn cho biết: “Ông là một kho tàng những câu chuyện dí dỏm (...) Ngay trên giường bệnh, những nhận xét khôi hài dí dỏm lan cả ra thầy thuốc, y tá, và bệnh nhân láng giềng. Buổi chiều chủ nhật mùng bảy tháng chín, trên tầng lầu 4 im vắng của bệnh viện Fairview, chỉ có tiếng cười không kiềm chế được phát ra từ phòng bệnh số 419 cũng vì những câu chuyện của ông, về ông.”

Vị Tư Hãn của Mông Cổ - lầm lì, khốc liệt, vô giác - tình cờ nghe được những tiếng cười ấy ắt phải sững sốt. Càng sững sốt khi biết ngày mùng 7 tháng 9 nói trên đây chỉ cách ngày ông Vũ qua đời chưa đầy một tuần lễ.

Những cái mâu thuẫn như thế về ông Vũ không phải do lỗi của kẻ ghi chép (...) Chắc chắn Cao Huy Khanh đúng mà Nguyễn Cao Đàm cũng đúng. Nhờ thế Vũ Khắc Khoan viết được cả *Thành Cát Tư Hãn* cả *Ngộ nhận*. Corneille chỉ có bi kịch, Molière chỉ có hài kịch. Ở Vũ Khắc Khoan, có chỗ cho Thành Cát Tư Hãn ngồi lừ lừ, mà cũng có đủ chỗ cho thằng Cuội tha hồ lếu láo, đùa giễu, nghịch ngợm (...)

Vũ Khắc Khoan (...) có bài kệ Rong Chơi:

“Ta thường ở đó  
Ngã ba cuộc đời  
Tầm xuân xanh biếc  
Mây trắng lên khơi  
Ta thường đến đó  
Ngã ba cuộc đời  
Đăm đăm theo hút  
Chân ai chân ai  
Tà huy lay lắt  
Lay lắt hoa rơi

.....  
Ai trụ ở đó  
Ta hay là người  
Ai trụ ở đó  
Ngã ba cuộc đời  
Tầm xuân vẫn biếc  
Mây vẫn rong chơi

Ta vẫn rong chơi  
Ngã ba cuộc đời.” (...)

Kệ này (...) đặc sắc (...) ở lời, ở cái nhịp điệu (...) Lời ấy, điệu ấy (gọi) một phong cách rong chơi tuyệt hảo (...)

Ông Vũ (...) rong chơi nhẹ thênh. Ông chẳng thiết gì, ngoài một khoản rượu, chẳng hạn.

Vũ Khắc Khoan (...) về già, lâu lâu viết chút ít thơ. Nhớ bài Vọng Cổ Nhân. Bấy giờ ông lão nằm ở Minnesota lạnh lẽo thê lương, nhớ cổ nhân, cổ hương, cổ sự, hướng về đâu cũng ngát mùi rượu:

“Khui chai rượu nhỏ  
Hồ trường biết rót phượng nao?  
Chợ Cũ hay là Chợ Lớn  
Phố Hàng Khay hay phố Hàng Đào?  
Quán cóc mái xiêu chợ Đũi?  
Sông Hương chiều lộng gió Lào?  
Thôn Vĩ hàng cau bụi trúc?  
Nguyễn Tri Phương hay góc Đa Kao?  
Sương khuya nhuộm bạc mái đầu  
Bạc vàng kẻ trước người sau  
Giới nghiêm cũng mặc hèm nào cũng vô  
Ờ lại có những chiều nổi gió  
Rượu ngà ngà cổ áo nâng cao  
Khói huyền dâng lên mờ sao  
Đêm Ba-tư quánh màu ma túy...” (...)

(Rong chơi) là ông Vũ, sấm nắm dần thân (như nhân vật họ Đỗ trong *Thần tháp Rùa*) cũng là ông. Cũng như làm lì là ông, mà đùa giỡn giễu cợt cũng là ông (...)

(Lại còn) chuyện chủ thuyết hay không chủ thuyết.

Ở Huế, nghe người ta tỏ ý muốn lập thuyết chống cộng, Vũ Khắc Khoan liền kéo Đặng Tiến bỏ phòng họp đi ăn phở, ra ngoài đường ông vừa đi vừa tiếp tục chế giễu phép chống cộng bằng chủ thuyết. Trong khi ấy Cao Huy Khanh cho rằng lập thuyết “Đó là điều mà Vũ Khắc Khoan và các bạn đồng chí của ông đã miệt mài theo đuổi...” (...) Ông Vũ có lúc muốn hơn thua với cộng sản bằng chủ thuyết (...) Rồi cũng ông Vũ ấy lại có lúc viết toàn những lộng ngôn, lấy cái ngôn làm trọng hơn cái ý, lấy hình thức làm trọng hơn nội dung (...)

\*

Cao Huy Khanh chê ông Vũ viết ít. Quả có ít thật. Trong một thời gian dài hơn, ông viết ít kịch hơn Đoàn Phú Tứ, Vi Huyền Đắc. Nhưng riêng chỗ đó không hẳn do ông lười. Có thể vì ông kỹ (...)

(Vũ Khắc Khoan viết kỹ, mà tìm hiểu về những chuyện liên quan đến cái viết của mình cũng không sơ sài, qua quýt chút nào.)

Lớp kịch tác gia trước ông (...) như những Vũ Đình Long, Vi Huyền Đắc, có ai am tường nguồn gốc kịch nghệ dân tộc bằng ông? có ai am hiểu hát chèo bằng ông? (...)

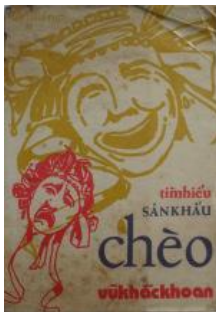


Lớp trước ông Vũ, không dễ có kịch tác gia nào biết chèo như ông; còn lớp sau ông, cũng không dễ có kịch tác gia nào biết về những quan niệm kịch Tây phương lúc bấy giờ như ông. Vì giáo sư kịch nghệ ấy không ngừng theo dõi các phong trào kịch nghệ Âu Mỹ (...)

Ông Vũ có truyện, có tùy bút, có tí thơ nữa; nhưng chủ yếu ông là kịch tác gia. Một kịch tác gia không phong phú, nhưng thành công.

(Trích bài viết về Vũ Khắc Khoan trong bộ Văn học Miền Nam)

## Vũ Khắc Khoan: Tác phẩm là một thác ngôn Thụy Khuê



Độc giả ngày nay có lẽ không mấy người biết Vũ Khắc Khoan là ai. Mặc nhiên ông là một trong những tác gia lớn - tên tuổi có lẽ không nổi tiếng như Võ Phiến, Mai Thảo hay Thanh Tâm Tuyền - đã để lại những tác phẩm độc đáo, đánh dấu những biến chuyển quan trọng về bút pháp và tư tưởng, trong nửa sau thế kỷ XX, của văn học Việt.

Vũ Khắc Khoan sinh ngày 27/02/1917 tại Hà Nội, ông là học trò trường Bưởi. Lên đại học, theo ngành y khoa hai năm, trước khi vào trường Cao đẳng Canh Nông. Sau khi tốt nghiệp, ông làm kỹ sư canh nông được một năm rồi chuyển hẳn sang nghề dạy học, dạy lịch sử tại hai trường Nguyễn Trãi và Chu Văn An, Hà Nội và hoạt động kịch nghệ, viết văn, thành lập nhóm Quan Điểm với Nghiêm Xuân Hồng.

Từ 1948 Vũ Khắc Khoan bắt đầu in bài trên báo Phổ Thông, hai vở kịch *Thằng Cuội ngồi gốc cây đa* (1948) và *Giao thừa* (1949) và bài tùy bút *Mơ Hương Cảng* (1953).

Ngay từ thời còn là sinh viên y khoa, Vũ Khắc Khoan đã đạo diễn những vở *Thế Chiến quốc* và *Nửa đêm truyền hịch* của Trần Tử Anh, trình diễn tại Nhà Hát Lớn Hà Nội; viết và dựng kịch bản đầu tay *Trường ca Mông Cổ*, tác phẩm làm nền cho vở *Thành Cát Tư Hãn* sau này. Năm 1952, vừa dựng, vừa diễn vở *Thằng Cuội ngồi gốc cây đa* tại Nhà Hát Lớn.

1954 di cư vào Nam, Vũ Khắc Khoan cộng tác với Nhật báo Tự Do, dựng lại nhóm Quan Điểm (với Nghiêm Xuân Hồng và Mặc Đỗ), dạy sử, văn chương và văn học sử tại các trường Nguyễn Trãi, Chu Văn An ở Sài Gòn. Từ 1962 lên dạy đại học. Chủ trương nguyệt san *Vấn Đề* cùng với Mai Thảo, dạy và làm giám đốc Kịch nghệ tại trường Quốc Gia Âm Nhạc ở Sài Gòn.

Di tản sang Hoa Kỳ năm 1975, ông dạy Pháp văn tại đại học Minnesota trong hai năm, cộng tác với tờ *Đất Mới* (của Thanh Nam) và tờ *Văn* của Mai Thảo. Cuối đời ông sáng tác hai bài thơ văn xuôi: *Berceuse en pluie mineure* (*Ru em theo gam mưa thứ*) và *Le petit oiseau, la petite branche et le printemps* (*Con chim nhỏ, cành cây nhỏ và mùa xuân*) và viết một số tác phẩm chưa hoàn tất: truyện dài *Bướm đêm* và kịch *Ngọa triều*. Vũ Khắc Khoan mất tại Minnesota ngày 12/9/1986 vì bệnh ung thư.

Trái ngược với những tác gia như Bình Nguyên Lộc, Mai Thảo, Võ Phiến, Vũ Khắc Khoan là người viết ít, viết kỹ, ông không phải là tác giả bình dân. Tác phẩm để lại không nhiều: Về kịch có *Giao thừa* và *Hậu trường*, *Thằng Cuội ngồi gốc cây đa* (in năm 1949), *Thành Cát Tư Hãn* (1961), *Những người không chịu chết* (An Tiêm) và *Ngộ nhận* (Quan Điểm, 1969). Về truyện, có *Thần Tháp Rùa* (Nguyễn Đình Vượng, 1957). Về biên khảo có *Tìm hiểu sân khấu chèo*, *Vở chèo Quan Âm Thị Kính* (Lửa Thiêng, 1974). Và tùy bút có *Mơ Hương Cảng* (Kẻ Sĩ, 1971), *Độc kinh* (An Tiêm, Paris, 1990) và *Đoản văn xa nước* (An Tiêm, 1995).

\*

Vũ Khắc Khoan giao hòa triết lý Đông Tây, cổ điển và hiện đại trong tác phẩm văn học một cách tài tình. Sáng tác ít, nhưng mỗi tác phẩm đều đạt tới mức cổ điển. Cổ điển trong cái nghĩa đẹp nhất: không theo thời thượng mà tìm đến những giá trị phi thời gian. Có thể nói ông là một trường hợp «*văn dĩ tải đạo*» độc đáo trong văn học Việt Nam. Cái *đạo* ở đây là *tư tưởng*, là những *vấn đề* đặt ra cho người trí thức tiểu tư sản ở thời kỳ chia đôi đất nước nói riêng, và con người nói chung, trực diện với nghệ thuật và cuộc sống. Đối với Vũ Khắc Khoan, *Thành Cát Tư Hãn* chỉ là một *cái cớ*, một *prétexe*. Tình yêu cũng chỉ là một *cái cớ*, một *prétexe*, để viết... Tất nhiên phải hiểu thêm là nhân vật, đề tài... cũng chỉ là cái *cớ* để tác giả biểu lộ tư tưởng và nghệ thuật của mình.

Biểu lộ như thế nào? Vũ Khắc Khoan có những cách thể hiện tác phẩm khác người. Ví dụ ông tạo ra một thể văn gọi là *lộng ngôn*, lưng chừng giữa kịch và tùy bút, để nói lên tính ngoa ngoắt của lời nói, ngoa ngoắt của «*văn chương*». Trong *Thần Tháp Rùa*, ông lồng hệ thống tư tưởng của mình trong bốn truyện thần kỳ: *Thần Tháp Rùa*, *Trương Chi*, *Nhập Thiên Thai* (Lưu Nguyễn) và *Người đẹp trong tranh* (truyện Tú Uyên) để tạo ra một lối viết mới mà trước ông, chưa thấy ai thử nghiệm (Cao Huy Khanh gọi là *huyền truyện*), và sau ông, không ai tiếp nối được.

1954, trước bối cảnh chia đôi đất nước, thành phần «*trí thức tiểu tư sản*» của Vũ Khắc Khoan ở cái thể gì? Thế ấy, Vũ Khắc Khoan gọi là «*trên đe dưới búa*», «*tư bản đè xuống, vô sản vùng lên*»: người trí thức tiểu tư sản «*Khoan tôi*» ở trong *thế kẹt*: Họ thuộc giai tầng lưng chừng, không giàu mà chẳng nghèo, không theo hai cực mà bị hai cực dồn ép lại. Đoản văn *Thần Tháp Rùa* viết về cái *thế kẹt* ấy của người trí thức tiểu tư sản trong thời điểm sắp chia đôi đất nước: chọn con đường nào cũng khó. Tác giả lồng thời sự trong không khí cổ kính của Thăng Long tự nghìn năm trước: với thư sinh họ Đỗ lên *Kẻ Chợ* trọ học, đứng trước những đảo điên của thời cuộc, chàng giữ thái độ lưng chừng khiến có người hỏi: «*Hiện nay thiên hạ chia đôi, không trắng thời đen, mà nghe ông nói thì thật không biết là đen hay trắng.*» Đỗ trả lời: «*Tại sao lại cứ bắt buộc phải là đen hay trắng?*» Phong cách và nghệ thuật của Vũ Khắc Khoan là đem việc hôm nay lồng vào bối cảnh hôm qua, đem những chuyện thời sự như sự kiện viên thị trưởng Thẩm Hoàng Tín ra lệnh bắt rùa để triển lãm, việc cầu Thê Húc gây đôi... làm diềm chia đôi đất nước, tất cả những yếu tố đó, được thể hiện trong văn qua những hình ảnh hư ảo tuyệt vời của thời cổ tích, ông viết: «*Dưới ánh trăng nguyên tiêu, Đỗ đứng lặng nhìn Rùa. Đỗ chợt thấy mắt rùa như mờ lệ. Đỗ hỏi: Cũng biết thủy lệ ư?*»

Dùng thể văn cổ điển, biền ngẫu, hàm súc, trau chuốt, chữ đắt giá, tạo vẻ đẹp cổ kính của một thời lồng trong nhiều thời. Dem những bản khoán của hôm nay lồng trong không khí cổ điển của hôm qua. Qua bốn đoản văn *Thần Tháp Rùa*, *Trương Chi*, *Thiên Thai* và *Người đẹp trong tranh*, Vũ Khắc Khoan đã «*dùng*» nghệ thuật để nói lên tư tưởng của mình về cuộc hiện sinh phi lý, về ảo tưởng thiên thai không bao giờ có thật, về cái thế sâu xé của người nghệ sĩ giữa hai thế lực: trường giả và thuyền chài, về sự lựa chọn khó khăn của người nghệ sĩ giữa tác phẩm để đời và lạc thú trong cuộc sống sinh thực và phồn thực.

Thần Tháp Rùa chao đảo giữa thực tế chính trị lịch sử của Việt Nam thời kỳ chia đôi đất nước và thực tế của Việt Nam hôm nay, hơn ba mươi năm sau ngày thống nhất đất nước. Tác phẩm bắc cầu giữa huyền thoại và đời sống, giữa xưa và nay, để đưa ra thực tế của văn bản nghệ thuật.

*Thành Cát Tư Hãn* là tác phẩm chủ yếu của Vũ Khắc Khoan, phản ánh sâu sắc địa bàn tư tưởng và tâm vóc của tác giả. *Thành Cát Tư Hãn* chỉ là một cái cớ để Vũ Khắc Khoan đề cập đến hai vấn đề cơ bản: *Thuyết định mệnh* và *Thuyết đợi chờ*. Bối cảnh vở kịch diễn ra trong những ngày cuối đời của Thành Cát Tư Hãn, ở mặt trận Tây Hạ. Kịch bản được dàn dựng theo truyền thống bi tráng kịch cổ điển Hy Lạp, lối Eschyle, Sophocle: Cái chết là tất yếu. Thành Cát Tư Hãn, vị đại hãn Mông Cổ, «*sùng sùng, lẫm lẫm, khốc liệt và hầu như vô giác*» tự xác định mình là Trời, là Thượng Đế, quyết san bằng *Đất liền*, tiêu diệt tất cả những sinh mạng cản trở bước tiến của quân Mông Cổ. Thành Cát Tư Hãn đã thành công trong sự tàn sát, đã giết hết *nhân sinh*, nhưng không giết được *Thần chết*, kẻ thù vô hình của mình. *Không thắng được định mệnh*. Thành Cát Tư Hãn, vị đại hãn khốc liệt, uống công tìm thuốc trường sinh, uống công «*đọc ngang chém giết, để rồi ... để rồi một ngày kia cũng mục nát như cây cỏ.*»

*Định mệnh* của Thành Cát Tư Hãn là *Thần chết*, được khắc tạc dưới những nét của Cổ Giã Trường, anh hùng Tây Hạ, một kẻ vô hình, chỉ có thanh kiếm của hắn là hiện hữu. Trong suốt vở kịch, Thành Cát Tư Hãn *chờ đợi* Cổ Giã Trường, nhưng *hắn không đến, hắn chưa đến*. Mỗi lần có tin Cổ Giã Trường sẽ đến, là một thủ cấp của người thân đại hãn được bưng ra bệ kiến, như chén thuốc độc dâng lên trước «*Mệnh Trời*». Bi kịch của Hãn là bi kịch của nhân sinh: Con người khốc liệt và kiêu hùng nhất là Thành Cát Tư Hãn cũng chỉ đợi chờ cái chết. *Sống để chờ chết và không ai biết trước diện mạo định mệnh của mình*, là những chủ đề chính trong tác phẩm. *Thuyết định mệnh* và *thuyết đợi chờ* giao thoa với nỗi cô đơn tuyệt đối của vị đại hãn trong sa mạc thần quyền, tạo nên hình tượng bi đát nhất của một bạo chúa trong tác phẩm *Thành Cát Tư Hãn*.

Vũ Khắc Khoan hòa trộn hai lối nghệ thuật kịch trường mà ông rất thích: «*lẫm lẫm nhất*» như Shakespeare và «*ít lời nhất*» như Samuel Beckett. Nhiều người cho rằng sự *đợi chờ* trong kịch của ông là do ảnh hưởng kịch *En attendant Godot* (Đợi Godot) của Samuel Beckett. Nhưng thực ra, tư tưởng *đợi chờ* đã có trong Vũ Khắc Khoan từ vở *Giao thừa* (đợi giao thừa) viết năm 1949 (được trình diễn năm 1951 tại Nhà Hát Lớn, Hà-nội) trong khi kịch của Samuel Beckett đến 1953 mới được trình diễn ở Paris. Do đó, sự trùng hợp tư tưởng ban đầu có lẽ chỉ là ngẫu nhiên. Sau này Vũ tìm đọc và nghiên cứu Beckett, và ông đã viết những nhận định sâu sắc của ông về Samuel Beckett, trong bài tiểu luận *En attendant Godot* (Đợi Godot) in trong *Giấc Mơ Hương Cỏ*.

Vì vậy chúng tôi đặt *thuyết đợi chờ* như một yếu tố đặc thù trong hệ thống tư tưởng của Vũ Khắc Khoan, độc lập với Samuel Beckett, đã có trong họ Vũ, từ trước khi ông tiếp xúc với tác phẩm của Beckett.

Tác phẩm *Đoản văn xa nước*, tập hợp những bài viết cuối cùng của nhà văn tại hải ngoại, là một tập hợp những truyện, ký, hồi ức và tùy bút. Trong đó bài tùy bút *Độc kinh*, tác phẩm cuối cùng của nhà văn, là một suy nghiệm triết học về sống và chết, về có và không, của một đời người, bôn ba trong sinh hoạt tư tưởng và nghệ thuật.

Vũ Khắc Khoan là một trong những nhà văn Việt nam đã hoà đồng hai yếu tố khó nhất trong một tác phẩm văn học: triết học và văn chương, để làm sao cho tác phẩm, tuy chờ tư tưởng triết học, nhưng đọc vẫn thú vị, thanh thoát như một áng văn xuôi đầy chất thơ. Và chính ở chỗ đó, mà người nghệ sĩ Vũ Khắc Khoan đã hoà đồng được thiên thai và thể tục, thiên đàng và trần thế, điều không thể làm được trong thực tại cuộc đời, chỉ có thể hiện hữu trong tưởng tượng và nghệ thuật.

### **Thần Tháp Rùa**

*Thần tháp rùa* là một trong những tác phẩm huyền ảo, đặc sắc nhất mà văn học Việt Nam có được trong nửa sau thế kỷ XX. Nếu trong nửa đầu, chúng ta đã có những tác phẩm của Nguyễn Tuân, đặc biệt *Chùa Đàn* là một kiệt tác. Thì nửa sau, chúng ta có *Thần Tháp Rùa*. Nhưng nghệ thuật của Nguyễn Tuân và Vũ Khắc Khoan hoàn toàn khác nhau. Sự huyền ảo (fantastique) của họ cũng khác: Nguyễn Tuân đi vào địa hạt tâm linh huyền bí của con người, vào những ẩn ức dục tình truyền kiếp, trong một không khí hiện thực hôn mê, ma quái, có thể

xảy ra ở bất cứ nơi nào. *Trọng tâm huyền ảo của Nguyễn Tuân là con người*, là sự huyền ảo trong tâm linh con người, những ám ảnh, những nhiệt tình, những cảm xúc mãnh liệt trong tình yêu và nghệ thuật nơi *Con Người*. Dù có «ma», như hồn Chánh Thú, hồn Mợ Lãnh, nhưng những hồn này hiện diện để đốt cháy nhiệt tình trong những người sống là Cô Tư, Bá Nhỡ, Cậu Lãnh. Con người ở Nguyễn là *Con Người* viết hoa.

Trong khi Vũ Khắc Khoan tạo ra một không khí huyền ảo *không thể dựng lại được* trên bất cứ một thực tế nào. Bởi Vũ đã pha trộn những chiều không gian và thời gian khác nhau trong cùng một môi trường. Vũ cho những nhân vật thời nay sống trong không khí thời xưa, với văn chương biền ngẫu, âm điệu cổ, với Rùa thần, với Thiên Thai, tiên cảnh, với hiện thực Bồ Tùng Linh. Không khí truyện của họ Vũ vừa thực vừa ảo, con người trong truyện cũng vừa thực vừa ảo, nhưng không làm ta sợ (đọc Bồ Tùng Linh, ta cũng không sợ). Bởi Vũ không dùng không khí huyền hoặc để áp đảo tinh thần nhân vật và người đọc như Nguyễn. Vũ dùng người, dùng nhân vật, như Bồ, để phát biểu những điều mà Vũ ấp ủ trong lòng. Đối với Vũ, nhân vật chỉ là cái cớ, *tác phẩm chỉ là một thác ngôn về những Vấn Đề*. Yếu tố chính trong tác phẩm *Thần Tháp Rùa* của Vũ Khắc Khoan là những *Vấn Đề*. Là con người xuyên qua những vấn đề. Vũ dùng nhân vật để giải quyết những vấn đề đang sôi sục trong đầu Vũ, trong thực tại xã hội mà Vũ đang sống. Và như một nhà tiên tri, tất cả những vấn đề họ Vũ đặt ra thời kỳ 1954, thời kỳ đất nước vừa bị chia đôi, dường như vẫn còn tồn tại đến ngày nay. Vì thế mà tác phẩm của Vũ Khắc Khoan đã trở thành cổ điển ngay khi vừa chào đời.

Thần Tháp Rùa là một tập *huyền truyện* gồm 4 truyện: *Thần tháp Rùa*, *Trương Chi*, *Nhập Thiên Thai* và *Người đẹp trong tranh*, viết trong khoảng từ 1954 đến 1957. Đây không phải là tác phẩm đầu tay, nhưng là tác phẩm nòng cốt của Vũ Khắc Khoan, mở đầu cho một quan niệm sáng tác, một cách suy tư, một lối sống, lối viết, một lối lựa chọn, đúng ra là sự phân vân không biết lựa chọn như thế nào. Nó là sự đong đưa giữa những vấn đề lớn của dân tộc, của con người, giữa *xuất thế* và *nhập thế*, giữa *trắng* và *đen*, giữa *thiên đường* và *trần thế*, giữa *nghệ thuật* và *cuộc đời*. Mỗi lựa chọn là một câu hỏi: Nghệ thuật có thể rời xa cuộc sống được chăng? Nghệ thuật có thể phục vụ thế quyền được chăng? Người trí thức, nghệ sĩ tiểu tư sản Vũ Khắc Khoan, tức «Khoan tôi» như tiếng ông tự gọi mình, sống trong thời đại mà vô sản vùng lên tư bản đè xuống ấy, có thể làm gì được?

Nhưng chính cái «Khoan tôi» ấy, cũng lại là một giá trị nghệ thuật và tư tưởng, bởi chính hần - *Khoan tôi* - cái tôi của người nghệ sĩ, hần là kẻ sáng tạo, mà kẻ sáng tạo thì không tư bản mà cũng chẳng vô sản, hần chỉ là người viết ra tác phẩm. Hần còn là kẻ trí thức, và *cái kẻ trí thức ấy, cái kẻ sáng tạo ấy, ngày nay vẫn chưa thoát khỏi tình thế trên đe dưới búa*, vì thế mà *Khoan tôi* 1954, vẫn còn là *Khoan tôi*, khuôn mặt trí thức sáng tạo Việt nam hôm nay: tác phẩm của Vũ Khắc Khoan có tính chất tiên tri.

\*

Truyện dựng trên các truyền thuyết: về Thần Kim Quy, về tiếng hát Trương Chi, về Lưu Nguyễn nhập thiên thai, về Tú Uyên Giáng Kiều. Vũ Khắc Khoan tái tạo các huyền tích cũ để kiến trúc một tác phẩm mới. Những huyền thoại về Thần Kim Quy, Trương Chi, Lưu Nguyễn nhập thiên thai, về Tú Uyên Giáng Kiều, được ông dựng lại trong một tư thế mới, không còn đơn thuần là thần tích nữa, bởi chúng đã được biến cải, nhào nặn lại trong không khí, trong môi trường nửa tiên nửa tục, nửa hiện sinh nửa tiền kiếp, nửa hôm qua nửa hôm nay, chúng trở thành một sản phẩm phi kim, phi cổ, trong một đầu thai, một sống lại, mới.

*Vấn đề* đầu tiên, đi từ một thực tại đơn giản, đó là thực tại lịch sử của thời chia đôi đất nước: Thiên hạ chia đôi, anh theo bên nào?

Trong truyện Thần Tháp Rùa, Người thư sinh họ Đỗ chính là *Khoan tôi*, được mô tả như sau: «*Lên đến Kẻ Chợ, Đỗ ngồi dạy học ở phường Hàng Bạc, tạm yên sinh kế để có thể tiếp tục học hành (...) Giọng Đỗ trầm bổng như tiếng trúc tiếng tơ, khi mau khi chậm, khi thoảng nhẹ tựa cơn gió mùa hạ, khi thiết tha như tiếng đục trạm của người rửa ngọc. Bọn bè ai nghe cũng thấy thích tai, cho là lạ, phục Đỗ học rộng, biết nhiều. Tự trung cũng chẳng hiểu Đỗ ra sao.*

*Một hôm, có người hiếu kỳ gần nửa đêm, đập cửa nhà Đỗ, đòi chất vấn.*

- Hiện nay thiên hạ chia đôi, không trắng thời đen, mà nghe ông nói thì thật không biết là đen hay trắng.

Đỗ ngẫm nghĩ hồi lâu, thủng thẳng trả lời:

- «Tại sao lại cứ bắt buộc là đen hay trắng? Mặt trăng, vòm trời, khi khuyết, khi tròn. Ánh sáng mùa thu trong như ngọc mà thật ra lại hợp bảy màu. Lá cây phong bên bãi lúc xanh, lúc đỏ. Chân lý ở đời không đơn giản như bụng dạ trẻ con. Tại sao lại cứ bắt buộc là đen hay trắng?» (Thần Tháp Rùa, trang 12- 13).

Họ Đỗ chính là họ Vũ ở thập niên 50, vừa học, vừa dạy. Hành trang của chàng chỉ có chữ mà không có tiền. Trong thế chia đôi thiên hạ giữa tư bản và cộng sản, Đỗ nhập vào đâu cũng khó. Chàng tự nhủ «Tư bản đề xuống mà hòa theo là tư cách tiểu nhân», mà «Vô sản vùng lên, nếu nhập vào, ắt mất tự do» (trang 14). Nỗi băn khoăn của họ Đỗ, sách vở cổ kim không giải đáp được. Cơ may khiến chàng được hội ngộ với Rùa thần. Nguyên hôm ấy viên thị trưởng Thẩm Hoàng Tín, nhân dịp nguyên tiêu, ra lệnh bắt Rùa để dân Kẻ Chợ được dịp mua vui, chuyện xảy ra như thế này:

«Lúc bấy giờ, gió đông thổi lộng, sóng hồ bập bênh, trăng rằm lên ngôi, sương mỏng buông xuống ướt cả cỏ non. Đối cảnh mà cảm khái, mềm môi uống mãi, lúc đứng lên mới biết đã say, Đỗ chập chững ven hồ mà bước. Một lát sau thấy mình dừng lại trước Rùa, bèn giương mắt mà ngắm. Rùa to bằng cái nia, đầu cổ sần sùi, bốn chân bị trói.

Đỗ đứng lặng nhìn Rùa. Rùa cũng vươn cổ nhìn Đỗ. Dưới ánh trăng nguyên tiêu, Đỗ chợt thấy mắt Rùa như mờ lệ.

Nhân còn say, Đỗ hỏi:

- Cũng biết thùy lệ ư?

Rùa gật đầu, vươn cổ ra phía hồ. Nước hồ trong xanh dưới ánh trăng xanh. Đáy hồ rêu cũng xanh. Đỗ nhìn quanh không thấy có ai, bèn xắn tay cỡi trói cho Rùa. Rùa dụi đầu vào tay Đỗ, Đỗ thấy mát rượi lòng tay. Bèn vỗ vào mai Rùa mà rằng:

- Thôi đi đi, từ nay nên cẩn thận.

Rùa choài mình xuống nước. Mai Rùa lấp loáng phút chốc biến mất.

Đỗ nhìn theo hồi lâu rồi cũng trở về.

Đêm hôm đó, Đỗ trần trọc không nhắm mắt. Định đọc sách, thì tâm thần phiêu diêu bất định, chữ múa trước mắt, nghĩ sách thoáng xuôi như cơn gió mùa xuân.

Đỗ bèn vùng dậy, mở toang cửa sổ. Trăng tỏa đầy gác học. Trăng soi sáng bốn bề ngập sách. Sách ở bàn, ở tủ, từng chồng, từng tập, ở cả đầu giường. Quyển mở xem vội vài trang, quyển khép kín im lìm một xó tường. Mã Khắc Tư ôm ấp Lão Tử. Sartre nằm cạnh tập kinh Tân Ước. Bao nhiêu suy nghĩ, bao nhiêu cố gắng, bấy nhiêu cây mọc cắm dọc con đường tư tưởng tự nẻo xa xôi, rần rần vườn Eden chưa từng bò sát cho đến bây giờ. Tự trung chân lý vẫn chập chờn như đom đóm lập loè giữa bãi tha ma. Sách lặng lẽ lên bụi. Đỗ bỗng thấy ngọt thở mà quay đi. Và rụt rè nghĩ rằng:

- Thế ra mỗi người là một thế sống tùy thời mà biến hoá khôn lường. Thế Chiến Quốc, Thế Xuân Thu... Thế sống Mạnh Tử và Thế sống Khổng Khuru. Mà nào ai đã khuyên nhủ được ai? Hỡi ơi! Ta vỡ lòng trong mớ bụi dĩa văng, lớn lên cùng tập giấy mủn, nhìn thế cục xoay vần bằng con mắt cỏ nhân. Nay lại định giải quyết hiện tại bằng phương quá khứ! Còn vỗ ngực trách ai nữa.» (trang 18).

Sự băn khoăn, không dứt khoát của Đỗ, ở hay đi trong thế Hán Sở tranh hùng, sách vở không giúp gì cho chàng được. Vốn liếng của chàng chỉ là chữ. Không có tiền, chàng biết mình không thể nhập vào bọn tư bản mà nếu muốn nhập vào bọn vô sản thì phải đốt sách đi. Sự lựa chọn muôn phần khó khăn, khốc liệt, chàng đã nghĩ đến chuyện hy sinh sách vở, bởi chúng vô ích trong hoàn cảnh này.

Nhưng người thần nữ nhắc:

- «Đốt được nhà, nhưng sao đốt được sách? Chàng còn nhớ cuộc phản thư thừa bắt đầu xây dựng trường thành, càng đốt sách, nghĩa của chữ lại càng trong trẻo, dễ vút lên cao, dễ lan ra rộng... Họ Tần đốt sách Khổng Khuru, vậy mà cái lý Tam Cương của người nước Lỗ đâu có bị

hoả thiêu cùng sách?... Chàng muốn thiêu hủy đến không còn một tấc đất tư duy. Nhưng rút cục chàng lại thấy em.» (trang 29).

Rùa, hiện thân thần nữ, đã cho Đố những giây phút tuyệt đỉnh hạnh phúc, đã chỉ cho Đố cái vô ích của sự tiêu hủy tư duy. Thần nữ hiểu tâm sự băn khoăn của chàng, nàng bảo: «Chàng khổ tâm vì trong cái thế tranh hùng Hán Sở, không biết đâu là nơi dụng võ. Một đằng là búa đập xuống đe, một đằng là mặt đe nảy lửa. Một đằng là kẻ có tiền, một đằng hoàn toàn tay trắng. Nhập vào đâu cũng chỉ là kẻ nhất thời. Đứng ở đâu cũng là mượn tạm đất đứng.» (trang 29). Lý trí muốn nghiêng về thế vô sản, nhưng chàng không thể đốt sách, bởi Đố hiểu hơn ai hết, những lời thần nữ: «Đốt được nhà, nhưng sao đốt được sách? Càng đốt sách, nghĩa của chữ lại càng trong trẻo».

Đố không có lựa chọn nào khác. Chàng ở trong thế kẹt. Không lối thoát.

Lối thoát là nghệ thuật, xảy ra ở một hoàn cảnh khác, trong truyện *Người đẹp trong tranh*, huyền thoại Tú Uyên và Giáng Kiều, với một lựa chọn khác, không kém đau đớn xót xa:

«Giữa một người đẹp mơn mớn đào tơ và một nét họa trong tranh, giữa cái nhất thời tương đối và cái tuyệt đối bất chấp thời gian, Tú Uyên phải chọn lựa. Giữa một bức tranh và Giáng Kiều. Giữa cái đích hazy còn xa lắc và một tấm thân hiện đang còn run rẩy trong vòng tay khép chặt của chàng. Giữa cái chữa thành hình và cái hiện hữu sự chọn lựa thật vô cùng đau xót.» (trang 112).

Giữa cái «chữa thành hình và cái hiện hữu» Tú Uyên đã chọn cái «chữa thành hình». Cái chữa thành hình là tác phẩm nghệ thuật. Cái hiện hữu là Giáng Kiều. Là người đẹp, là nàng thơ, là những say mê đắm đuối. Chàng làm theo lời người thầy căn dặn: «Thể hiện vẻ đẹp trong tranh mới là cái đích cuối cùng. Không nên đắm đuối vào phương tiện mà quên mất đích». Và chàng đã hy sinh tình yêu để đạt nghệ thuật. Nhưng khi Tú Uyên hy sinh «phương tiện Giáng Kiều» để vẽ xong bức tranh, thì chàng lại lạc mất đường đời. Tới đây, một vấn đề mới được đặt ra: Nghệ thuật có thể xa lìa cuộc sống được chăng? hay chính sự đóng đưa giữa thực tế và vĩnh cửu, mới là bản chất của nghệ thuật? Nghệ thuật là gì? Nếu không là sự chết đi để đạt tới tuyệt đối? Giáng Kiều hy sinh tính mệnh để tác phẩm (của Tú Uyên) đi vào lòng tuyệt đối. Muốn cho chàng hoàn thành bức họa để đời, nàng phải chịu hoá thân, phải rút bỏ phần mình gắn bó với nghệ sĩ. Mỗi tác phẩm là một cuộc đầu thai, người nghệ sĩ phải hy sinh, phải «chết mình» đi một ít. Cái phần Tú Uyên chết đi ở đây là một nửa phần mình, là Giáng Kiều, là tình yêu: Người nghệ sĩ, muốn đạt tới đỉnh nghệ thuật, phải hy sinh hạnh phúc thiêng liêng nhất của mình để đầu thai vào tác phẩm.

Nếu *Người đẹp trong tranh* đặt vấn đề điều kiện sáng tác, thì *Trương Chi* bàn đến vấn đề quyền uy của nghệ thuật:

«Lời ca có thể xuống lệnh cho loài người. Vượt lên bậc nữa, thì thông cảm với gỗ đá... nhưng cái bậc siêu phàm của âm thanh, chính là yên lặng hoàn toàn để cho ý nhạc có thể vượt thời gian mà rung cảm cùng kiếp trước, kiếp sau, bỏ không gian mà hoà vào vũ trụ.» (trang 39).

Tiếng hát Trương Chi, tuy uy quyền như thế, nhưng nó chỉ có quyền lực siêu phàm khi nó không vụ tình, vụ thời, vụ lợi, vụ quyền. Khi họ Trương đem tiếng hát của mình phục vụ cho đám thuyền chài và người đẹp trưởng giả thì «Trương Chi đã hoàn toàn lột xác. Chàng đã mất tất cả, từ hình hài đến tâm tưởng, từ nếp sống đến lời ca tiếng hát, để trở nên một gã thuyền chài vạm vỡ, thô kệch.» (trang 49).

Trong *Nhập Thiên Thai*, Vũ Khắc Khoan đặt vấn đề với những thiên đường.

Loài người mơ tưởng thiên đường. Thiên đường là cõi sống tuyệt đối. Thiên đường là nguồn cội: «Nguồn là tuyệt đối, cho nên phân cực cũng rất rõ ràng (...) Anh đã chọn lựa. Giữa hai thái cực, sự lựa chọn của anh tất thiên về một phía. Cũng như Lưu và Nguyễn đã quên mất căn tương đối của kiếp làm người, mà tìm nguồn tuyệt đối, thì giữa cái thế gong kim tư bản vô sản, anh cũng đã quên hẳn cái thế của chính anh (...) Anh đã nhập Thiên Thai (...) Từ Thức đã bỏ Thiên Thai và Lưu Nguyễn cũng thế. Tại sao?

*Theo tôi thì không ở lại, chỉ vì không thể ở lại. Chỉ vì thấy Thiên Thai không phải là chỗ của mình (...) Mai Nhi và Đào Nhi không biết yêu. Không ai ở Thiên Thai biết yêu cả. Ở Thiên Thai thì phải diệt tình. Vì đó là lẽ tồn tại của cõi Thiên Thai.»* (trang 74).

Ở thời điểm 54-56, sự lựa chọn giữa Nam Bắc chia đôi là một vấn đề địa lý chính trị nhất thời, nhưng cũng lại là vấn đề phân cực của con người muôn thủa.

Không theo tư bản, nhưng liệu có thể theo vô sản thiêu hủy tư duy không? Đây cũng là thách thức lớn nhất của con người trước mọi lựa chọn thái độ trước áp chế, thể quyền.

Vũ Khắc Khoan muốn đưa ra một lựa chọn thứ ba, lựa chọn sự tương đối, không theo cực nào. Nhưng chính sự lựa chọn này người Việt cũng không thể có được ở thời điểm chia đôi đất nước. Sự lựa chọn này chỉ là ảo giác của văn chương, là huyền thoại của cuộc sống.

Chênh vênh giữa cái có và cái không, giữa thế giới tuyệt đối của những thiên đường không có đất sống và thế giới trần tục của cuộc đời lầm bụi, người Việt hành hương thường trực giữa thiên đường và địa ngục, nhưng chưa bao giờ tìm được lối thoát cho chính mình.

### **Thành Cát Tư Hãn**

Từ *thần thoại* (légende) đến *huyền thoại* (mythe) là cả một chặng đường dài. Những kịch tác gia cổ đại của Tây phương như Eschyle, Sophocle, Euripide... trong thời kỳ vàng son của bi tráng kịch (tragédie) đã để lại cho hậu thế không chỉ những tác phẩm mẫu mực về bi tráng kịch mà đằng sau những nhân vật ngoại khổ như Oedipe, Antigone... là mối tương quan giữa nhân sinh và môi trường sống, giữa nhân sinh và định mệnh... Ngoài ra, còn một thông điệp quan trọng nữa, là *họ đã khai phá cách dùng truyện như một cái cớ, một prétexte, một thác ngôn, để nói về truyện khác*. Họ đã chuyển hoá *thần thoại* thành *huyền thoại*.

Thấm nhuần sâu sắc tinh thần bi tráng kịch cổ điển Tây phương, Vũ Khắc Khoan trong màn giáo đầu vở Thành Cát Tư Hãn, viết năm 1962, đã nhắc đi nhắc lại hai lần:

«*Thành Cát Tư Hãn chỉ là một cái cớ*». Bởi vì ông không trình bày nhân vật Thành Cát Tư Hãn như một khuôn mặt lịch sử mà ông mượn tình thế của Thành Cát Tư Hãn để nói đến những việc khác, ông đã đẩy Thành Cát Tư Hãn từ *tư thế lịch sử* sang *tư thế bi tráng kịch*. Và Thành Cát Tư Hãn trở thành một trong những vở bi tráng kịch đầu tiên của Việt Nam viết theo đúng truyền thống tragédie của Hy Lạp.

Bi tráng kịch hay nói gọn là *bi kịch* (tragédie) khác với *thảm kịch* (drame). Nếu thảm kịch chỉ là trò chơi của sự tình cờ, những tình tiết éo le trong thảm kịch có tính chất tai nạn, thì bi kịch gạt bỏ tính chất tình cờ, những gì xảy ra trong bi kịch có thể đoán trước được, bởi nó là hệ quả của định mệnh. Trong bi kịch, tất cả được điều chỉnh theo logique khốc liệt của định mệnh, la fatalité. Cái chết của Thành Cát Tư Hãn, cũng như cái chết của Antigone, là tất yếu, là fatale, là không thể tránh được.

Vì vậy, ngay trong màn giáo đầu. Vũ Khắc Khoan cho biết: «*Thành Cát Tư Hãn đã chết*».

Theo chính sử, thì Thành Cát Tư Hãn chết ở Tây Hạ, có thể chết do những vết thương ngã ngựa, sau khi chinh phục Tây Hạ. Trong kịch của Vũ Khắc Khoan, đó là một cái chết bí mật không biết tại sao.

Nhưng cái chết của Thành Cát Tư Hãn cũng chỉ là một cái cớ, một thác ngôn về thân phận con người đối chọi với định mệnh. Một thác ngôn về sự đầu hàng của kẻ chiến thắng trước những oan hồn chiến bại. Một thác ngôn về tội ác và trừng phạt

Vở kịch trình bày cuộc đối đầu tay ba giữa Thành Cát Tư Hãn, vị Đại hãn bách chiến bách thắng Mông Cổ, với Cổ Giã Trường, đại tướng Tây Hạ cũng là kẻ chiến bại. Và Sơn Ca, em ruột Cổ Giã Trường, người nghệ sĩ, kẻ tự do, không tham dự cuộc chiến. Tác phẩm là một thác ngôn về sự đối đầu tay ba giữa *chiến thắng, chiến bại và nghệ thuật*

Bối cảnh được mô tả như sau: «*Lúc bấy giờ quân Mông Cổ đã chiếm xong Tây Hạ. Tại ngoại thành kinh đô Tây Hạ, thượng lưu sông Hoàng Hà, nơi hạ trại của quân Mông Cổ. Trong lễ Thành Cát Tư Hãn (...). Màn mở lên, nắng quái một chiều cuối đông hắt vào lều (...). Trên ngai sừng sững, lẫm lẫm, khốc liệt và hầu như vô giác là Thành Cát Tư Hãn*». (trang 31). Và đây là chân dung tinh thần vị đại hãn: «*Ta không biết chữ. Đối với ta, một cuốn sách quý là một cuốn*

sách trắng tinh không chữ. Một cuốn sách yên lặng, yên lặng và bát ngát như đêm nơi sa mạc. Yên lặng như một người đàn bà đẹp phục tùng.» (trang 36).

Đại hãn biểu trưng sự thực thứ nhất: *Bạo lực luôn luôn mù chữ.*

Đại hãn không biết yêu. Tình yêu đối với đại hãn là sự chiếm đoạt. Đại hãn có trong tay Giang Minh, công chúa Tây Hạ, đẹp tuyệt trần. Nhưng đại hãn tự hỏi: «*Tình yêu là cái quái gì? Đối với ta, chỉ có một thắng một bại. Đó là tình yêu. Kẻ bại phải phục tùng người thắng. Đó là tình yêu.*» (trang 52).

Đại hãn biểu trưng sự thật thứ nhì: *Bạo lực không biết yêu.*

Đại hãn biểu dương quyền năng tuyệt đối: «*Thượng đế chính là ta. Nhà ngươi hãy mở rộng mắt mà nhìn: Trùng trùng điệp điệp là đại quân Mông Cổ, trùng trùng điệp điệp dưới lá cờ cửu vĩ của ta. Một triệu người như một. Ta xuống một lệnh. Một triệu người cúi đầu dưới lệnh của ta. Ta bảo tiến là tiến. Ta cho sống được sống. Ta bắt chết phải chết. Ta là trời, ý ta là ý trời.*» (trang 53).

Đại hãn biểu trưng sự thực thứ ba: *Quyền uy tuyệt đối luôn luôn gắn liền với bạo lực.*

Một quyền uy, một bạo lực như thế. Nhưng chỉ có một câu hỏi, một mục đích, một hoài vọng duy nhất, mà không thể thoả mãn được, đó là:

«*Ta muốn gặp mặt Cổ Giã Trường.*» (trang 42).

«*Ta muốn biết Cổ Giã Trường hiện giờ ở đâu.*»

*Nếu cần giết hết loài người trên Đất Liền để biết được điều đó thì... ta cũng vẫn sẵn sàng.*» (trang 45)

«*Hiện Cổ Giã Trường ở đâu? Ta không thể xua quân đuổi theo một cái bóng.*» (trang 49)

«*Sào huyết Cổ Giã Trường ở đâu? Tả ngạn hay hữu ngạn Hoàng Hà?*» (trang 50)

*Cổ Giã Trường hiện ở đâu? Cổ Giã Trường hiện ở đâu?*

Một quyền uy, một mãnh lực như thế, mà suốt đời chỉ có một nỗi sợ duy nhất là cái chết:

«*Không ai! Không ai thoát được cái chết. Có sống tất có chết, đó là thông lệ của tạo hoá. Mà tạo hoá... tạo hoá là cái gì? Một mai, không còn ta nữa, thì ai sẽ thay ta mà ngồi trên ngai vàng Mông Cổ? (...) Tất cả những quãng đất mệnh mông mà ta nhọc nhằn chiếm giữ, rồi sẽ chia năm sẻ bảy. Tất cả hùng binh tướng mạnh của ta sẽ tan rã.*» (trang 66).

«*Bảy mươi năm trường đâm chém, diệt từng nước, đốt phá từng miền... Để làm gì? Chết! Mục nát với cỏ cây! Không... ta cần phải sống mãi mãi. Ta phải trường sinh bất tử.*» (trang 70).

Cái chết là nỗi ám ảnh không ngừng, là sự đợi chờ, là Godot, là con dao của định mệnh mỗi ngày mỗi khứa thêm một chút vào cái vết thương của Thành Cát Tư Hãn, kẻ thắng trong chiến tranh, nhưng không thoát khỏi định mệnh, bởi vì, như lời Sơn Ca: «*Nhà ngươi vốn chỉ biết dùng cái chết để đãi thiên hạ. Tất nhiên... nhà ngươi lại gặp cái chết. Nhà ngươi không nên phàn nàn.*» (trang 177).

\*

Trực diện với Thành Cát Tư Hãn uy nghi và khốc liệt là Sơn Ca, cuồng sĩ Tây Hạ, em ruột Cổ Giã Trường. Và đây là diện mạo Sơn Ca: «*Đó là một chàng trai nhỏ tuổi, thân hình gầy guộc, bước đi lênh khênh như chiếc nai tơ, trán cao mà móp như chúa nhiều ý nghĩ kỳ dị, mắt nhìn sâu thẳm vào cuộc đời, khoe mắt lúc uất ức lúc chán chường cũng lại có khi loé lên ranh mãnh, miệng có nhếch mép, tiếng cười tuy muốn hồn nhiên nhưng môi mím lại, nét cười héo hắt nửa mai. Sơn Ca không đẹp nhưng không thường.*» (trang 78).

Và đây là cuộc đối thoại giữa ông già ái quốc Tây Hạ và Sơn Ca:

Ông già Tây Hạ:

«*Nhà ngươi nên cảm tạ trời đất. Nhà ngươi sắp được vinh dự hy sinh.*

Sơn Ca:

*Hy sinh! Hy sinh là một danh từ quan trọng. Thừa lão trượng, hy sinh cái gì và... cho cái gì?*

Ông già: *Hy sinh cuộc sống ti tiểu của mình cho một cái gì cao siêu, trường cửu.*»

Nhưng quan niệm của Sơn Ca khác hẳn ông già Tây Hạ, chàng nói:

«*Lịch sử! Lại một danh từ quan trọng! Lịch sử là vật sở hữu riêng của những người già (...) của những bậc danh nhân, của những nàng liệt nữ (...) Văn sinh vốn không ưa làm danh nhân, tính*



*lại rất ghét anh hùng (... ) chính bởi văn sinh biết chắc lão trượng đang mong được chết (...) vậy thì mượn một lưỡi đao Mông Cổ mà chết, đối với lão trượng, tuổi hạc đã cao rồi, tính kỹ cũng không thiệt mấy... Mà chắc chắn lại chiếm được một chỗ ngồi thoải mái trong lịch sử (...)* Thương thay cho quân Mông Cổ, tự nhiên lại lợi đến đây, đâm đâm, chém chém, để chỉ làm giàu thêm cho lịch sử thiên hạ! (...) Không có cuộc sống nào đáng sống cả. Lỡ sống thì đành nhận cuộc sống. Nhưng phải tìm lấy một cách sống riêng biệt cho mình. Sống anh hùng, sống liệt nữ cũng là một cách sống (...) văn sinh không có tài bất chước. Văn sinh không muốn làm một thứ tượng đất đúc khuôn, dầu là khuôn vàng.» (trang 81-82- 83).

Sơn Ca đã chinh phục vị đại hãn bằng những hình ảnh lung linh của cuộc đời bình an, một cuộc đời không đâm chém, một cuộc đời xa côi chết.

Đó là những hình ảnh của «*một người đàn bà. Một ánh lửa bếp rung rinh. Một dải mây trắng vắt vẻo ngang đèo. Một thoáng gió lọt kẽ lều. Một đàn cừu trắng nổi. Một cánh đồng cỏ mọc mượt xanh. Một tiếng sáo mục đồng.*» (trang 96).

Sơn Ca đã dạy cho vị đại hãn dư vị của cuộc sống, hạnh phúc của những phút giây hưởng thụ một tia nắng, ngắm một bóng mây, đón một ngọn gió, cảm khoái thiên nhiên, sống với âm thanh và màu sắc, sống với tình yêu, sống cuộc sống bình thường, an nhiên, tự tại.

Nhưng tất cả đều đã quá muộn. Vị đại hãn chỉ dừng lại vài phút, trong cảm thông với Sơn Ca, để hát lại tiếng hát mục đồng của mình thời niên thiếu. Phút cảm thông chấm dứt. Thành Cát Tư Hãn trở lại với sứ mệnh chém giết, với nỗi ám ảnh siêu hình, với cuộc chiến trường kỳ giữa thắng và bại.

\*

Phản diện với đại hãn, kẻ vừa san bằng Tây Hạ, là Cổ Giã Trường, kẻ vắng mặt, kẻ chiến bại, Cổ Giã Trường, Đại tướng Tây Hạ, một thứ Godot-Beckett.

Cổ Giã Trường, theo lời kể lại, diện mạo như sau: «*Người cao và thẳng như cây dừa sa mạc. Vai như vai con gấu núi. Tay vươn ra như tay vươn. Mũi thẳng như trái mật treo. Đôi lông mày là hai nét móc. Đôi mắt sáng ngời như sao Hôm sao Mai.*» (trang 41).

Người tinh mắt có thể nhận ra: đây cũng là một diện mạo của Thành Cát Tư Hãn. Cổ Giã Trường là âm bản, là linh hồn của Thành Cát Tư Hãn. Bởi diện mạo của vị anh hùng và kẻ cướp nước cùng chung một nét: đó là nét của tử thần. Mỗi lần có tin Cổ Giã Trường sẽ đến, là có một cái chết đến với Thành Cát Tư Hãn. Cổ Giã Trường, đại tướng Tây Hạ không xuất hiện, nhưng trong bóng tối, chặt dần chân tay của Thành Cát Tư Hãn: Lần thứ nhất là cái chết của Thái Tử Tây Hạ, kẻ sắp sửa ra đầu hàng Thành Cát Tư Hãn. Lần thứ nhì: Thủ cấp của Lý Tư, quân sư của Thành Cát Tư Hãn. Lần thứ ba: Đầu lâu của Truật Xích Hãn, con trai Thành Cát Tư Hãn. Và lần cuối cùng là thủ cấp của Dương Bản, đại tướng của Thành Cát Tư Hãn.

Cổ Giã Trường trở thành một thứ định mệnh nghiệt ngã, một kẻ báo thù, một độc dược vô hình, đã nằm trong cơ thể của đại hãn. Một thứ oan hồn, vật vờ và hành hạ. Một thứ mệnh trời siêu hình mà Thành Cát Tư Hãn không chế nổi. Cổ Giã Trường là sự tự hủy của những anh hùng bách chiến bách thắng. Một thứ lương tâm mờ ám, thâm sâu, vô hình, tưởng như không có, nhưng vẫn hiện diện, nó là bản ngã của sự hiếu sát, chính nó đã đục khoét tâm linh và thể xác của người anh hùng. Nó nấp đằng sau những chiến thắng, nó cũng là sự thất bại thâm hiểm của mỗi chiến thắng, không thể cứu vãn được, bởi nó là sự chết, bạt ngàn xác chết mà mỗi chiến thắng đem lại. Thành Cát Tư Hãn, kẻ bách chiến bách thắng, đã mang trong người ngàn vạn xác chết ấy, ngàn vạn viên độc dược ấy, cho nên cái chết của Thành Cát Tư Hãn tất yếu phải đến. Một sự chết chậm, chết dần, *chết trong đợi chờ*, và cái chết ấy còn khốc liệt ngàn lần hơn, cái chết gươm giáo, chết tức thời của vạn sinh linh, trong những cuộc chinh phạt mà Thành Cát Tư Hãn là tác giả. Thành Cát Tư Hãn đi vào huyền thoại ở chỗ đó. Bởi Thành Cát Tư Hãn không chỉ là một cá nhân đơn lẻ. Không chỉ là một nhân vật lịch sử đơn lẻ. Không chỉ là một anh hùng đơn lẻ. Mà Thành Cát Tư Hãn chính là định mệnh của bạo lực.

## **Đoàn văn xa nước**

Vũ Khắc Khoan rời nước ra đi năm 1975, và mất tại Hoa Kỳ năm 1986. Chín năm sau, những bài ông viết trên đất khách được An Tiêm xuất bản tại Pháp.

*Đoàn Văn Xa Nước* tập hợp tám đoàn văn rời, lác đác những mẩu đời đầu đó của Vũ Khắc Khoan với bạn, với văn, với văn và bạn, với thể nhân và ngoài nhân thể. Sáu bài viết về bạn, một huyền truyện *Mệ La Khê* và một bài tùy bút *Độc Kinh*, như những kết từ của một đời sống với nghệ thuật.

Tất cả là những mẩu sống ngắn gọn được trích lục ra từ cuộc đời *Khoan tôi*, như ông thường tự gọi mình. Như tất cả những người xa nước, *Khoan tôi* sống và viết bằng kỷ niệm. *Khoan tôi* uống rượu với quá khứ, nhắm rượu với quê hương. *Khoan tôi* nói về Phật pháp, *Khoan tôi* mở rộng lòng mình, tìm cái Tâm chưa biết. *Khoan tôi* muốn rọi ánh hồi quang vào cuốn phim đời mình, trong một sát na, trước khi nhắm mắt.

Hình ảnh những người bạn, còn sống hay đã chết hiện lên như Lê Quang Luật, Vũ Hoàng Chương, Thanh Tâm Tuyền, Nghiêm Xuân Hồng, Vĩnh Ấn... để ông có cơ độc thoại với chính mình, để ông kiểm lại số đời, để ông làm một thống kê về một *vùng tuyết mù* của ông, vùng mà suốt đời ông theo đuổi.

Cuốn phim đời của Vũ Khắc Khoan bắt đầu bằng những trò chơi, mà thế hệ ông- ông gọi là thế hệ 45- Thế hệ đã trải cái đói Ất Dậu, đã trải Pháp, trải Nhật. Những kẻ trưởng thành trong thế hệ 1945 ấy, dù tính toán hay không tính toán, rồi cũng bị rơi vào tròng:

«*Chúng tôi thất thêm một vòng duyên nợ, đi vào một trò chơi, luật chơi đầy khúc mắc, mà viết vị trong đa số trường hợp, có nghĩa là vĩnh viễn viết vị.*» (trích bài *Nhận đường*, trang 25). Trò chơi mang mùi «viết vị» của họ là gì? Đó là: «*Trò chơi chính trị, một trò chơi mà người chơi chỉ là một thứ quân cờ. Thế thắng tối hậu luôn luôn nằm trong tay kẻ biết vứt bỏ sang một bên cái phần thiêng liêng nhất của con người là phần tình cảm.*» (Nhận đường, trang 26). Dù ở bên này hay bên kia, trò chơi có «viết vị» ấy đã bao trùm lên cuộc đời của bao nhiêu thanh niên, khiến họ đã tự bắt mình phải bỏ mình, bỏ một phần của mình. Họ là những kẻ «*sau cặp mắt kiếng cận, vẫn đêm đêm, khi tỉnh rượu, lúc nửa khuya, dọi vào những trang sách, dọi sâu tâm thức u uẩn, nhiều bức dọc, hồi tiếc, những câu hỏi và những rắp tâm làm một cái gì.*» (trích *Bữa rượu cuối cùng với Lê Quang Luật*, trang 15).

Đám thanh niên 45 này, đã từng háo hức nâng ly «*uống cạn tình bạn vào lòng*» những năm kháng chiến. Nhưng rồi chỉ chín năm sau, Vũ Hoàng Chương 1954 đã nhận thấy: *chúng ta mất hết... chỉ còn nhau*. Rồi ba mươi năm sau, Vũ Khắc Khoan 1984 đau đớn sửa lại: *chúng ta mất hết... kể cả nhau*.

Đám thanh niên của thế hệ 45 đó, đã rắp tâm muốn làm một *cái gì*. Làm một cái gì cho đất nước. Nhưng hình như không ai làm được «cái gì» cả. *Cái gì* đó, trong thời kháng chiến chống Pháp, hình như là giành độc lập, nhưng đầu ngờ, giành được độc lập rồi thì mất tự do. *Cái gì* đó trong thời Nhân Văn Giai Phẩm hình như là giành tự do. Nhưng rồi có ai ngờ những người dám đứng lên giành tự do ấy, đã phải trả giá bằng chính cái tự do của trọn đời mình. Và đám thanh niên di cư vào Nam để đi tìm tự do, có ai ngờ, họ lại rơi vào cái bẫy của chiến tranh toàn diện.

Cho nên, thế hệ 45, của Vũ Khắc Khoan, của Vũ Hoàng Chương và của bao nhiêu vũ khác, hầu như không ai biết rõ con đường đang đi sẽ dẫn mình đến đâu, đến vùng đất nào của cõi sống, cõi chết. Vũ Khắc Khoan gọi vùng ấy là *vùng tuyết mù*.

Nhưng hành trình của Vũ và thế hệ 45, cũng lại trùng hợp với một thứ hành trình khác, đó là hành trình của sáng tác, của nghệ sĩ. Bởi hần, kẻ cầm bút, cũng không biết nét bút của mình sẽ đưa mình đến đâu. Hần, kẻ cầm bút, bút lông hay bút mực, cũng chỉ vung bút để đi vào *vùng tuyết mù* ấy. Bởi mỗi tác phẩm nghệ thuật chỉ là một tìm đường, và cõi mà người nghệ sĩ đang đi, hay muốn đến, cũng chỉ là *vùng tuyết mù* ấy:

«1984

*Tuyết rơi từ vào khuya, mặt trời vừa mọc, tuyết đã ngập trắng vườn sau. Tôi đẩy thêm một khúc củi vào lò. Nhìn lửa bốc ngọn, nhớ lại mấy vần thơ cũ đã quên mất cả nguyên văn:*

*Chàng như mây mùa thu*

*Thiếp như khói trong lò.*

*Cao thấp tuy có khác*

*Một thả cũng tuyết mù.*

*Đọc lại bài thơ. Rất nhỏ, từng chữ, từng vần. Rất nhỏ, đủ để một mình mình nghe. Cho đến khi lời thơ tan rã, ý thơ nhạt nhoà, cho đến khi trong tôi, về bài thơ, rớt lại, chỉ còn một chút băng khuâng không tên thì tôi lặng thinh đi vào cái băng khuâng đó. Quanh một chữ. Tuyết mù. Nghĩ đến một cánh chim thoảng trên mặt nước. Bóng chim, nước không lưu giữ. Chim đâu để lại đường bay? Khói mây tan tác. Âm thanh, màu sắc cũng vậy. Cũng vậy, thiếp và chàng. Tất cả, một thả cũng tuyết mù. Kể cả chữ và lời. Kinh và Kệ.» (trích Đọc kinh, trang 169).*

Đó là những lời nhập của bài *Như lai vô sở thuyết* tức là *Đọc kinh*.

Cả một hành trình đọc và viết suốt một đời gói trọn trong mấy dòng chữ trên đây.

Bốn câu thơ mà Vũ không nhớ nguyên văn, có giọng rất Kinh Thi:

*Chàng như mây mùa thu*

*Thiếp như khói trong lò.*

*Cao thấp tuy có khác*

*Một thả cũng tuyết mù.*

Một buổi sáng tinh mơ trời tuyết, mười năm sau khi rời nước, họ Vũ ngồi bên lò sưởi, lẩm nhẩm đọc lại bài cổ thi cho mình mình nghe, đọc cho đến khi lời thơ tan rã, ý thơ nhạt nhoà, bốn câu thơ cổ chỉ còn đọng lại hai chữ cuối: *tuyết mù*. Kinh nghiệm đọc thơ mà Vũ vừa trải qua, vừa viết lại, biết bao người đã trải, bao người đã dùng bao chữ trong bao cuốn sách lý thuyết văn học để giải thích, luận bàn, rồi cuối cùng cũng đi tới kết luận: *một thả cũng tuyết mù*, như câu thơ cổ. Vũ dựa vào kinh nghiệm của người xưa, vận vào cánh chim, cũng thấy chim bay không để lại vết bay, vận vào âm thanh, màu sắc đều như thế: tất cả rồi sẽ tan tác, kể cả *chữ* và *lời*. *Kinh* và *Kệ*. Cái mà Vũ nhìn ra, bây giờ, đã khác lắm, với Chàng và Thiếp của người xưa. Nó bao gồm cả *chữ* và *lời*, cả *Kinh* và *Kệ*. Chẳng phải vì Vũ nhìn xa biết rộng hơn người xưa mà là vì Vũ đã dùng mối tương quan mật thiết giữa đời và đạo để xây dựng một *vùng tuyết mù* mới, của riêng mình, trong địa hạt *chữ* và *lời*, *kinh* và *kệ*.

*Kinh* nghĩa đen là sợi tơ trắng xuyên suốt. Sách chép lời Phật gọi là *Kinh*. Những bài *kinh* là những bài thuyết pháp của Phật. Trong khi nói, thỉnh thoảng Phật lại tóm tắt ý của mỗi đoạn quan trọng thành một bài thơ ngắn gọi là *Kệ*. Các vị thiền sư thời Lý Trần, trước khi mất thường để lại những bài *Kệ* giảng pháp lý cho học trò. Bài *kệ Tham đồ hiền quyết* (chỉ bí quyết thiền cho môn đệ) của thiền sư Viên Chiếu (999-1091) thời Lý, là một tuyệt bút.

Bài *Như lai vô sở thuyết* tức *Đọc kinh* của Vũ Khắc Khoan là một bài *Kệ hiện đại* viết cho thế hệ chúng ta. Lời *kệ* của Vũ dĩ nhiên phải khác lời *kệ* của Y Lan, của Viên Chiếu, của Chân Nguyên, bởi Vũ viết văn xuôi, nhưng văn ở đây mỗi câu, mỗi dòng đều như cô đọng những từng trải, những suy nghĩ của một đời thiền chữ.

Gọi là *kệ*, bởi nó là sự dặn dò của Vũ trước khi lìa đời. Dặn dò ai? Dường như Vũ không nhắm vào ai cả, nhưng mỗi lần ai đó đọc đến bài *kệ* này, lại như nghe thấy một lời thì thầm mới, một điều *không nói* khác với lần đọc trước, không nói mà cứ như rót vào tai. Bởi Vũ đã nhìn thấy:

*Như Lai vô sở thuyết*. Như Lai không luận bàn. Như Lai không thuyết pháp. Như Lai không nói. Nhưng rồi Vũ hiểu:

*«Tôi hiểu tại sao những người lớn của nhân loại tự cổ thủy chỉ đều muốn nín thinh. Khổng Khuru, Lão Đam và Thích Ca Mâu Ni. Trời không nói, ta đâu muốn nói? Ta đâu có thuyết lời nào? Cái ta muốn nói, cái đó, đâu có thể nói được? Cái đó, bất khả thuyết, bất khả tư nghị. Bất khả đạo.*

Nói ra là bị kẹt

Nhưng rồi Khổng Khuru vẫn nói, cả đời. Lão Đam thì nói đến 5.000 chữ Đạo đức kinh và Thích Ca Mâu Ni trong suốt 49 năm hoàng pháp, nguyên lời Đại Bát Nhã, đã nói ròn rã tới 22 năm. Không nói cũng không xong

\*

*«Nói ra là bị kẹt*

*Không nói cũng không xong*

*Hai câu đầu một bài kệ của một thiền sư Việt Nam sống giữa thế kỷ XVII, thiền sư Chân Nguyên. Hai câu kệ, một thế đứng chênh vênh giữa hai ngã hữu vô. Nói hay không nói? Chung cuộc, bài kệ đành phải chấm dứt bằng một nét chấm phá lửng lơ:*

*Vì anh đưa một nét*

*Đầu núi ánh dương hồng.» (Độc kinh, trang 170).*

Tất cả vũ trụ đứng lại ở đây, ở chỗ: *vì anh đưa một nét*, mà *đầu núi ánh dương hồng*. *Vùng tuyết mù* bỗng sáng ra, *hồng* lên ngời rạng. *Vùng tuyết mù* trở thành *rạng* đồng khi anh, người nghệ sĩ, đưa một nét. Nét chấm phá lửng lơ của Chân Nguyên đã đạt *vùng tuyết mù*.

\*

Trở lại với những người trong thế hệ 45 của Vũ mà chúng ta đã nói đến ở trên: rằng hình như họ cũng không biết cái mà họ tìm kiếm, cái đó là «cái gì». Là độc lập, là tự do hay thống nhất... mà cứ mỗi lần có được cái này, họ lại bị phải thôi cái kia.

Cho nên, cái đó cũng có thể là con đường giải thoát như Vũ nói:

*«Con đường giải thoát chỉ là con đường trở về. Từ cái phức tạp trở về cái mộc mạc đơn sơ. Từ cái vô lượng trở về cái nhất như nguyên thủy.» (trích Bên kia, bên này, trang 64).*

Cái đó cũng có thể là những đốm lửa trong đêm khuya, như Vũ nói:

*«Từ những ngày xa xưa, tôi vẫn nghĩ rằng những đốm lửa trong đêm khuya hình như tự chúng đã mang sẵn một nỗi nhớ thương kỳ dị - chúng là những nỗi nhớ thương.» ( Bên kia, bên này, trang 66).* Nhưng cái đó, cái mà thế hệ của Vũ đã muôn nghìn lần tranh biện, tự vấn, muốn định nghĩa, muốn nắm bắt, nó vẫn *tuyệt mù*.

Cái đó, cũng có thể chỉ là một chút nhớ thương, đợi chờ một *Mệ La Khê* không bao giờ đến. *Mệ La Khê* là một hoàng phi, một trang tuyệt sắc giai nhân, đã chết trong buổi khánh thành cầu La Khê. Khi xe vua và đoàn tùy tùng vừa qua cầu, đến lượt xe nàng tiến lên thì cầu sập, nàng chìm sâu trong đáy nước cùng người tài xế đã bao nhiêu năm nhưng bóng nàng lộng lẫy trên chiếc xe hơi với người tài xế vẫn không ngừng di chuyển trên con đường cũ. *Mệ La Khê* có dáng dấp của *Mợ Lãnh* trong *Chùa Đàn*, và bên *mệ* cũng có một cụ *Lãnh*, như thể Vũ Khắc Khoan muốn dựng lại Nguyễn Tuân bên trời Mỹ.

Mà *Mệ La Khê* là ai nhỉ? khiến kẻ cầm bút nhớ thương mơ tưởng đến thế? Vũ viết:

*«Nhớ thương? - Tại sao lại thương? - Hầu như không đối tượng rõ ràng mà bao trùm những âm vang ngân lại những bóng chưa mờ của một thời đã cáo chung. Một chút cổ kính lối xưa ngổ cũ nơi thành nội, một tứ thơ Đường - tiếng quân cờ đập nhẹ trên bàn cờ - một thoáng Liêu-trai-chí-dị, giàn dưa lát phát mưa như tơ. Một mùi hương ủa. Một giọng hò xưa. Một bàn tay nhỏ.*

*Chiều xuống. Sương mù. Tàn bữa rượu. Đêm về. Mệ vẫn không lại.» ( Mệ La Khê, trang 107).*

Vậy thì, *Mệ La Khê* là một *đợi chờ*, *Mệ* vừa là *Godot* vừa là *Cái đó*. *Mệ* là cái mà cả cuộc đời *Khoan* tôi đã đi qua, đã hẹn hò, đã mong ngóng, đã có ý tìm: có phải đây là *Mệ* không? *Mệ* chính là *cái không*, mà lại vô cùng *hiện hữu*. *Mệ* cũng là *cái có*. *Mệ* phải là *cái có*, nhưng lại vô *ảnh vô hình*. *Mệ* là chỗ khởi điểm và chỗ cùng đích của con đường xuyên sự sống và cõi chết. *Mệ* mờ mờ như hạnh phúc, *Mệ* phôi pha như nhan sắc của người đàn bà, *Mệ* thoáng đến như áng mây ngũ sắc, *Mệ* huyền bí như nụ cười Mona Lisa. *Mệ* là *cái đó*.

Rồi đến cuối đời, Vũ Khắc Khoan cũng đã tìm thấy cái đó: *«Đôi khi lời kinh dẫn tôi trở về ngày cũ. Bất giác tôi gặp lại... cái tâm hồn ấu thơ thừa nhỏ, trốn học, «phiêu lưu» dọc 36 phố phường Hà Nội, mỗi hẻm nhỏ là một thế giới riêng tư, mỗi lùm cây là một cõi trời đặc biệt. Những giây phút đó, lâng lâng lời kinh rời hẳn nghĩa kinh, lời kinh kể chuyện cổ tích, rủ tôi đi vào một con mộng du hoang vu thăm thẳm, trông mắt ruồi bắt bặt ngàn thấp thoáng muôn hồng ngàn tía màu sắc cầu vồng loang loáng bong bóng giọt mưa Ngâu, từ những đám mây trời Bắc Việt rơi xuống, từ một nền gạch Bát Tràng dấy lên - ôi! Cái uớt át lạnh lạnh gấu quần thấm nước và chiếc lá bàng đỏ kịch lất lay đầu ngõ heo hút gió Tây (...)*

*Và tự đó, từ những hình và sắc mây trời vẩn vục, bay lên, những mùi hương lạ, những mùi hương đi không chỗ tới, đến không chỗ bắt đầu (...)*

*Từ mệnh mông cực đại đến thăm thẳm cực vi (...)* *Đâu là mệ, nẻo nào là ngộ? (...)*

*Tôi lặng lẽ đi vào một cối, mới dấy lên. Cối đó, lạ lạ quen quen. Cối đó hằng đêm. Cối đó, riêng tôi. Một mình.» (Đọc kinh, trang 178,193, 195).*

Cái đó, của Vũ Khắc Khoan, vượt ngoài ngôn ngữ, vượt trên kinh điển. Cối đó, riêng Khoan, một mình. Đoàn văn Đọc kinh kết thúc cuốn sách và kết từ cuộc đời. Bài kệ văn vũ, biến dạng, có chỗ nó là *tâm*, nhưng *tâm* làm sao thấy? Có chỗ nó là quê hương, nhưng quê hương đã rời bỏ, dấu có lặp lại nghìn lần: Quê hương, không nơi nào đẹp bằng chốn ấy. Không nơi nào đẹp bằng chốn... Không nơi nào đẹp bằng... Không nơi nào đẹp...

Nhưng Khoan tôi làm sao về được?

Cái đó, có chỗ nó là Nguyễn Du, nhưng Nguyễn Du đã bất tri tam bách.

Có chỗ nó là Mẹ La Khê nhưng Mẹ đã tuổi vàng.

Rồi cuối cùng Khoan tôi cũng đạt được cối đó.

Nhưng Khoan cũng đã tuyệt mù, làm sao về được, để kể lại cái đó là gì?

## Trương Chi

1954

*Thật ra thì anh Trương Chi không xấu. Cũng không đẹp. Anh Trương Chi cũng như mọi người. Ấy thế mà anh lại mang tiếng là xấu giai... Ông có biết tại làm sao không?*

*Câu chuyện cũng khá dài. Nếu ông không ngại thức đêm thì Khoan tôi xin kể. Vả lại cũng sắp giao thừa, chắc ông cũng chẳng có việc gì cần kíp... Nếu ở Hà Nội thì chắc ông phải về nhà, nhưng ở đây, ở Hải cảng, thì tốt hơn hết là ông nên ở lại với tôi đêm nay. Ra đường vào giờ này, người ta hay hỏi giấy má.*

*Vào giờ này, ở Hà Nội, chắc các ông vui lắm nhỉ. Ồ, non mười năm trời xa cách phố phường Hà Nội... Các ông ăn Tết tập đoàn? Lạ nhỉ! Thế ông ở lại chứ? Thế thì tốt quá. Tôi ngại thức đêm một mình, ông ạ, nhất là những thứ đêm loại đêm trừ tịch. Vậy ông đợi tôi một chút.*

*Tôi xếp va-li. Rất nhanh. Vì cũng chả có gì. Ông xem, một ít sách – vốn liếng để dạy học – và một tập ảnh. Có cả ảnh của thằng em tôi nữa đấy. Độ ấy nó mới mười sáu...*

*Ông cứ rót rượu ra mà uống. Thỉnh thoảng cũng cần phải say một chút có phải không ông? Nhất là đêm nay. Ông cứ uống đi, mặc tôi.*

*Chắc ông cũng bằng tuổi thằng Trương, thằng em tôi ấy mà! À... bây giờ nó lấy tên khác. Giờ này chắc nó cũng đang đợi giao thừa ở... ở đâu ông? Một tỉnh nhỏ bên kia biên giới... Ông kín đáo quá. Thảo nào người ta đã chọn ông để xuống tìm tôi. Giờ này, ông có chắc là thằng Trương không buồn? Ông có chắc là nó không nhớ đến tôi? Hai chúng tôi, chỉ còn có hai chúng tôi. Chả nhẽ nó lại vô tình đến thế! Nhưng thôi, cũng chả sao. Ông cứ tin là nó đang vui cùng Đoàn thể. Và ông hãy cho phép tôi tưởng tượng rằng nó nhớ đến tôi... Ông bảo sao? Ông sống bên nó trên sáu năm? Ông với nó cùng chung một tổ tâm giao! Cũng có thể... nhưng cũng chả sao...*

*Kìa, ông uống đi! Tôi sắp xong... Ông nói gì? À Trương Chi! Tôi không quên đâu. Tôi sẽ xin kể.*

*Tôi biết rằng ông đang mỉm cười mà cho tôi là hay rắc rối. Ông đang cố xếp tôi vào một cái giai*

*cấp nào đó. Cho nó yên chuyện, cho nó đúng với những điều ông đã học hỏi. Đừng tìm nữa. Tôi là một trí thức tiểu tư sản. Tôi nhận như vậy. Trước mặt ông là người của Đảng Cộng sản, cũng như tôi vẫn nhận như vậy trước mặt mọi người.*

*Xin lỗi ông... tôi nói hơi to. Thấy ông, tôi nhớ đến thằng Trương. Bức thư của nó, ông đưa cho tôi, tôi đọc đi đọc lại mấy lần... Nhưng... Vâng thế là tạm xong và bây giờ tôi xin bắt đầu câu chuyện.*

*Ngày xưa*

Phía Tây Bắc Thăng Long, miền ruộng hai mùa có đồi thoải thoải, cách đây đã lâu, có gia đình họ Trương mấy đời an cư trên ít mẫu ruộng. Không nghèo mà cũng không giàu, họ Trương lấy sức tay chân mà ra công canh tác, đổ mồ hôi xuống ruộng cày mà vun đồng thóc; cha truyền, con nối, đến đời Trương ông cũng có tới hơn một trăm năm.

Trương ông hiếm hoi, ngoài 50 tuổi mới sinh một đứa con trai đặt tên là Trương Chi. Lão bạng sinh châu, đôi vợ chồng già họ Trương chăm chút đứa con, nâng hững như trứng như hoa. Đầy tuổi, làm lễ bày đồ chơi để thử tính nết, Trương Chi không chọn cung tên hay sách vở, mà lại sà ngay xuống cái sáo diều dựng ở góc buồng. Cả nhà ai cũng lấy làm lạ.

Lớn lên, lại càng xa lánh sách vở bút nghiên, ngày ngày, quên cả mặc quần mà chạy theo lũ trẻ chăn trâu, nô đùa với bướm, hoặc nằm ngửa nhìn trời, nhin ăn mà ngắm ánh sao thưa. Năm lên tám, cha mẹ bắt đi học, thì nhìn trước nhìn sau, thoăn thoắt leo ngay lên ngọn cây phong trước ngõ, gọi thế nào cũng không xuống. Sau phải giấu hết sách vở, mới chịu tụt xuống để ăn cơm. Hai vợ chồng già thở dài nhìn nhau cho là vô phúc. Muốn lập nghiêm mắng mỏ thì lại thương con, và Trương Chi có cái đặc biệt là giọng nói quyen rũ lạ thường, lúc nũng nịu, khi van nài, không một ai nỡ từ chối.

Sau vợ chồng bàn nhau, thu xếp tiền nong, rước hẳn một ông đồ về nhà ngồi dạy. Lần này thì cậu bé không chạy trốn, lại còn chịu khó ngồi nghe. Bỗng đi một dạo, Trương ông và Trương bà đã tưởng yên chuyện, khắp khối mừng thầm con mình trở nên hiếu học. Bèn mặc cho ông đồ và cậu bé ở nhà mà suốt ngày yên trí ngoài đồng.

Bỗng một hôm, có việc, giữa trưa về nhà, Trương ông giạt mình thấy thầy đồ đang cùng Trương Chi lỏm ngỏm bò quanh buồng học. Nhác thấy Trương ông, ông đồ như tỉnh cơn mê, bèn lên đứng dậy.

Hỏi thì đáp:

"Con cụ lạ lắm".

Căn vặn thì lúng túng mà thưa:

"Chính nó bảo tôi bò".

"Thế ra từ hôm thầy đến đây..."

"Chỉ có bò, bò suốt ngày với nó, đêm đến mệt nhọc lại ngủ đầy giấc. Cứ định thưa chuyện cùng cụ, lại bận việc bò mà quên khuấy".

"Không cưỡng được sao?"

"Cường cũng không lại. Cứ nó bảo là lại phải bỏ".

Nói đoạn, thầy đồ thu xếp khăn gói từ biệt mà đi. Giữ thế nào cũng không chịu ở.

Câu chuyện đó đồn vang. Cả làng ai cũng lấy làm lạ, cho Trương Chi có phép ma, sợ mà không dám gần. Trương Chi đi đến đâu là trẻ con, người lớn xa lánh đến đấy. Cô quạnh bủa vây cậu bé họ Trương. Đôi mắt lẳng xuống bề sâu. Nụ cười đượm chiều suy tưởng. Suốt ngày Trương Chi lẩn thẩn ngoài đồng, một mình vui cùng cây cỏ chim muông.

Trương ông và Trương bà cũng thôi thắc mắc, đành lòng là vô phúc, mặc cho con mình lêu lổng.

Cứ như thế, đến năm Trương Chi được mười lăm tuổi thì Trương ông và Trương bà lần lượt qua đời. Người làng động lòng trắc ẩn, xúm nhau lại thu xếp chôn cất.

Công việc xong xuôi, Trương Chi bỏ ruộng mà đi. Cả làng giữ lại không được, đành lắc đầu nhìn theo Trương Chi đi khuất vào phía núi, ánh mặt trời lặn dệt vàng lên mảnh áo nâu.

Cách làng mười dặm, Trương Chi bắt đầu cảm thấy băng khuâng.

Chàng đứng lại ven đường, cúi đầu ngẫm nghĩ. Lúc bấy giờ đang tiết cuối thu, gió may từng cơn xào xạc. Sương phủ ngập cánh đồng. Chân núi mờ ảo đằng xa. Chàng nhìn lên trời. Sao từng ngôi lốm đốm, mỗi ngôi là một nỗi cô đơn. Chợt thấy tức nơi ngực. Trương Chi bèn vươn người lên mà hát.

Bài hát đầu tiên trong đời chàng, lời ca ngây thơ như tiếng bập bẹ của trẻ lên ba, ý nhạc ngây thơ như con nai vàng ngơ ngác, như con thỏ non nhảy múa giữa rừng trắng. Nhạc và lời quyện vào nhau mà lẫn lộn với tiếng đêm khuya.

Gió nhẹ thổi để nhịp cùng cung bậc của bài hát, chim muông chợt tỉnh giấc, ngẩn cổ mong chờ. Càng hát, càng say sưa, chàng thấy như gió thu tự trong lồng ngực. Giọng chàng ngọt và ấm như mật ong rừng.

Sương bắt đầu đọng xuống đầu ngọn cỏ. Con sơn ca bay vụt ra khỏi luồng tre. Phía Đông rạng dần. Giữa đêm khuya của nhạc, Trương Chi van nài ánh sáng. Mặt trời xuất hiện. Yên lặng. Trương Chi xoay mình xuống cỏ bên đường mà ngủ thiếp.

Chàng tỉnh giấc trên một tấm nệm cỏ. Mở mắt ra, thấy có người ngồi bên cạnh. Bèn định thân nhìn kỹ lại thì nhận ra một ông già râu tóc bạc phơ. Thấy như lạ mà lại rất quen, chưa kịp lên tiếng, ông già đã mỉm cười, thủng thẳng:

"Con gọi ta suốt đêm trường. Ta đã đến với con. Âu cũng là cái duyên lạ".

"Cụ là ai, mà đây là đâu, thưa cụ?"

"Ta là người đi trước và đây là nơi ta ở, xa hẳn cuộc đời dưới núi. Con ở đây với ta".

Trương Chi cảm động sụp xuống, ôm lấy chân ông già. Ông già đỡ chàng dậy rồi nghiêm giọng mà rằng:

"Trương Chi, ta với con vốn cùng một nghiệp. Ta trả xong nợ cho nên từ lâu, thôi dính dáng đến việc những người dưới núi. Con sẽ phải qua một thời nhập thế. Nhưng con chưa đủ cốt cách để vào đời. Con còn phải học..."

Nghe đến chữ "học", Trương Chi hốt hoảng nhìn trước nhìn sau. Nhưng ông già đã tiếp:

"Trước kia ta cũng sợ học như con, vì cái học của người dưới núi chỉ vụ vào danh và lợi. Cái học của họ quá ư thấp kém, quá trọng sự nhớ mà không biết đường quên. Con có sợ học cũng là phải.

Trương Chi liền đem chuyện ông đồ ra kể lại. Ông già cả cười mà rằng:

"Con thật xứng đáng là con ta. Cái ngữ "chi, hồ, giả, dã" đó thì biết gì mà dám dạy con? Hẳn phục con là phải. Nhưng con có biết tại sao hẳn lại nghe con không? Chắc con cũng không hiểu. Đó chỉ vì cái giọng của con. Hẳn mê cái giọng của con mà nghe theo con. Vì giọng của con chỉ mới tới bậc quyền rũ. Phải tập luyện thì cái khiếu sẵn có của mình mới có cơ nảy nở. Đến lúc đó mới vươn tới bậc thứ hai, lời ca có thể xuống lệnh cho loài người. Vượt lên bậc nữa thì thông cảm với gỗ, đá... Nhưng cái bậc siêu phàm của âm thanh chính là yên lặng hoàn toàn để cho ý nhạc có thể vượt thời gian mà rung cảm cùng kiếp trước, kiếp sau, bỏ không gian mà hòa vào vũ trụ. Ngày xưa, Sư Khoáng chọc mắt cho mù, gảy đàn mà khiến được gió mưa, thế mà chưa kiếm được thất tình cho nên đến chết vẫn chưa đạt được đích. Con đường học đạo cũng dài. Ta mong con sẽ không nản chí.

Trương Chi sụp lạy vâng lời.

Từ hôm đó, Trương Chi dốc lòng theo học. Ông già ung dung giảng dạy, lời nói như rót vào tai. Chẳng bao lâu, Trương Chi đã thông hiểu cả mọi kinh, mọi sách. Chữ viết như rồng bay phượng múa. Nghĩa sách như ăn hũn vào tâm khảm.

Duy có Kinh Nhạc thì ông già không cho học. Trương Chi lầy lăm lăm thì ông già nói:

"Khổng Khuru vì quá thiên về đường nhân sinh xử thế, trong lễ tề gia trị quốc cho nên rất sợ cái sức vươn mình của người học nhạc. Kinh Nhạc soạn ra cũng chỉ là để giam hãm ý nhạc trong tầm thấp bé trung dung. Con muốn học nhạc để vượt lên tất cả hay chỉ để cầm trịch cho việc tế lễ triều đình?"

Trương Chi nghe nhời mà thôi thắc mắc, lại dốc lòng vào sự học.

Thấm thoát đã qua ba mùa lá rụng. Một hôm, ông già gọi Trương Chi mà bảo:

"Bây giờ là lúc con phải học quên. Có quên được thì cái nhớ mới có nghĩa. Và có như thế thì mới có thể bắt đầu học nhạc".

Trương Chi nghe lời, ngồi yên trong động, nhìn vách đá, nhin ăn trong ba ngày mà thôi nghĩ ngợi.

Tâm người con trai tĩnh tọa được gột rửa lần lần. Như có từng đợt gió xuân thoảng vào trong trí, chữ nghĩa phai dần, tâm thần cũng theo đó mà lâng lâng nhẹ nhõm. Đồng thời văng vẳng bên tai, xao xuyến từng luồng âm nhạc. Trong tịch mịch của đêm sâu, Trương Chi nghe rõ từng tiếng chim, tiếng gió, tiếng lá chạm nhau, từng cánh hoa khép nở, từng thớ gỗ chuyển mình.



Cuối đêm thứ ba, giữa lúc sao Hôm thoi thóp thì Trương Chi đứng dậy. Chàng bước ra khỏi động. Và trong đêm gần tàn, chàng lên tiếng hát.

Tiếng hát cất lên. Giọng chàng dẫn nhạc, vạn vật phụ họa vào lời ca. Trên đỉnh núi, chàng đang nghĩ tới trùng dương: nhạc vội ngân ra như sóng bể, lời chim, tiếng gió dạt dào như từng đợt thủy triều. Chàng mơ trắng: nhạc dịu xuống cung Hồ, lời chim, tiếng gió lung linh như từng miếng trắng vàng long lanh bãi cát. Ý chàng vụt găng lên: nhạc nhọn hoắt như gươm đao, con hổ trắng thôi uống nước, bốn chân bám chặt xuống đất sỏi mà ngửa mặt gào trời...

Chợt Trương Chi quay lại. Ông già đã đứng cạnh chàng. Chàng sụp xuống tạ ơn. Ông già bèn nói:

"Ta đã dạy con ngay trong lúc con quên. Từ nay con có thể tự học một mình. Và bây giờ thì con phải xuống núi. Cuộc sống dưới núi xô bồ, phức tạp, mỗi phút giây là một dịp bất bình. Con đường học đạo còn dài. Từ nay tới đích không phải là ngày một, ngày hai. Còn tùy nơi con..."

Ông già ngừng lời, cảm động. Trương Chi trọng sự yên lặng của ông già mà đứng yên không nói.

Một lát sau, ông già lại nói tiếp:

"Ta vừa dùng ý nhạc để thông cảm với nhịp sống của người dưới núi. Ta tiên đoán con sẽ gặp nhiều trở ngại".

Trương Chi bèn lạy mà xin ở lại.

Ông già lắc đầu không nghe:

"Con nhất định phải qua một thời nhập thế. Ta chỉ ngại cho con là người dưới núi thường hay võ đoán phân biệt giàu nghèo, quần tam tụ ngũ, nêu cao danh nghĩa cực đoan mà lợi dụng lẫn nhau. Tựu trung thì thật là tương đối, vì cuộc sống dưới núi thấp ngang mặt nước làm sao kết tinh nổi được những điểm cực đoan? Con không khéo xử tất có người lợi dụng lời ca tiếng hát của con. Đến lúc đó, dứt áo ra đi là chuyện khó, còn buông xuôi ở lại thì đầu đứng về phía nào cũng sẽ mất cả bản chất con người. Từ hình hài đến tâm tưởng, từ nếp sống tới tâm hồn, nhất nhất sẽ tan dần ra mây khói..."

"Vậy con phải xử thế ra sao?"

"Con sẽ ca và hát cho riêng những người đồng cảnh với con. Con nhớ thêm một điều nữa. Chính những người đồng cảnh với con mới thuộc số đông vì không giàu mà lại chẳng nghèo, tuy lắm lúc trắng tay mà vẫn mơ theo hạc nội. Thôi, ta nói thế là đủ. Con đi".

Trương Chi sụp lạy rồi từ biệt ông già mà xuống núi.

Năm ấy chàng vừa mười tám tuổi.

Len lỏi suốt đêm ngày, cầm lòng bằng một ít lương khô, đến ngày thứ ba thì Trương Chi mới xuống tới chân núi. Ngoảnh lại chỉ còn mờ mờ mây trắng, đi một lúc nữa tới bờ một con sông, có chợ, có nhà, người đi, kẻ lại tấp nập. Chàng đứng lặng mà nhìn, quên cả đói. Đến lúc nhớ lại mới tìm vào một quán rượu dựng ven sông. Lúc bấy giờ tiết trời đang mùa hoa đào nở, gió

xuân phơi phới, Trương Chi bèn gọi rượu uống. Người chủ quán, vẻ mặt không vui, thưa rằng:

"Tôn ông gọi rượu thì có, nhưng không có đồ nhắm rượu đâu".

Trương Chi lấy làm lạ mà rằng:

"Thịt bò, thịt trâu không có sao?"

"Dạ hết".

"Còn cá?"

"Cá cũng không có".

Trương Chi bực mình lớn tiếng:

"Nhà người muốn trêu ta sao? Quán dựng ven sông sao lại không có cá?"

Người chủ quán bèn thưa:

"Ông là người lạ mới đến nên chưa rõ chuyện. Cách đây một tháng, chỗ này trên chợ, dưới sông, sầm uất lạ thường. Thế mà bây giờ có đánh cá cũng phải đổ xuống sông. Cá đâu mà bán? Thôi ông uống tạm mấy chén rượu sông cho ấm bụng rồi dùng cơm vậy. May nhà còn ít rau, ông đợi tôi bảo nấu bát canh.

Người chủ quán quay vào lấy rượu. Trương Chi tò mò định bụng gọi chuyện nên vừa nâng chén vừa gạn hỏi:

"Câu chuyện đầu đuôi ra sao? Tại sao lại phải đổ cá xuống sông?"

Người chủ quán bèn thở dài mà rằng:

"Lẽ ra tôi cũng chẳng nói làm gì..."

Trương Chi ngắt ngay lời:

"Ông cứ nói tôi nghe. Nếu may ra Trương này có giúp được một tay, sẽ xin sẵn lòng".

Người chủ quán lắc đầu mà rằng:

"Ông giúp làm sao được? Số là vùng này có vị trưởng giả họ Trần, vì ông tổ năm đời có công với triều đình mà được phép cha truyền con nối thu thuế cá ở ven sông. Phường chài muốn bán cá tại đây đều phải đóng thuế. Trước kia, đều đặn không có việc gì. Vì thật tình ông trưởng giả cũng không ác tính, miễn là thuế đóng cho đủ. Nhưng cách đây chừng một tháng, bỗng xảy ra một việc rất là khó xử khiến cho mọi việc buôn bán đều phải đình trệ. Phường chài thôi đánh cá, chợ búa tẻ ngắt, quán hàng của tôi vì thế mà trở nên lạnh lẽo".

Trương Chi đã cạn xong một chén. Nhìn ra sông, trăng thượng tuần mùa xuân chênh chếch, sương tỏa mù trời, lửa chài lốm đốm như hội hoa đăng.

Bèn lại rót thêm chén nữa mà hỏi:

"Thế rồi sao nữa, ông quán?"

Người chủ quán cúi đầu nói tiếp:

"Ông trưởng giả có mỗi một mụn con gái, mặt hoa, da ngọc, tính nết thủy mị, nhưng lại ưa nghe hát. Trong nhà nuôi một ả đào già, thiện tài thanh luật. Cả nhà chiều nó hơn chiều vong. ả đó tính lại tham lam vô kể thường hay ton hót với trưởng giả mà ăn chặn tiền thuế của các bạn chài. Cách đây một tháng cũng vì một chuyện tiền nong mà ả to tiếng với một bạn chài. Thế rồi, trong cơn tức giận, ả nhảy đại xuống thuyền, định tâm gây ầu ẩu. Nhưng vừa lúc đó gió bỗng nổi cơn, thuyền tròn trành, ả không giữ kịp mà lặn xuống nước. Phờnng chài cuống quýt, vây thuyền đốt đuốc mà mò. Sáng hôm sau xác ả giạt vào bờ. Từ hôm đó, tiểu thư họ Trần nhớ tiếng hát mà lâm bệnh. Trưởng giả tức giận mà hạ lệnh cấm phờnng chài bán cá".

Trương Chi dần chén xuống bàn mà rằng:

"Sao lại vô lý thế? ả có chết là lỗi tại ả. Tại sao lại giận cá mà chém thớt?"

Người chủ quán thở dài mà không trả lời. Yên lặng đều hui trong quán rượu. Ven sông thoáng tiếng sóng vỗ bờ. Lúc bấy giờ Trương Chi đã cạn đến chén thứ ba. Tự nhỏ chưa từng uống rượu, men vội bốc lên đầu, gia dĩ câu chuyện gây sự bất bình, họ Trương tự thấy bồn chồn trong dạ, bèn không nghĩ mà rằng:

"Liệu có người hát hay đến thay thế cho ả đào già có được không?"

Chủ quán không tin nhưng cũng đáp:

"Chúng tôi cũng đã để ý kiếm tìm, nhưng đến nay vẫn chưa thấy ai".

Họ Trương bèn ngoảnh mặt ra sông, vận thần trí, cầm chiếc đĩa gỗ xuống bàn mà cao tiếng hát.

Lời ca kể lể nỗi hân hoan của một chàng trai sắp bước vào đời. Ý nhạc không còn thanh thoát như bài ca trên núi, mà nồng nàn ý niệm con người, cung bậc thấp cao gọi đến bảy dây tình căng thẳng, âm thanh chen chúc là nỗi bất bình chưa được san phẳng. Âm hưởng vang ra khỏi quán, lan trên mặt sông. Thuyền chài xao động, quán rượu phút chốc đã đầy người.

Bài ca vừa dứt thì người chủ quán đã vùng dậy mà ôm lấy Trương Chi. Phờnng chài hân hoan nhảy múa tưng bừng. Ông trùm phờnng lập tức cho người dọn tiệc ăn mừng. Chén chú, chén anh, mặt trời mọc đỏ mặt sông, mà còn có người hò rượu.

Lẽ tất nhiên, họ Trương...

*...Ông đừng giạt mình. Đó chỉ là tiếng pháo giao thừa. Thế là chúng ta đã bước sang năm mới. Tôi tưởng ông đã làm quen với những tiếng nổ... Tiếng nổ mừng 9 tháng Ba, tiếng nổ 19 tháng Chạp, những tiếng nổ lễ thanh trừng nội bộ, khủng bố hàng ngũ quốc gia, rồi những tiếng nổ hãi hùng Điện Biên Phủ. Chắc ông có dự trận Điện Biên... cùng với thằng em tôi. Tôi cũng có một anh bạn họa sĩ chết trong trận ấy. ả... ông cũng biết. Nhưng chắc ông không được mục kích cái chết đó. ả... vâng, đó cũng chỉ là một cái chết. Như trăm ngàn cái chết khác, trong một chiến thuật biển người. Mà cũng phải. Có ai tỉ mỉ để ý đến sự tàn lụi của một mảnh té bào trên một làn da mịn? Có ai đếm xỉa đến một nét họa tài ba giữa những đợt người?*

*Tôi hiểu lắm. Nhưng những đêm như đêm nay, bóng tối tràn ngập cả đất trời, thì óc đầu có hiểu mà thâm tâm vẫn còn thắc mắc. Thú thực với ông là vẫn còn những kẻ hở li ti giữa tám màn lý luận trong tôi. Và đối với tôi thì chính những kẻ hở đó lại là những điểm cốt yếu, lý do của sự hiện hữu của tôi...*

*Xin ông chai rượu. Còn vừa đủ hai cốc. Chúng ta hãy cùng nâng cốc mà tự chúc cho nhau. Nếu tôi không lầm thì ngay giờ phút này, trong thâm tâm ông, đang manh nha một sự giằng vò giữa khi ông nâng cốc. Ông muốn hô to cho sự thành công của Đảng, của giai cấp vô sản mà ông đã đầu hàng. Nhưng ở ngay những kẻ hở li ti mà tôi vừa nói tới, chắc chắn đang lên vào những lời nỉ non âu yếm. Tuổi ông mới có 25. Thành Trương nhà tôi cũng thế. Ông đã yêu ai chưa?*

*Ông muốn nghe nốt câu chuyện Trương Chi? Tôi kể đến đâu rồi nhỉ? À... đến quãng ly kỳ nhất. Đến cái quãng chàng Trương vì say rượu mà nhận lời vào nhà họ Trần ca hát, làm vui cho một tiểu thư, để cả một phường chài được phép bán cá ven sông. Chắc ông nghĩ ngay đến cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa đôi nam nữ. Cuộc gặp gỡ đó kể ra cũng khá kỳ dị, vì cả hai tuy nghe thấy tiếng mà chẳng thấy người. Ông trưởng giả muốn giữ nghiêm gia pháp nên chỉ cho chàng Trương ngồi hát ở phòng bên. Nhưng họ Trương vừa cất tiếng hát là My Nương – chính tên của Trần tiểu thư mà tôi quên nhắc tới – My Nương đã nhận thấy ngay đâu là lẽ sống của mình.*

*Qua ngày thứ hai, đến ngày thứ ba thì My Nương nhất định đòi nhìn tận mặt Trương Chi. Ông trưởng giả lấy làm khó nghĩ, bèn cho gọi trùm phường chài vào để cùng bàn luận.*

*Hai bên trước kia đã đối lập nay bỗng trở nên một cánh đồng minh để đối phó với anh chàng họ Trương tuy không giàu như ông trưởng giả nhưng lại ăn đứt được cả phường chài về tài ca hát. Rốt cuộc cả hai đồng ý, một mặt cho người phao ngôn Trương Chi mang bệnh phong ăn loét cả mặt, một mặt bắt Trương Chi che mặt những khi ca hát cho My Nương. My Nương tuy ghê tởm nhưng vì mê lời ca mà vẫn muốn gần.*

*Nhưng qua làn vải, hình ảnh người thiếu nữ họ Trần đã làm rung động đến tận cùng tâm hồn của chàng tuổi trẻ.*

*Trương Chi bắt đầu yêu.*

*Trương Chi bắt đầu yêu. Nhưng vì mới biết yêu, gia dĩ sóng tình dào dạt nên nơi đầu mày cuối mắt lộ rõ nỗi lòng, bạn chài chung quanh thấy đều biết cả. Nhận thấy mối nguy, phường chài bèn lén họp một đêm ở giữa dòng sông mà bàn chuyện đối phó.*

*Lúc đầu xóc nổi, có người bàn nên đuổi phất chàng Trương ra khỏi vùng. Có kẻ lại nghĩ đến chuyện thủ tiêu, cho rằng trục xuất vẫn là hạ sách, vì chàng Trương vẫn còn chân để quay lại nơi đây. Sau có người điềm tĩnh đặt sát vấn đề: lấy ai thay thế chàng Trương?*

*Buổi họp gần tàn, trùm phường đứng lên kết luận:*

*"Đuổi hay thủ tiêu cũng vậy, chúng ta vẫn thiếu chàng Trương. Mà hiện giờ tiếng hát của chàng lại cần cho việc sinh kế của chúng ta. Vậy xin giữ chàng ở lại nhưng phải canh phòng cẩn mật, không được cho tiểu thư thấy mặt của chàng. Muốn như vậy, phải thuyết phục cùng Trương từ nay suốt ngày phải che kín mặt".*

*"Nhưng nếu chàng không nghe?"*

"Tôi tin là chàng sẽ nghe. Và tôi xin lãnh phần nói chuyện với chàng.

*Ông có hiểu anh trùm phường đã nói gì với Trương Chi không? Tôi chắc ông cũng thừa hiểu. Đã hơn một lần, tôi chắc những người như ông đã được nghe những lời tương tự. Có phải bắt đầu thì bao giờ cũng là những danh từ quyến rũ: Cách mạng, Lực lượng đang lên... Ông là cái chất ma túy của những danh từ! Và trong cơn mê đắm của tuổi hai mươi, ông đã vội vàng không thêm nghĩ mà nhận ngay cái vai trò đẹp nhất trong một tấn kịch mới mở màn đầu. Một với hiệp sĩ phong lưu sáng khoái, cả đời chỉ chuyên vào việc cứu khổn phò nguy. Trong mỗi con người, nhất là chúng ta, bao giờ mà chả tiềm tàng một Don Quichotte? Chúng ta đã lên yên. Chúng ta lại có thêm một ngọn giáo. Làm gì mà chúng ta chả lẫn xả vào một cái cối xay! Nếu chỉ có thế cũng không sao. Nhưng ngọn giáo đã lao đi, chúng ta lại bị cái đà lý luận của họ, mà lao theo ngọn giáo. Thế rồi, dần dà, từng bước, từng chặng đường, qua từng giai đoạn, chúng ta cứ theo đà mà dần bước, từ cuộc phiêu lưu này tới cuộc phiêu lưu khác... Một hôm, chợt thấy quãng đường còn dài mà chân đã mỏi, nhưng dừng bước là lùi, chúng ta vội vàng trút nốt cái phần nhân tính để lại ven đường, hồng lẻo đẻo chạy theo cho kịp những người đi trước. Từ địa vị một chàng hiệp sĩ phong lưu, chúng ta trở nên một con sĩ tốt, cúi đầu chịu lệnh một vị tướng vô hình. Hỡi ơi!*

*Và, hỡi ơi! Anh Trương Chi của chúng ta cũng vì thế một phần mà nghe lời trùm phường. Tất nhiên cái thể của anh cũng có phần khác biệt. Vì mối tình đối với My Nương. Vì việc mưu sinh của cả phường chài. Đó là cái thể trên đe dưới búa, cái thể mắc kẹt giữa trường giả và phường chài.*

*Cũng vì lẽ đó mà anh chịu suốt ngày che mặt. Ai cũng cho là mắc bệnh phong, thấy đều lảng tránh.*

Từ độ ấy, cuộc đời của chàng thấm gồm vào những giờ gặp mặt My Nương. Vì chỉ có những lúc ấy là chàng sống hoàn toàn, niềm vui lên đến tột bậc, mà đau đớn cũng tới mức ê chề. Có buổi chàng định vút phăng miếng vải che mặt và nói to sự thật, nhưng vừa định giơ tay lại nhớ đến lời hứa của mình đối với phường chài, mà phải dần lòng ngồi lại. Nhưng cũng có những phút cảm thông, cất cao lời ca mà thoáng thấy long lanh ngấn lệ nơi con mắt người thiếu nữ thì sóng tình lai láng, tưởng như muốn phá vỡ con tim mà tràn khỏi lồng ngực...

Bỗng một hôm chàng cảm thấy khang khác trong người. Và ngày hôm sau thì cất tiếng ca, thì chàng nhận ra là tuy giọng hát vẫn giữ nguyên giọng cũ như tình của lời và ý của nhạc đã thấy đổi thay.

Ý nhạc không còn vươn tới cái mệnh môn thăm thẳm của tâm giới mà chỉ còn vất vưởng trong đám lửa chài, lời ca cũng trở nên nghèo nàn, thiếu hẳn màu thanh thoát.

Lúc trở về nhà, thấy những khớp xương như to ra, dáng đi mất phần nhanh nhẹn, cử chỉ trở nên thô kệch, mặt mũi nhứt buốt tưởng chừng như bàn tay sắt bóp nát vỏ tan. Bèn giấu cả mọi người, tìm một lùm cây bên bãi úp mặt mà nằm.

Cứ như thế, đau đớn suốt đêm, đến sáng bỗng nhiên khỏi hẳn. Bèn bò ra quãng sông vắng mà soi mặt xuống nước. Mặt nước dâng lên một khuôn mặt cục cằn, trán thấp, mắt lác, mũi tẹt, răng hô...

Trương Chi ôm mặt mà khóc.

Càng khóc giọng càng khan đặc.

Cho đến khi hết nước mắt đứng dậy thì Trương Chi đã hoàn toàn lột xác. Chàng đã mất tất cả: từ hình hài đến tâm tưởng, từ nếp sống đến lời ca, tiếng hát, để trở nên một gã thuyền chài, vạm vỡ, thô kệch, tưởng như suốt đời chỉ biết có việc đánh cá bên sông.

Gã thuyền chài – Trương Chi đứng tần ngần một lúc, lấy chân đá nghịch vào một đồng lông gà, rồi đi khuất vào đám đông.

Từ độ ấy, không còn nghe ai hỏi tới Trương Chi.

Duy những đêm thanh vắng, phường chài đi đánh cá khuya thường trông thấy ẩn hiện một chiếc thuyền câu lướt nhanh trên mặt sông mà xuôi về phía nhà trường giả. Thỉnh thoảng lại nghe như có tiếng hát, âm hưởng loang trong sương khuya, từng đợt gió trở nhẹ sang ngang những lời thì thầm của nhạc.

Vào những đêm đó, My Nương thường thức trắng đêm.

*Thế là hết câu chuyện Trương Chi của tôi. Và bây giờ thì chắc ông cũng hiểu tại sao tôi lại không quay về Hà Nội. Cuộc đời Trương Chi có ngang trái, chỉ vì họ Trương chưa tìm được người đồng cảnh. Tôi may mắn hơn anh ta. Vì tôi đã gặp những người đồng cảnh.*

*Sáng rồi. Chúng ta có thể từ giã nhau, như những nhân vật chính của một tấn kịch ba màn có hậu. Ông về Hà Nội. Còn tôi, tôi phải lên đường. Ông đã giữ phần chủ động trong suốt màn hai. Giờ đây màn ba khai diễn. Màn ba là của tôi, của chúng tôi.*

*Xin chào ông. Tôi cũng trả lời thẳng em tôi nữa.*

1955

## Vũ Khắc Khoan và Tôi Nguyễn Sỹ Tế

### A. Tường Nhớ Người Quá Cố



Nguyễn Sỹ Tế, Vũ Khắc Khoan  
tại Trung học Trường Sơn, Sài Gòn

*Một chén hồ trường đã cạn khô,*

*Con tàu ga xép đứng trơ vơ,  
Nhớ người ngồi đọc kinh trên tuyết  
Nay đã xa bay cõi tuyết mù!*

(*Hồ trường*: nhan đề bài hùng ca của Nguyễn Bá Trắc làm tại Trung quốc, trên bước đường ly hương lo việc nước của ông; bài ca này, Vũ Khắc Khoan thường ngâm vang trong những dịp hội họp bạn bè, khi ngà ngà say, tiên sinh được yêu cầu lên đóng góp gọi là "một tiết mục văn nghệ". *Ga xép* là tên một kịch phẩm và *Độc Kinh* một thiên tùy bút của Vũ gia. *Cõi tuyết mù* là lời nói kết thúc cái nhìn của tiên sinh về vũ trụ và nhân sinh trong cuốn *Độc Kinh*; có thể tác giả đã dùng ba chữ đó để nói về *Cõi hư vô* hay *Le Néant* của Siêu hình học).

## **B. Vũ Khắc Khoan Và Tôi**

Đối với tôi, Vũ Khắc Khoan bao giờ cũng là "*người đi bước trước*". Trước từ lúc ra đời, đi những bước trên đường đời và cuối cùng từ già cõi đời. Người sinh năm Ty, tôi năm Tuất.

Mùa xuân năm 1950, tôi lặn lội từ hậu phương trở về thành (*Hà Nội*) rồi vào dạy học tại trường Chu Văn An, đã nghe học trò nói người dạy học từ trước, tại trường Nguyễn Trãi.

Ở Hà Nội, ngày ngày tôi đạp xe từ Chợ Hôm lên trường Cửa Bắc cũ (Chu Văn An), tiên sinh đi ngược chiều, từ Quan Thánh xuống Nguyễn Trãi. Nên chẳng gặp nhau. Cuộc giao du giữa chúng tôi quả là sơ khoáng, khởi sự chậm chạp trong mấy công việc thường nhật: dạy học, hoạt động hiệu đoàn học anh, viết văn, làm báo. Tiên sinh viết kịch, làm đạo diễn, viết truyện ngắn; tôi viết sách giáo khoa, kịch ngắn và truyện ngắn.

Tháng 8.1954, không đợi các giáo sư Chu Văn An, tôi cùng vợ con theo đoàn Sinh viên Đại học, đáp máy bay vội vã đi vào Nam. Tưởng di cư như tôi là sớm sửa rồi, không ngờ vào Saigon được mấy hôm tôi đã gặp Vũ gia ngồi chễm chệ trên ghế Công cán Ủy viên bộ Thông tin với bộ trưởng Phạm Xuân Thái. Ngoài ra, tiên sinh còn là một cây bút chủ lực của Nhật báo *Tự Do*, - cơ quan ngôn luận của người di cư- cùng với mấy cây bút cội: Hiếu Chân, Đinh Hùng, Mặc Thu, Trần Việt Sơn. Tôi tiếp tục dạy học, viết sách giáo khoa và làm báo cho Đoàn sinh viên Bắc Việt Di cư cùng với Thanh Tâm Tuyền, Trần Thanh Hiệp, Doãn Quốc Sỹ (tờ *Người Việt* và tờ *Chuyển Hướng*).

Trong hai năm đầu di chuyển, tôi phải dạy bao giờ cho trường Chu Văn An kể cả môn triết. Vũ gia tạm rời chính trường về Chu Văn An với tôi, tôi nhường tiên sinh một số giờ Việt văn lớp đệ nhất (*ngoài Việt văn, tiên sinh còn dạy Sử*). Cả hai chúng tôi đều không dạy tiếng Pháp.

Năm 1956, ngay từ đầu năm, tôi vào bộ Ngoại giao làm Phụ khảo Luật cho cố giáo sư Vũ Văn Mẫu lúc đó kiêm Khoa trưởng trường Luật chuyển từ chương trình Pháp qua chương trình Việt.

Mùa hè 1958, một số giáo sư đang dạy học tại Chu Văn An trong đó có Vũ Khắc Khoan, Bùi Đình Tấn, Bạch Văn Ngà. Nguyễn Xuân Kỳ (*con cụ Chử*) lên tận bộ Ngoại giao rủ tôi ra mở trường tư để "kiếm thêm". Tôi đã nhận lời. Và đó là trường trung học tư thực, đệ nhị cấp Trường Sơn trước ở đường Tự Đức (*Dakao*) sau dọn về đường Lê Văn Duyệt, gần đường Hồng Thập Tự, Vũ Khắc Khoan và tôi trở thành đôi bạn chí thân từ đó.

Chúng tôi lên dạy đại học từ 1962, Vũ tiên sinh vào trường Văn Khoa, tôi trường Đại học Sư phạm. Sau 1963, chúng tôi cùng dạy chung tại Văn Khoa Vạn Hạnh và Văn Khoa Dalat. Vũ gia còn đi Huế, tôi xuống Cần Thơ.

Ngay từ Trung học, chúng tôi thường dạy chung kiểu *tandem* (dạy cặp) cho một số chương trình (*tác giả, thời đại*). Ở Dalat, chúng tôi vẫn giữ, nếu chương trình cho phép, lề thói ấy. Và cũng có một số phân công nhỏ: tiên sinh trông coi lý thuyết sân khấu, tôi lo lý thuyết thi ca và tiểu thuyết.

Có một thời, lúc Vũ gia làm Trưởng ngành kịch nghệ của trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ, tiên sinh kéo tôi sang đó dạy văn hóa, lịch sử nghệ thuật và các quan niệm diễn xuất cho sinh viên trong ngành.

Tôi biết Vũ Khắc Khoan có làm chính trị, còn tôi thì không, không bao giờ. Người ta bảo tôi Vũ tiên sinh thuộc đảng Duy Dân. Nhưng từ trước cho tới sau, tiên sinh không hề nói bất luận một điều gì về hoạt động chính trị và lý thuyết chính trị theo đuổi của mình cho tôi hay. Tôi không tò mò hỏi mà tiên sinh cũng lại rất kín đáo. Tôi càng quý mến bạn tôi ở chỗ này.

Tuy nhiên, tôi cũng biết từ khi cùng thành lập Trường Sơn, công chúng Saigon vẫn có một cái nhìn đánh dấu một dị biệt có thật giữa Vũ tiên sinh và tôi. Tiên sinh rời nhật báo *Tự Do* về viết lách chung với mấy bạn trong nhóm Quan Điểm (*tên nhà xuất bản luôn thể nhóm*) như: Nghiêm Xuân Hồng (*luận thuyết*), Mặc Đỗ (*tiểu thuyết*), Nhuệ Hồng (*luật*), Vương Văn Quảng, Tạ Văn Nho... Có một lúc kia, Saigon gán cho Quan Điểm cái danh xưng là nhóm *Poujadistes* (tên một nhóm trung niên và thanh niên Pháp ngoài xã hội và trong nghị trường chủ trương đẩy lên phong trào trí thức tiểu tư sản bênh vực cho quyền lợi của giới tiểu thương, tiểu nông).

Ngoài ra, trong những bài viết của nhóm Quan Điểm, các vị đó nhất là Vũ Khắc Khoan- đều đưa ra hình ảnh về cái tư thế mắc kẹt của "giai cấp" mình là "trên đe dưới búa" (*dưới thì vô sản thúc lên, trên thì tư bản giáng xuống*). Có vài lần Thanh Tâm Tuyền và tôi trêu chọc Vũ gia về chuyện này, người chỉ phán một câu "*Dư dục vô ngôn*" mà tôi diễn dịch đùa thành thơ: "*Trời xanh đâu có nói năng chi!*". Mặc dầu vậy, thâm tâm tôi vẫn nhận biết một con người, một bằng hữu rất thâm hậu về mặt tình cảm. Qua Hoa Kỳ, đọc cuốn "*ĐOÀN VĂN XA NƯỚC*" của ông (*do An Tiêm xuất bản*), những trang viết về Thanh Tâm Tuyền thật là ý nhị và đầy những xúc động êm đềm.

Ngoài ra, Saigon còn nói (*chỉ đúng một phần nhỏ*) rằng tôi gánh vác cái nhiệm vụ "hòa giải" giữa hai nhóm nhà văn là nhóm Quan Điểm và "nhóm-phi- nhóm" Sáng Tạo của Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền và tôi. Riêng tôi, tôi vẫn nói với mọi người rằng tôi chống chủ trương phe nhóm (*anti-ghetto-isme*) và luôn thể chống chủ trương của lớp người tự nhận mình là ưu việt (*élitisme*). Nhưng rồi câu chuyện không có gì là nặng nề và đã qua đi một cách mau chóng. Thơ tự do của Thanh Tâm Tuyền được ngâm nga trong chương trình phát thanh Tao Đàn "*tiếng nói của thi ca kim cổ*" của Đình Hùng. Và Vũ Khắc Khoan nhận xét về những thiên tiểu luận văn học của tôi: "*Con đường nào cũng đưa tới La Mã. Đồng ý. Nhưng con đường Nguyễn Sĩ Tế là con đường mới, con đường của một nghệ sĩ*".

Một ngày cuối tháng 4.1975, Vũ Khắc Khoan và tôi gặp nhau và nói chuyện một hồi lâu với nhau trong phòng giáo sư vắng hoe của trường đại học Tri Hành, đường Trần Quốc Toản, Saigon. Không ngờ đó là ngày chúng tôi chia tay. Chỉ một tuần sau, tôi đã được hay tin là Vũ gia đang ở đảo Guam cùng gia đình chờ ngày vào đất Mỹ.



Mùa thu 1986, tin Vũ Khắc Khoan tạ thế ở Mỹ đến tai tôi qua thông tin của mấy anh em văn nghệ sĩ cùng ở trại Hàm Tân (*Long Khánh*) với tôi.

Sang Hoa Kỳ năm 1992, tôi gặp lại Mai Thảo và gia đình Vũ gia. Tôi được biết mọi chuyện chung quanh cái chết của bạn tôi và được đọc những tác phẩm bạn đã viết ở chốn tha hương này. Và bây giờ, cố nhân của tôi vẫn nằm nghỉ một mình, cô đơn, lạ lẫm giữa một nghĩa trang đất khách toàn những vong linh khác ngôn ngữ với một dòng chữ của thân nhân trên mộ bia: *In loving memory of...*

Tôi biết có nhiều bạn văn lớp cũ, nhân dịp ngày giỗ Vũ gia mà lại biết tôi đang viết về người, muốn tìm thấy nơi những trang viết của tôi một bài phê bình nào đó về văn nghiệp của người bạn quá cố của tôi. Thú thật, tôi không phải là một nhà phê bình văn học đúng nghĩa, mặc dầu tôi có viết nhiều bài tiểu luận văn học và giảng dạy về khoa "*Phê bình luận trong văn học*" tại mấy trường đại học Saigon trước kia. Bây giờ thì tôi lại càng không dám - nhất là về người bạn quá cố của tôi. Quá nhiều thời gian đã trôi xuôi, mười hai năm tù cộng sản, niên tuế quá cao, ký ức mòn... đều là những gì đã cản bước chân đi. Nhưng đây là dịp có lẽ độc nhất vô song trong tuổi già của tôi để biểu thị một tấm lòng đối với một người bạn thân đã qua đời, mặc dầu quên gần văn những gì bạn đã viết trước kia và sau đó, tôi cũng xin ghi nhận sơ sài những gì tôi còn nhớ về Vũ Khắc Khoan, về những tác phẩm của tiên sinh, về cung cách viết văn của người.

- *Nguồn gốc nuôi dưỡng*: lịch sử dân tộc và phần nào thế giới, một chút nho học; văn học Pháp quốc từ *symbolisme* trở về trước; thần thoại Hy Lạp; Đạo đức kinh của Lão tử (*đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh*); mấy pho kinh Phật; những giáo điều cơ bản của Thiên Chúa Giáo nói về sự khai thiên lập địa; tiểu thuyết cổ Trung quốc...

- *Cung cách viết*: viết ít thôi, thai nghén tác phẩm thật lâu; rút nội dung cô đọng về những chủ đề triết và văn học lớn; tra cứu, hỏi han cho đến lúc đắc ý mới viết.

- Chưa thấy tác giả văn chương nào lại chiếu phóng sâu xa cá tính, tâm hồn mình xuống tác phẩm của mình vào đúng chủ đề của chúng, vào ngay nhan đề của chúng như Vũ gia. Nên chi bạn bè gọi tên Vũ gia bằng tên những nhân vật của tác giả: Thằng Cuội, Thần Tháp Rùa, Thành Cát Tư Hãn, ông chủ nhà ga xếp, một thiên gia ngồi tụng kinh trên tuyết (*Minnesota*)...

- *Văn chương trau chuốt*, dẫn đo trong nhàn tản, bàng bạc màu cổ văn mà vẫn độc đáo. Một thoáng hương xưa còn để lại sau một mùa biến động hỗn mang lại trở về hỗn mang, khởi từ tuyết mù để trở lại tuyết mù. Vô thi vô chung

### C. Di Cảo Của Vũ Khắc Khoan

Sang Hoa Kỳ, tôi đã ngạc nhiên khi đọc một Mai Thảo làm thơ lối cũ và một Nghiêm Xuân Hồng viết những thánh ca. Tôi nghĩ: dân Việt Nam có khiếu văn học, mỗi người Việt Nam trong bất bình đều có thể khoác áo thi gia. Đến lúc biết được Vũ Khắc Khoan cuối đời có làm một bài thơ bằng Pháp ngữ, tôi lại càng ngạc nhiên hơn. Tôi đang có trong tay tập di cảo của bạn tôi. Tôi phát hiện ra rằng mối kết liên kỳ diệu giữa bạn và mình chính là niềm cảm xúc mệnh mang bùng lên trong tâm khảm trên cỗ xe chuyên chở là một nền văn thơ ngoại lai đã đổ xuống xứ chúng tôi non một thế kỷ mà chúng tôi đã phải nhọc công nửa cuộc đời để tiếp nhận.

Tập di cảo của Vũ Khắc Khoan mang nhan đề là:

*Le petit oiseau, la petite branche*

*et le printemps.*

Dưới ghi thế tài:

*poème en prose*

Tôi xin dịch:

*Con chim bé, cành cây nhỏ  
và mùa xuân  
Thơ xuôi*

Dưới nữa là một câu thơ xuôi làm khai từ (*prologue*) cho toàn bài thơ:

Or il n'y a pas de  
Printemps  
pour toi, ô mortel  
Pas encore

Tôi xin dịch:

*Thế mà không có  
Mùa Xuân  
cho người, ô chúng sinh  
Chưa có.*

Bài thơ xuôi của Vũ gia kéo dài 49 trang đánh máy chia ra làm nhiều đoạn đánh số La Mã, mỗi đoạn lại chia làm nhiều khổ có dấu hoa thị để ngăn chia.

Cuối cùng lại có ghi chú:

*Avril - Juillet 1986  
V.KH.KH*

Như vậy, bài trường ca của tác giả đã được sáng tác trong bốn tháng và dứt điểm non hai tháng trước ngày tạ thế của ông (*tháng 9-1986*). Tôi không hiểu bản đánh máy này tác giả đã kiểm soát lại chưa vì tôi không thấy có bút tích của ông.

Đọc sơ mấy lần, tôi tạm thời tóm lược nội dung và nhận xét hình thức của bài thơ xuôi tràng thiên đó: Bài thơ là một thứ tùy bút dài ghi nhận những suy tư và cảm xúc của tác giả về vũ trụ, nhân sinh quan nói chung và thân phận của mình,, của nhiều người nhiều nước khác nhau sinh ra giữa một thời nhiễu loạn.

Những suy tư và cảm xúc đó xoay chung quanh những tiểu thuyết và những "*nguồn gốc nuôi dưỡng*" tôi đã ghi trên kia (*xem lại phần trên, đoạn nói về nguồn gốc nuôi dưỡng*). Những dòng thơ chấp nối trong một mối giây kỳ diệu khiến tôi cảm thấy thi phẩm của bạn như thể là một pho kinh, một bản thánh kinh, một chuỗi những bài kệ, những bài sấm với những ngập ngừng hoài nghi của đạo Lão về tất cả.

Tôi xin dịch hầu đọc giả phần đầu của hai đoạn đầu.

## **- ĐOẠN I.**

Ngày xưa có một thời  
Mà tất cả còn hỗn mang  
Thế mà vị Chúa của người Do Thái  
Và Zeus (*thần thoại Chúa tối cao của dân Hy Lạp thời thái cổ*)  
Hãy còn đang ngủ vùi

Chẳng có gì tạo thành  
Và chẳng có gì là hiện hữu  
Nói cho đúng hơn  
Dường như tất cả là thế  
Người chẳng cảm thấy điều đó sao  
Một cái thoáng ngờ thồn thức  
vô duyên cớ  
đang ngạt chìm đi  
Cái "không" nó đang run rẩy  
trong mắt hút  
nơi không gian kia không có chiều đo  
và cái thời gian kia nó ngưng đọng lại  
Người chẳng cảm thấy sao  
Cái đang thành hình  
trước khi có một hình thức nào thủ đắc?

Khuôn mặt người, khuôn mặt thực,  
Hỡi kẻ chúng sinh kia  
Trước khi mà người đã thành?  
Người không thể trông thấy nó  
Cũng không thể nghe thấy nó  
Người cảm thấy nó hiện diện nơi xa kia  
Cái "Không" của cái "Không" nhỏ bé  
Nụ hôn e lệ của một cánh bướm  
Âm vang tàn của một tiếng chuông  
nó dâng lên và hạ xuống  
lại dâng lên để rồi tan  
Người cảm thấy nó mà  
Than ôi, người cũng ý thức thấy nó

- Đáng lẽ người chẳng nên  
Và nó, một cái không cảm giác,  
Đáng lẽ người chẳng nên  
gọi tên nó làm gì  
Cái điều nó không chấp nhận  
một cái danh xưng nào  
- Kể cả cái tên là "bất khả gọi tên"  
Thế mà người đã làm thế  
Than ôi  
Cái "bất khả gọi tên" là tên gọi đó  
Và điều ác đã ra đời.

Thế mà chưa phải là khởi thủy  
Chưa mà  
Thấy không, chưa cái gì đã thành  
Bóng tối - ánh sáng  
Ngày và đêm  
Điều thiện và điều ác  
Cái đẹp và cái xấu  
Tất cả hãy còn là hỗn mang  
Ở chốn khởi thủy có phải là

Ngôi Thánh thần không?  
Và ngôi Thánh thần có phải là  
Hành động?  
Thế mà cái Không có tên  
không phải là thế  
Cái không có tên  
đã có trước ngày khởi thủy  
Trước ngày mà tất cả mọi sự  
vật đã hiện hữu.

.....

## **ĐOẠN II.**

Ngày xưa có  
Trên một cành cây con  
Một con vật nhỏ bé  
Cô đơn  
Trần trụi  
Một con vật nhỏ bé, rất nhỏ bé  
Nhưng sáng suốt vô cùng  
Đậu ở đó  
Và suy tư  
Và trước đó lâu nữa  
Cảm thụ.

Đối diện với Vô cùng  
Nó cảm thụ vô cùng  
Và suy tư thấu đáo  
Và thấy mình bị ràng buộc  
Bị cầm tù  
Ngạt thở, áp bức  
Điên loạn  
Và suy tư về Tự do  
Và cảm thấy nhẹ lòng.  
Nhẹ nhàng  
Nhẹ nhàng  
Một đợt khói  
Nó dâng lên, dâng lên nữa  
Nó bay đi và mất hút  
Thế là nó (*con chim*) suy tư về cánh bay  
Và cảm thấy  
Run rẩy  
Rất hồi hộp phập phồng  
Hỡi bàn tay nhỏ bé  
Nó buông xuôi  
Nó nép mình  
Nó run rẩy  
Trong một bàn tay khác  
Một bàn tay lực lưỡng trấn an  
Nhưng cũng lại run rẩy  
Mà vẫn che chở được  
Nhẹ nhàng quá mà đồng thời

Nặng nề quá, nó cảm thấy trở thành  
Một con bọ câu nó biết nghĩ  
Con bọ câu nhỏ bé nó nhảy nhót  
Thế là nó nghĩ  
Về loài chim  
Và nó thành chim  
Trên một cành cây nhỏ  
Nó nhỏ bé tí hon  
Nó trần trụi  
Vứt bỏ  
Rất cô đơn  
Nhưng mà tự do  
Nhưng mà nhẹ nhàng  
Và có cánh  
Và nó cảm thấy mình  
Rất hùng mạnh  
Nó suy tư, nó nghĩ thế  
Bởi vì nó có ý thức

.....

*Lời cuối:* Trên quan điểm của một nghệ sĩ, cảm ơn anh Khoan nay đã siêu thoát rồi.

Garden Grove, 22 Aout 2000

*Khởi Hành số 47, Tháng 9.2000*

*Số đặc biệt: Tưởng Nhớ Vũ Khắc Khoan*

## Vũ Khắc Khoan & Samuel Beckett: Nghệ thuật, như một cái cớ Bùi Vĩnh Phúc

Lúc đầu, tôi đã muốn đặt tựa bài viết này là *Vũ Khắc Khoan & Samuel Beckett: Sự chờ đợi, như một cái cớ*. Sau đó, tôi đổi lại thành: *Kịch, như một cái cớ*. Và cuối cùng, những suy nghĩ về Kịch của Vũ Khắc Khoan và Samuel Beckett đã khiến tôi đặt lại tựa đề như trên.

Thế nhưng, trong bài này, tôi lại không thể viết hết về nghệ thuật của Vũ Khắc Khoan hay của Samuel Beckett. Mỗi người cần riêng cho họ một (hay vài chục) cuốn sách. Tôi lại càng không thể, trong một bài văn gọn, viết về nghệ thuật của cả hai người. Tôi sẽ chỉ viết về Kịch. Một vài vở trong toàn bộ sáng tác của họ.

Thế tại sao lại không thu gọn cái tựa đề lại? Bởi vì, đó cũng lại là một cái cớ. Tôi sẽ nhìn kịch như một cái cớ để, từ đó, nói lên một số suy nghĩ về quan niệm nghệ thuật-văn chương, khảo luận, tùy bút (*trường hợp VKK*), thi ca, phim ảnh (*trường hợp Samuel Beckett*) - của hai người. Tại sao lại Vũ Khắc Khoan và Samuel Beckett? Dĩ nhiên, mỗi người có một vị trí riêng, có một thời thế, một đời sống, một hoàn cảnh xã hội, đẩy họ đến những sáng tác riêng. Nhưng ở đây, tôi chỉ muốn trình bày một cái chung của họ: Kịch. Và một cái chung lớn hơn: Nghệ thuật như một cái cớ để, qua đó, họ thể hiện cái cung cách sống đời, cái lối suy nghĩ, cái cách nhìn ngắm và phân giải đời sống của họ.

Vũ Khắc Khoan có thể đã chịu một ít ảnh hưởng của Samuel Beckett. Và ông đã thành công trong việc làm mới kịch Việt, với những vở kịch được viết sau này của ông, dựa trên một vài kỹ

thuật mà Samuel Beckett đã sử dụng trong *En Attendant Godot* và những kịch sau đó. Nhưng chính cái tài sử dụng ngôn ngữ cũng như sự tinh tế của Vũ Khắc Khoan khi nhìn ra những kho tàng ẩn giấu chưa được khám phá trong các vở chèo cổ hay hát bội Việt đã là những yếu tố góp phần nhiều nhất vào sự thành công của ông. Trong cuốn tùy bút *Mơ Hương Cánh*, Vũ Khắc Khoan có một bài viết bày tỏ sự thích thú về vở kịch *En Attendant Godot* của Beckett. Trả lời câu hỏi của Nguyễn Đông Châu trên báo *Văn* (Sài Gòn): *Từ Shakespeare, Racine tới Camus, Beckett, kịch đã tiến triển như thế nào. Và trong các tác giả trên, ông lưu ý đến ai?* Vũ Khắc Khoan đã nói tóm lại là ông thích nhất hai người: Shakespeare (lắm lời nhất) và Beckett (ít lời nhất). Cũng trên *Văn* (Sài Gòn), để trả lời câu hỏi của Nguyễn Nam Anh: *Ông nghĩ sao về Ionesco? Samuel Beckett?* Vũ Khắc Khoan nói: *Ionesco dưới Beckett một bậc. Nhưng cũng vì vậy mà với Ionesco thì còn kịch. Với Beckett, kịch dần dần tự hoá giải để trở thành vô ngôn.*

Vũ Khắc Khoan yêu sự vô ngôn này. Ông cũng lập đi lập lại nhiều lần cái quan niệm của ông cho rằng một vở kịch lớn là một vở kịch không có khán giả. Khán giả với diễn viên là một <sup>(1)</sup>. Khán trường và sân khấu không còn sự ly cách (sự ly cách này vốn dĩ đã thật là mỏng manh trong bản chất của kịch.)

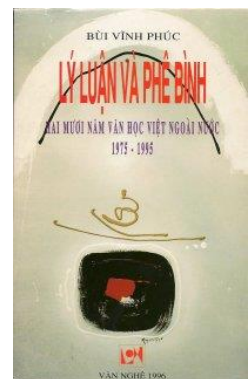
*En Attendant Godot* là một vở kịch cả thế giới biết đến của Samuel Beckett, được viết trong giai đoạn 1947-1949. In thành kịch bản năm 1952. Diễn lần đầu vào tháng Giêng, 1953. Bản dịch ra Anh văn là *Waiting for Godot* năm 1954... Vở kịch này là một cuộc cách mạng trong cơ cấu kịch, trong chất liệu kịch, và trong sự trình diễn. Thông điệp của vở kịch là sự chờ đợi. Vở kịch được xây dựng quanh hai diễn viên chính, qua đó, tác giả trình bày hoàn cảnh và đặc tính của sự chờ đợi. Cái đặc tính này cũng là yếu tính của vở kịch. Kịch ở đây không còn trình bày về một biến cố nào đó, nhưng nó trình bày chính nó. Tự nó là một vũ trụ riêng với những khả tính và yếu tính mà tác giả muốn nó có.

Trong một vài vở kịch của Vũ Khắc Khoan-chẳng hạn như *Giao Thừa*, *Ga Xép*, và *Thành Cát Tư Hãn*-tôi cũng thấy cái chủ đề về sự chờ đợi ẩn giấu trong đó. Tôi sẽ trình bày rõ hơn về cái nhìn này của mình trong kịch Vũ Khắc Khoan, cũng như sẽ đưa ra một vài suy nghĩ khác liên hệ đến kịch của ông sau khi tôi đã trình bày một vài nhận xét về Samuel Beckett nói chung, và đặc biệt, về vở *En Attendant Godot* của tác giả này

\*

Samuel Beckett là một tiểu thuyết gia, một kịch tác gia, một thi sĩ, một người làm phim, một nhà phê bình người Ái Nhĩ Lan sinh năm 1906 tại Dublin. Giải Nobel năm 1969. Ông theo học ở Trinity College, và sau đó làm giáo sư thỉnh giảng tại Ecole Normale Supérieure, Paris (1928-1930). Ở đó, ông gặp và trở thành bạn thân của James Joyce. Từ năm 1938 trở đi, ông định cư và làm việc luôn tại Paris.

Những tác phẩm đầu tiên của Beckett bao gồm thơ, tiểu luận, truyện, và hai cuốn tiểu thuyết mang tựa đề *Murphy* (1938) và *Watt* (1953). Trong hai tiểu thuyết này, cũng như trong các tác phẩm khác sau đó của ông, những nhân vật chính là những người, chịu đựng một sự thúc đẩy mãnh liệt từ đời sống riêng của họ, lao đầu vào thế giới bên ngoài để tìm kiếm một thực tại hết sức hư ảo. Ở đó, họ chỉ tìm thấy một thế giới phi lý. Cái thế giới này từ chối mọi sự trình bày hay lý giải về nó. Trong những tác phẩm sau này viết bằng tiếng Pháp (được dịch ra Anh văn bởi chính tác giả những năm sau đó), đặc biệt là bộ tiểu thuyết ba tập (trilogy) gồm *Molloy* (1951), *Malone meurt* (Malone dies, 1952) và *L'innommable* (The unnamable, 1953), Beckett đã sử dụng kỹ thuật độc



thoại nội tâm, dùng dòng-ý-thức để trình bày về cuộc tìm kiếm, trở về với bản chất mình, với cội rễ của mình, nơi con người. Cuộc tìm kiếm này được thực hiện giữa màn sương mù bao phủ dày đặc của sự cô đơn, sự thối rữa tàn tạ, và cái chết.

Những tác phẩm này của Beckett đều có một giá trị độc đáo của chúng. Nhưng chính vở kịch *En Attendant Godot* (Waiting for Godot, 1952) mới làm cho tên tuổi Beckett trở thành lừng lẫy và biến tác giả trở nên một khuôn mặt nổi bật của những kịch tác gia chủ trương một loại kịch mới gọi là *kịch phi lý* (the theatre of the absurd). Đặc tính của vở kịch này được diễn tả qua cung cách ngớ ngẩn, ngôn ngữ lặp lại của diễn viên, và nhất là qua kỹ thuật dựng phong. Diễn viên là những anh hề hay những kẻ đầu đường xó chợ lang thang lếch thếch. Cảnh thì ảm đạm, trơ trụi và không thể xác định được là ở đâu. Cử chỉ, động tác của nhân vật thì rất ít, quá ít. Chỉ có lời nói là chính. Những câu nói lập đi lập lại và hết sức mâu thuẫn, có tính cách tự xoa. Thật sự, ngôn ngữ, cũng như bất kỳ một phương tiện nào khác, đều mất đi cái khả tính soi sáng, trình bày ý nghĩa của nó trong một thế giới phi lý. Chủ đề chính của vở kịch chỉ giản dị là *sự chờ đợi*. Nhưng "cái" mà hai kẻ lang thang kia chờ đợi thì lại là một cái gì mơ hồ, không rõ nét, không chắc chắn. Cái đó là Godot. Nhiều nhà phê bình Âu Mỹ đã suy xa đoán gần đó là Thượng Đế, God. Trong *Godot* có chữ *God*. Hay là định mệnh con người. Hay là một cái gì khác. Bao nhiêu là suy đoán xoay quanh cái "nhân vật" Godot ấy.

Vũ Khắc Khoan, trong bài viết về vở kịch này, cũng đã trình bày lại những suy đoán đó. Nhưng thật ra thì *Godot* là tiếng Pháp, đọc là Gô-đô, nhấn mạnh ở âm thứ nhì. Vở kịch đã được viết, và, trong thời gian đầu, đã được trình diễn tại Pháp. Bởi thế, chỉ là một sự trùng hợp khi chữ Godot được một số người Anh Mỹ đọc là "God-oh" từ đó, mặc cho nó một số ý nghĩa mới lạ như là Thượng Đế, định mệnh v.v... Nhưng còn Beckett, ông nói gì về Godot của mình? - "*Nếu tôi đã biết Godot là gì, tôi đã nói hết ra trong vở kịch của tôi rồi!*" Thế đấy. Nhưng sau này, khi bị chất vấn quá nhiều, mặc dù Beckett đã tỏ ra là ông ta rất do dự trong việc đưa ra một lời giải thích để làm sáng rõ ý nghĩa tác phẩm của mình, ông đã nói: "*Godot là đời sống-không một mục đích, nhưng luôn luôn với một tia hy vọng nào đó.*"

*En Attendant Godot* là một vở kịch không có thời gian, không gian, động tác, hay câu chuyện gì cả. Nó không nói về một biến cố nào. Kịch gồm 2 hồi, là hai ngày lẫn lộn vào nhau, như nhau. Beckett viết ở đoạn đầu hồi một: buổi chiều, và ở đầu hồi hai: như hồi một. Thời gian có lúc như đọng lại, có lúc lại như vụt đi. Không gian thì cũng thế: vô tính và mờ ảo. Beckett viết: *Một con đường quê, có cây* (Route à la campagne avec arbre). Một con đường vùng quê. Một thân cây, một chạc cây, hay một cành cây. Tất cả đều lẻ loi, ảm đạm. Và trơ trụi.

Beckett đưa ra hai nhân vật chính: Estragon và Vladimir, mà Vũ Khắc Khoan diễn tả là "hai nhân vật chỉ còn là 'người'" ở nơi phẳng phất hình ảnh con người (gọi là hai cái thân tàn ma dại, hai cái mờ-mờ-nhân-ảnh bằng hoại đến đáy sâu hố thẳm của sự băng hoại, thì đúng hơn)..." (*En Attendant Godot*, Vũ Khắc Khoan - Mơ Hương Càng).

Hai nhân vật này ngồi dưới cái gốc cây, cái chạc cây trơ trụi kia, chờ một nhân vật thứ ba với một cái tên bí hiểm là Godot. Cả hai đều không biết rõ Godot là ai, không biết chắc là Godot có sẽ đến không. Nhưng vẫn phải chờ. Phải đến đó mà ngồi chờ Godot. Không tránh né được. Không cưỡng thoát được. Sự chờ đợi được Beckett diễn tả trong hai hồi đã cho người đọc cái cảm tưởng là nó đã bắt đầu từ lâu lắm rồi, tự thuở có con người. Và sự chờ đợi này sẽ còn kéo dài cho đến khi nào hết con người trên mặt đất. Sự chờ đợi này đã xóa nhòa hết ranh giới của hiện tại, tương lai và quá khứ. Trong khi chờ đợi cái nhân vật Godot mà hai gã chưa từng biết mặt kia, cái nhân vật Godot không chắc có tới kia, Estragon và Vladimir phải bày ra đủ mọi trò để làm cho qua giờ, phải tung hứng xướng họa bằng những câu nói ngớ ngẩn đầu voi đuôi chuột hoặc là không đầu không đuôi, câu trước chửi bố câu sau câu sau bầu câu trước. Lần

lộn như một mớ bong bóng, như một mớ... Đào-cốc-lục-tiên của Kim Dung. Ngôn ngữ đã mất đi cái khả tính tối thượng của nó: soi sáng và mang lại ý nghĩa cho hành động, cho suy tưởng, cho đời sống. Không, trong cái thế giới phi lý này, ngôn ngữ trở thành những bọt bong bóng được hai anh hề thổi bay tứ tung. Và rồi chúng sẽ vỡ tan mà không còn để lại một vết tích gì. Có chăng chỉ còn để lại sự tro trọi, trống rỗng và phi lý đến cùng cực của kiếp người.

Vậy thì hai gã khờ kia ngồi chờ Godot dưới gốc cây, tung hứng, nói nhăng nói cuội đủ mọi thứ chuyện cho qua giờ. Thế nhưng Godot không đến. Và có hai nhân vật khác bất ngờ xuất hiện. Pozzo và Lucky, một người là chủ (*tay cầm đầu dây thừng*), một người là nô lệ (*với đầu kia của sợi thừng trông nơi cổ*) Cả bốn gặp nhau lại tung hứng xướng họa bằng những lời nói vô nghĩa. Cuối cùng chủ Pozzo ra lệnh cho kẻ nô lệ Lucky phải suy tư (*Pense, porci!*) Lucky bèn tuôn ra một màn độc thoại vô nghĩa và kéo dài, bao gồm đủ mọi thứ trên trời dưới đất. Thượng đế-con người-địa ngục-ăn uống-tiêu hóa-thể thao-giải trí-quần vợt-đua ngựa-ky mã-máy bay-khúc côn cầu-Hàn lâm viện văn chương-Voltaire đã chết như thể nào-đồng quê-thành thị-đá cuội-lửa-nước mắt-mây trời-nước biển... Khi Pozzo và Lucky đã đi khỏi thì có một thằng bé chạy lại báo tin cho hai gã khờ biết là Godot không đến hôm nay, nhưng chắc chắn sẽ đến vào ngày mai. Thế rồi đêm buông xuống. Trăng lên. Hai gã khờ nhìn cảnh cây, và như bị ảnh hưởng bởi ánh trăng thượng tuần, bèn nghĩ đến một mẩu thừng. Cả hai muốn tự tử. Nhưng làm gì tìm ra một mẩu thừng ở nơi trơ trọi này. Thế rồi màn hạ. Xong hồi một. Hồi hai cũng lại y hệt như thế với chỉ một vài điểm khác biệt để khỏi lẫn lộn với hồi một. Pozzo bây giờ bị mù, còn Lucky thì câm. Thời gian như thế là có xao động, có biến chuyển. Cuối hồi hai, thằng bé lại chạy lại báo là Godot không đến nhưng sẽ đến, chắc chắn, vào ngày mai. Đêm lại xuống. Trăng lại treo. Cảnh cây lại trở thành mẩu thừng ám ảnh. Ý nghĩ tự tử lại vì vu hiện ra. Estragon bỗng chợt nhớ đến cái mẩu dây thừng thắt lưng của mình. Bèn lúi ra ngấm nghĩa. Cả hai kéo co xem thử mẩu thừng có chắc không. Đứt đôi. Hy vọng cứu rỗi bằng sự tự tử tắt ngấm. Quần tụt. Hình ảnh Estragon kéo quần lên và cả hai hò hẹn với nhau lại sẽ ngồi chờ đến ngày mai là hình ảnh và những câu nói cuối cùng của vở kịch. Phi lý và ngộ nhận vẫn tiếp diễn:

Vladimir: *Mặc quần vào*

Estragon: *Cát gì?*

Vladimir: *Mặc quần vào*

Estragon: *Mày muốn tao cởi quần ra phải không?*

Vladimir: *MẶC QUẦN VÀO*

Estragon: (*chợt nhận thấy là quần mình đã tụt*): *Đúng.*

*Hắn kéo quần lên*

Với sự chờ đợi như một cái có, vở *En Attendant Godot* đưa ra một "thông điệp", có thể nói tóm lại là "Không thể làm được gì cả" (Nothing to be done). "Thông điệp này được giới thiệu ngay ở đầu vở kịch, với câu nói đầu tiên của Estragon. Vở *En Attendant Godot* mở đầu như sau:

Estragon, ngồi trên một ụ đất thấp, đang cố gắng cởi giày. Hắn kéo chiếc giày ra với cả hai tay, thờ phỉ phò. Hắn chịu thua, hết hơi, ngồi nghỉ, rồi lại tiếp tục. Như trước.

Vladimir bước vào.

Estragon (chịu thua lần nữa): Không thể làm được gì cả.

Không thể làm được gì cả. Vậy thì chỉ có chờ đợi. Và nói truyện để lấp đầy khoảng trống. Câu truyện lại xoay quanh chủ đề cũ. Nothing to be done. Cái neo để giữ vở kịch là những lời đối thoại, mặc dù những lời đối thoại này rất vô nghĩa. (Trong một vở kịch khác của Beckett, một diễn viên đã hỏi: "Cái gì đã giữ tôi ở lại đây?" Câu hỏi này đã được trả lời một cách không trả lời gì cả bởi một diễn viên khác: "Những lời đối thoại!")

Chủ đề của vở kịch là sự chờ đợi. Chờ đợi một cách không chắc chắn một cái gì đó, một người nào đó, có thể đến nhưng cũng không chắc đến. Khán giả theo dõi vở kịch, qua các



nhân vật, cũng mang một tâm thức chờ đợi. Hắn biết là hắn chờ Godot, nhưng chẳng biết Godot là ai, và chẳng biết Godot có đến không. Hắn tự hỏi mình chờ cái gì. Mình chờ một cái gì không chắc chắn sẽ xảy ra, cũng không chắc là sẽ không xảy ra. Con người khán giả hôm nay, qua Estragon và Vladimir, tự tra vấn mình. Và trong sự tự tra vấn đó, hắn thấy mình thể nhập với Estragon và Vladimir, để rồi chỉ nhìn thấy cái ngây ngô, kịch cỡm, lối bạch của mình phản ánh qua những hành động lố lằng, lời nói vô nghĩa của kẻ đối diện. Mà kẻ đối diện đó cũng lại là mình. Cái bi đát của đời sống hôm nay chính ở chỗ "con người tự nhìn ra mình là một tên hề lố bịch, một thằng người vô danh, vô tính-cái bi đát của con người sa lầy dần dần vào cái bầy nhầy của thời gian bất biến, và cái ừ lì của đồ vật vô tri vô giác, cái bi đát của con người đã băng hoại đến độ cuối cùng của sự băng hoại mà lại còn giật mình nghe thay vắng lên tự lòng vực thẳm băng hoại những lời tra vấn đã tưởng trả lời dứt khoát từ lâu, mà con người đã rõ không thể nào, không thể nào trả lời dứt khoát..." (*En Attendant Godot* - VKK, sách đã dẫn).

Vở kịch tạo nên một cái cười méo mó. Không khí khó chịu và dồn nén vì sự chờ đợi, vì sự vô nghĩa lý và lập đi lập lại của những lời đối thoại, vì cái *trực thức* của khán giả khi nhận thấy tất cả sự lố bịch bi đát của con người mình đã phản ánh qua những nhân vật nửa người nửa ngợm, bần thiêu, kịch cỡm kia, đã nổ bùng ra ở tiếng cười bất ngờ của khán giả khi chiếc quần của Estragon tụt xuống. Tiếng cười này là một phản ứng tự nhiên trước cái không bình thường, nhưng nó vẫn không giấu nổi trong nó sự ngỡ ngàng, bất đắc dĩ trong các ý nghĩa tự chế diễu, tự khôi hài hoá chính mình. Tất cả cái bi đát của đời sống hôm nay-không phải cái bi đát cao cả của Oedipus hay Hamlet... mà Sophocles và Shakespeare đã thể hiện- được phô bày rõ ràng qua cái cười vào sự trống rỗng và lố bịch đó. Con người hôm nay, ở tất cả mọi nơi, với sự tự đóng khung mình vào những ý niệm, những chủ nghĩa xanh hay đỏ, tự mô-mi-hoá mình qua những khuôn đồng cứng của các hệ ý thức, đều chia sẻ cái sự trống rỗng và lố bịch kia.

*Cái tính chất bi kịch trong En Attendant Godot đã được thể hiện qua hình thức hài kịch. Và đó là cái mới của Samuel Beckett.*

Tiểu thuyết của Beckett, hay phim, hay kịch của ông, thật sự, đều có một nét gì đó hết sức giống với một thứ hình học phi-Euclid. Hình học của Euclid bắt nguồn từ năm định đề. Cả năm định đề này không ai có thể chối cãi được vì nó đánh thẳng vào cái lương thức, cái sự nhận xét tự nhiên của con người. Tuy nhiên, một trong năm định đề ấy, định đề về đường thẳng song song, đã khiến cho một số nhà toán học suy nghĩ vì tính cách kích thích của nó, và vì nó, phần nào, có vẻ không hiển nhiên như bốn định đề kia. Định đề này phát biểu rằng từ một điểm ở ngoài một đường thẳng, ta chỉ có thể kẻ một đường thẳng duy nhất song song với đường thẳng đã cho. Nhiều cố gắng đã được các nhà toán học thực hiện để phủ nhận định đề kia, với dụng ý là biến nó thành một chi tiết của toàn hệ thống, chứ không phải là một nguyên lý của hệ thống. Các thất bại liên tiếp của những nỗ lực đó là một phần của lịch sử toán học.

Cũng như thành công rực rỡ của Lobachevsky thông nỗ lực cởi bỏ tính chất trói buộc của định đề này. Lobachevsky lý luận: Nếu định đề về đường song song của Euclid không hiển nhiên vì đã tạo ra những tranh cãi, và nếu nó không được bao hàm trong bốn định đề kia vì người ta đã không thể suy diễn có từ chúng, thì, tại sao chúng ta lại không thử tìm xem thái độ của các nhà toán học ra sao nếu ta thay đổi định đề này. Thí dụ, các nhà toán học sẽ phản ứng thế nào khi ta nói rằng từ một điểm ở ngoài một đường thẳng, ta có thể vẽ được vô số các đường thẳng song song với đường thẳng đã cho.

Thật không có một cách thức hiển nhiên nào để phủ nhận lời phát biểu của Lobachevsky. Không ai có thể thử nghiệm để chứng minh cái định đề này. Bởi lẽ, để có thể chứng minh được định đề này là đúng hay sai, người ta sẽ phải du hành cho đến tận vô cực để tìm xem các đường thẳng có sẽ gặp nhau hay không. (Tất cả bốn định đề kia đều có thể chứng minh được

ngay lập tức trên giấy trắng mực đen). Và Lobachevsky dần dần kiến tạo một hệ thống trong đó người ta có thể vẽ vô số những đường thẳng song song với nhau. Và sau đó, những hệ thống khác được thành hình- chẳng hạn như một hệ thống của Riemann, trong đó người ta không thể vẽ bất cứ một đường thẳng nào song song với một đường thẳng đã cho sẵn. Từ cái trò chơi ra-vô-tự-do này mà Einstein đã vạch nên lý thuyết vũ trụ tương đối của ông.

Cùng một cung cách như thế, Beckett nói: "*Sống là để bị nhìn ngắm*" (To be is to be perceived), và ông ta làm một cuốn phim về cái "định đề" này <sup>(2)</sup>. Hoặc ông ta nói: "*Sống là chờ đợi*", và giả dụ là Godot không bao giờ đến, thế là ông ta viết *En Attendant Godot*. Tiểu thuyết của Beckett, chẳng hạn như cuốn *Murphy*, hay các vở kịch, các tác phẩm khác của ông, gần như đều đã được viết hay soạn ra từ một cung cách đó. Nghệ thuật đối với Beckett, chỉ như một cái cớ, để ông trình bày cái nhìn của mình về cuộc đời.

Yếu tính của vở kịch là sự chờ đợi. Trong sự hoang mang, không chắc chắn. Nếu trước Beckett đã không từng có một vở kịch nào viết về sự chờ đợi như *En Attendant Godot* thì đó là vì chưa từng có một kịch tác gia nào đã nghĩ đến việc thử làm chuyện ấy. Và lại, chuyện này có vẻ như đi ngược lại yếu tính của kịch, trong đó, đơn vị bình thường và căn bản là một biến cố nào đó. Trong một vở kịch như thế, tất cả các thời khoảng- cả về không gian và thời gian- giữa các biến cố được xếp đặt và trình bày khéo léo để thuyết phục chúng ta rằng tất cả mọi sợi dây đang được từ từ thắt gút để dẫn đến một biến cố mới.

Qua *Rex Oedipus* của Sophocles hay qua *Agamemnon* của Aeschylus, khán giả đều chờ đợi để nhìn thấy cái định mệnh khốc liệt của Oedipus hay của Agamemnon. Tất cả những nhân vật dự phần trong các vở kịch này cũng hầu như đều chờ đợi cái giây phút định mệnh ấy. Tất cả đều chờ đợi để thấy Oedipus khám phá ra cái sự thật phũ phàng, là chính chàng đã là kẻ giết cha rồi lấy mẹ làm vợ. Tất cả đều chờ đợi cái giây phút kinh hoàng khi Oedipus tự chọc thủng mắt mình vì những tội kinh khiếp kia. Tất cả đều chờ đợi để thấy cái định mệnh khốc liệt của Oedipus khi chàng tự lưu đày mình ra khỏi cái vương quốc mà chính chàng là người đứng cao trên hết. Tất cả mọi người đều chờ đợi cái giây phút Agamemnon bị Clytemnestra giết. Và chính Clytemnestra cũng hồi hộp chờ đợi cho đến cái giây phút chín mùi đó.

Nhưng những điều đó khác với những gì xảy ra trong kịch của Beckett. Kịch của Sophocles và Aeschylus, ở vào đoạn cuối, đã đẩy tâm trạng con người đến cực điểm rung động của nó, rồi kéo cái cực điểm này vào lãnh vực của thực tại. Chờ đợi một cái gì không thể nào tránh khỏi là một sự chờ đợi với một đặc chất khác. Và sự chờ đợi như thế khiến cho nếu Oedipus và Agamemnon không bắt gặp cái định mệnh khốc liệt của họ, vở kịch sẽ mất hết ý nghĩa và trở thành một sai lầm trầm trọng trong cú pháp, trong văn phạm kịch. Tuy nhiên, không có gì là lầm lỗi nếu Godot không đến, hoặc không bao giờ đến.

Chờ đợi. Làm cho khán giả cũng chia sẻ sự chờ đợi. Và lý luận, lý giải về cái đặc tính của sự chờ đợi ấy: điều này không thể thực hiện với tình tiết, bố cục của cú pháp, văn phạm mà kịch cổ điển thường dùng bằng cách cho tất cả mọi tình tiết hội tụ vào một biến cố mà nếu cái biến cố này không xảy ra, vở kịch sẽ trở nên hồng. Beckett đã tạo ra một loại cú pháp, văn phạm mới cho kịch của ông, với những cấu trúc đối xứng hết sức đẹp đẽ trong đối thoại, trong những khoảng yên lặng, cũng như trong các phân cảnh. Với những câu ngắn, đẹp, nghe như tiếng hồ cầm, những giọng nói cất lên, hỏi, đáp, làm gợi lên những tiếng nói chết, kỳ lạ, ẩn hiện, và chỉ xảy ra trong những đầu óc, những tâm thức đợi chờ. Những khoảng yên lặng giữa các giọng nói cũng trở thành một phần của cuộc đối thoại như những chữ nghĩa đã được phát ra.

Những câu nói, với chữ nghĩa được cắt gọn, trầm, như một thứ âm nhạc của một loài hồ cầm nào đó, cùng lúc, mang trong nó sự phi lý, vô nghĩa, lặp đi lặp lại, đã trở thành một điểm lạ,

mới, hết sức đặc biệt của Beckett để tạo một không khí riêng cho kịch của ông. Mà không phải chỉ kịch. Văn Beckett cũng cho thấy cái đặc tính đó.

Có nhà phê bình đã đưa ra nhận xét là thể giới của *En Attendant Godot* đã rất giống với các khung cảnh của nước Pháp dưới thời bị Đức chiếm đóng. Chính Beckett đã sống ở đây trong suốt những năm chờ đợi ấy. Chờ đợi gì? Chờ đợi một cuộc Nổi Dậy. Người ta đã chờ đợi một cách mơ hồ một cái gì đó. Cái gì đó không biết có xảy ra hay không. Trong không khí chiến cuộc, không cuộc hẹn nào là chắc chắn cả. Hẹn rồi hủy bỏ. Hủy bỏ rồi lại có những tín hiệu mới hâm nóng sự chờ đợi chờ... Godot, có phải đó là cái sự chờ đợi kia không?

Có lẽ chúng ta chẳng cần phải tìm hiểu thêm nữa về Godot, về một sự chờ đợi đã xảy ra và trở nên nổi tiếng trong kịch của Beckett. Đã bao lần chúng ta chờ đợi một điều gì đó xảy ra trong đời. Sự chờ đợi trong kịch của Beckett đã tỏ lộ một cái nhìn phi lý về cuộc sống. Sự chờ đợi của mỗi người chúng ta có thể khác. Nhưng, để lập lại một lần nữa, nói về sự chờ đợi, làm cho người khác chia sẻ sự chờ đợi ấy với mình, và lý giải về tính chất của sự chờ đợi ấy qua những đối thoại rất vô nghĩa (mặc dù đẹp nếu nhìn dưới góc cạnh khác) như Beckett đã làm quả là một điều rất mới. Samuel Beckett đã làm được những điều ấy qua hàng loạt những tác phẩm khác thuộc đủ mọi thể loại của ông. Nghệ thuật, ở đây, chỉ như là một cái cớ để, qua đó, tác giả trình bày và nói về sự nhìn ngắm của mình đối với cuộc đời.

\*

Trong những kịch Vũ Khắc Khoan đã viết mà tôi được đọc (và đã được xem tính diễn một số) có: *Giao Thừa*, *Thành Cát Tư Hãn*, *Ngộ Nhận*, *Những người không chịu chết*, và *Ga Xép*. Ngoại trừ vở kịch đầu, *Giao Thừa* (nếu không lầm, là vở kịch đầu tiên của VKK), còn khá sơ sài trong tình tiết và trong ngôn ngữ sử dụng; những vở kịch sau này từ *Thành Cát Tư Hãn* trở đi, đều có một nét đặc sắc riêng của chúng. *Thành Cát Tư Hãn* là vở kịch làm cho nhiều người biết đến Vũ Khắc Khoan như một nhà soạn kịch nhất. Nhưng thật sự thì *Ngộ Nhận*, *Những người không chịu chết*, và *Ga Xép* trình bày được nhiều nét mới của Vũ Khắc Khoan hơn.

Ở phần đầu của bài viết này, tôi đã nói là tôi nhìn thấy cái chủ đề về sự chờ đợi ẩn hiện trong một số kịch của Vũ Khắc Khoan. Một cách ngẫu nhiên, giống như Samuel Beckett, Vũ Khắc Khoan cũng đã khai thác cái chủ đề này trong kịch của mình.

Trong *Giao Thừa*, Vũ Khắc Khoan đã dùng cái cớ chờ đợi giao thừa, cái giây phút thiêng liêng, khi năm cũ và năm mới giao nhau, để trình bày một hoàn cảnh của một gia đình nghèo vùng ngoại ô Hà Nội giai đoạn 1950. Một căn buồng ngăn đôi bằng tấm liếp gỗ, trong mỗi ngăn sống gọn một gia đình. Nhân vật ở cánh bên này là một cặp vợ chồng tiểu lao động trí thức, người chồng đi dạy học, người vợ đang trong thời kỳ có mang. Bên kia, là gia đình một bác thợ mộc.

Những lời đối thoại giữa các nhân vật chỉ được dùng để lấp đầy cái suy tư khi thì háo hức, lúc lại thâm trầm của nhân vật người chồng về ý nghĩa của chữ "giao thừa", trong khi anh chờ đợi cái giây phút linh thiêng ấy. Chính sự chờ đợi của tôi, sự suy tư của tôi về một cái gì đó, sẽ xác định con người tôi, bản chất tôi, cách tôi sống chết ở đời.

Ở đoạn đầu vở kịch, nhân vật người chồng đã trầm ngâm suy tư:

Giao thừa! Giao, giao đi, giao lại, giao thông, ngoại giao, giao tranh... Giao là qua lại với nhau. Thừa! Thừa thiên hưng vận... Thừa lệnh tổ mẫu... Thừa dịp... Thừa cơ... Giao thừa là... mười hai giờ đêm hôm ba mươi tháng chạp âm lịch, là lúc hết năm cũ, bước sang năm mới. Hừ! Mười hai giờ đêm hôm ba mươi tết thì có gì lạ nhỉ... Có cái gì? Quả đất vẫn quay. Chẳng có

nhẽ đến lúc đó, quả đất lại ngừng lại một chút để... thờ dài một chút chẳng hạn... Hay quả đất quay nhanh hơn lên một chút, để... vội vàng cùng với quãng đại quần chúng bước sang năm mới? Giao thừa... Đang ba mươi tuổi, chợt thấy già hơn lên một tuổi. Chợt thấy mình những ba mươi mốt tuổi! Vô lý thật! Mà định nghĩa nữa mới lại càng vô lý. Làm như ở đời việc gì cũng phải có nghĩa cả! Hừ! Thế sống là gì?... Chết là gì?... Mà dạy học nữa là cái quái gì.

Ở đây, nhân vật vẫn còn đang trong sự chờ đợi và vẫn còn đang loay hoay với ý nghĩa của sự chờ đợi của mình. Phải qua nhiều câu đối thoại nữa, nhiều tình tiết xảy ra nữa, rồi ở đoạn cuối vở kịch, nhân vật bất chợt nhìn thấy cái bụng đang mang thai của vợ mình, anh mới chợt bừng thức:

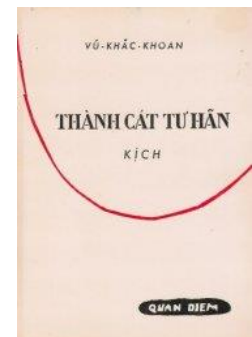
Giao thừa chỉ là chờ đợi một cái gì. Hay giao thừa là... thai nghén một cái gì! (một lát) Em ơi! Trong người em đang có cả một sự giao thừa...

Sau đó, nhân vật khẳng định:

Nêu giao thừa là chờ đợi một cái gì thì trong khi chờ đợi, người ta cũng phải sửa soạn một cái gì. Chúng mình đợi Bé con thì phải mua tã. Mà ở bên kia, để đợi năm mới bác Phó đã hoàn thành xong một cái bàn...

Sự chờ đợi trong *Giao Thừa* là một sự chờ đợi hiền lành, trong suy tư thuần lý, cộng với những tình cảm tươi đẹp và chan chứa của con người hướng về cái Đẹp, về Mục đích của cuộc sống, về những giá trị đạo đức mà con người vẫn yêu mến và coi như những chỉ hướng cho đời sống mình.

Sự chờ đợi *Giao thừa* giống như một nụ mai trong đêm trừ tịch, sẵn sàng mở nhẹ những cánh mỏng manh nhỏ bé về hướng mặt trời để chào đón ngày đầu tiên của một năm mới. Đây là một sự chờ đợi yên tâm và yên lành.



Đến *Thành Cát Tư Hãn* thì sự chờ đợi đã bắt đầu mang chứa trong nó một cái gì có tính cách khốc liệt. Thành Cát Tư Hãn là vai chính của vở kịch, nhưng tất cả tâm tư, lời nói, hành động của ông ta nhất nhất đều bị chi phối bởi một ám ảnh duy nhất: Cổ Giã Trường. Cổ Giã Trường là người anh hùng đất Tây Hạ, đã tự mình giết chết Thái tử Tây Hạ, một người bạn thiết của chính Cổ Giã Trường, để ngăn không cho Thái tử phạm tội phản quốc là đầu hàng giặc. Cổ Giã Trường là người yêu của Giang Minh, công chúa Tây Hạ, người mỹ nữ "mắt như chất nhung của tấm thảm Ba Tư" và "hơi thở như một chất men ấm và nồng". Cổ Giã Trường tuy không từng xuất hiện trong bất cứ phần nào của vở kịch, nhưng hầu như lại có mặt trong mỗi lời nói, động tác, trong sự suy tư không những của Thành Cát Tư Hãn mà còn của tất cả mọi nhân vật trong vở kịch. Cổ Giã Trường là sự chờ đợi của mọi người, nhất là của Thành Cát Tư Hãn. Bởi vì, Cổ Giã Trường chính là định mệnh của vị Đại Hãn Mông Cổ.

Khi nghe đại tướng Dương Bân đề cập đến tên Cổ Giã Trường lần đầu, Thành Cát Tư Hãn đã hỏi:

Cổ Giã Trường là ai, mà tại sao đại tướng lại nói đến tên đó?

Kể từ lúc thốt lên câu hỏi này, tất cả đời sống của vị Đại Hãn Mông Cổ coi như chỉ là để tìm cách trả lời nó. Trả lời cái định mệnh của mình.

Hãy nghe một ông già Mông Cổ nói về Cổ Giã Trường:

Cổ người cao mà thẳng như cây dừa sa mạc. Vai như vai con gấu núi. Tay vươn ra như tay vươn. Mũi thẳng như trái mật treo. Đôi lông mày là hai nét móc. Đôi mắt sáng ngời như sao Hôm, sao Mai. Cổ văn võ kiêm toàn, tính tình cương trực...

Muốn bắt Cổ Giã Trường, muốn chế ngự và thay đổi định mệnh của mình, nhưng Thành Cát Tư Hãn đành bó tay. Vì chính ông đã thú nhận:

Nhưng hiện giờ, Cổ ở đâu? Ta không thể xua quân đuổi theo một cái bóng.

Cổ Giã Trường là định mệnh, là mối ám ảnh không rời của Thành Cát Tư Hãn. Chính Thúc Bột Đào, kẻ đã mưu phản Vị Chúa Mông Cổ này, đã nói về định mệnh của Thành Cát Tư Hãn, đã nói thẳng vào mặt con người này:

Nhà người sẽ chết ở đây, ở ngay kinh đô Tây Hạ. Ta chắc như vậy. Vì đó là ý muốn của toàn dân Mông Cổ, của toàn thể bàn dân thiên hạ. Nhà người làm bộ binh tinh, nhưng ta biết nhà người đương mất ăn mất ngủ, nhà người đương lo ngày lo đêm. Nhà người đương bị hình bóng một người ám ảnh...

Sự chờ đợi quá là có sức mạnh của nó. Bất kỳ một sự chờ đợi nào cũng ngấm chứa trong nó một trọng lượng nào đó có thể đè bẹp sức chịu đựng của con người. Nếu con người không giữ lại được cho mình một tia hy vọng làm ý nghĩa cho sự chịu đựng của hân. Nhìn ra cái tia hy vọng ấy, và giữ cho nó chiếu sáng mãi trước mặt mình hay trong trí não mình, không phải là một điều dễ làm. Sự chờ đợi quá dài để làm lụn bại tinh thần con người và làm cho nó buông xuôi, đầu hàng tất cả.

Chính là vì biết trước sức mạnh khó chống cự lại của sự chờ đợi mà người cộng sản đã sử dụng nó như một phương thức để tra tấn con người. Họ bắt tội nhân ngồi im trên một cái ghế (có thể trói chân tay lại). Một bình nước được treo ngay trên đầu tội nhân. Và những giọt nước cứ tí tách rơi xuống một điểm nào đó trên đầu của kẻ tội phạm kia. Cái cơ chế tâm lý của sự chờ đợi nó kinh hoàng làm sao! Tội nhân có thể giữ bình thần trong thời gian đầu. Nhưng sau đó, sự chờ đợi để nghe và cảm nhận giọt nước kế tiếp rơi xuống làm cho thần kinh tội nhân căng thẳng đến độ không chịu đựng nổi. Một cách văn chương, suốt vở kịch *Thành Cát Tư Hãn*, Vũ Khắc Khoan đã để những giọt nước này phát ra âm thanh của một tên gọi: Cổ Giã Trường. Chúng làm cho vị Đại Hãn yếu dần từ hồi một sang đến hồi hai, hồi ba. Chốc chốc, một giọt nước lại rơi xuống:

TÊN QUÂN HẦU: Muốn tàu Đại Hãn, Cổ Giã Trường chưa đến.

THÀNH CÁT TƯ HÃN: Nhà người nói sao?

TÊN QUÂN HẦU: Cổ Giã Trường mới cho người đến dâng lễ vật ra mắt. Đích thân Cổ Giã Trường sẽ xin đến sau.

THÀNH CÁT TƯ HÃN: Bao giờ?

Câu hỏi của vị Đại Hãn sẽ không bao giờ được trả lời trước khi ông ta chấp nhận định mệnh của mình: cái chết (Cái chết này sẽ được đề cập ở một đoạn dưới.)

Trong khi chờ đợi, những giọt nước vẫn tí tách nhỏ xuống:

DƯƠNG BÂN: Cổ Giã Trường đã đến rồi ư?

THÀNH CÁT TƯ HÃN: Hân chưa lại. Hân mới sai người lại dâng lễ ra mắt.

DƯƠNG BÂN: Thế ra họ Cổ vẫn chưa lại...

THÀNH CÁT TƯ HÃN: (có vẻ khó chịu): Hân sẽ lại. Nội trong đêm nay. Đại tướng không hiểu tính người Tây Hạ sao? Họ nhiều lễ nghi phiền phức...

Nhưng rồi, những giọt nước cứ tiếp tục nhỏ xuống mà Cổ Giã Trường vẫn không xuất hiện. Sự chờ đợi vẫn tiếp diễn. Cho đến khi quân sư Lý Tử, người thân tín của Thành Cát Tư Hãn, và Truật Xích, người con mà Thành Cát Tư Hãn hết lòng yêu mến, đã bị giết vì tay Cổ Giã Trường. Lúc đó, biết rằng Cổ Giã Trường và quân lính đã ở trước cửa trại, nghe đằng xa vẳng lại những tiếng reo hò như sấm động, thấy lửa bên ngoài rực sáng, nghe tiếng trống tấn công nổi dậy vang lừng, tiếng ngựa, tiếng hò, tiếng hét, tiếng thép chạm nhau, lúc đó, tới lúc đó, Thành Cát Tư Hãn biết rằng định mệnh mình đã đến. Sự chờ đợi đã sắp chấm dứt. Và những lời nói cuối cùng của Thành Cát Tư Hãn với Sơn Ca, kẻ Tây Hạ ngang tàng, kẻ chia sẻ vóc dáng bất khuất cao ngạo của Thành Cát Tư Hãn, là:

Ta đây. Ta ngồi trên ngai. Ta đợi Cổ Giã Trường.

Và rồi, với lưỡi kiếm của chính Cổ Giã Trường, Thành Cát Tư Hãn tự chấm dứt sự chờ đợi của mình. Giọt nước cuối cùng đã rơi xuống trên một thân người cúi gục.

Nhân nói về nhân vật Thành Cát Tư Hãn, về cái có của Vũ Khắc Khoan, về ý thức sáng tạo của Vũ Khắc Khoan, tôi nhớ lại một nhận định của Thanh Tâm Tuyền cho rằng Vũ Khắc Khoan là một nhà văn thức tỉnh, quá thức tỉnh. *Thái độ này của ông khiến những vấn đề ông đặt ra trong tác phẩm được giải quyết một cách gãy gọn gần như dứt khoát... Nhân vật của ông đứng khựng lại trước biên giới của ý thức, ông không cho phép chúng dò kiếm lời giải bằng cách mở ngõ tiềm thức.*

... Đứng ở vị trí người đọc, tôi (TTT) nghĩ cái ánh sáng chan hòa của ý thức đánh lui hết bóng tối, chế ngự những thôi thúc tiềm ẩn vô lý ở một vùng đen đặc nơi chân thân con người đã làm giảm phần nào sự căng thẳng bị kịch gây ra do sự cuồng nộ của những lực lượng mù quáng đòi giải toả... (Nghĩ về Thành Cát Tư Hãn: Cái Có của Vũ Khắc Khoan, Thanh Tâm Tuyền, Văn (Saigon)).

Thanh Tâm Tuyền cho rằng sự thức tỉnh đã khiến cho cái chết của vị Đại Vương Mông Cổ không còn tính cách bi đát. Sự việc nhân vật Thành Cát Tư Hãn tự tiêu diệt mình, dưới mắt Thanh Tâm Tuyền, là nhân vật đã *chối nhận con đường mình lựa chọn, không đi cho hết. Sự tự phủ nhận trước khi thử thách tới cùng tới chết của nhân vật chính, làm cho sự căng thẳng của bi kịch bị chùng đi, vì giữa nội và ngoại giới hết mâu thuẫn xung đột (TTT, bài đã dẫn).*

Theo tôi nghĩ, một tác phẩm giá trị luôn luôn mời gọi người đọc thẩm định lại và làm mới nó mãi, chiếu vào nó những ánh sáng mới, khám phá ra ở nó những góc cạnh mới. Cái nhìn của Thanh Tâm Tuyền rất sắc, đặc biệt nếu chúng ta chấp nhận-hoặc công nhận-truyền thống bi kịch Hy Lạp như là một cái sườn, từ đó, vở *Thành Cát Tư Hãn* được xây dựng. Nhưng nếu nhìn dưới một góc cạnh khác, gần cận với đời sống của con người ở thời đại này, con người từ chối chấp nhận cái bi kịch của chính mình, con-người-tự-do muốn tự thể hiện đời sống mình cũng như muốn tự kiểm soát và có quyền trên đời sống đó, cái chết của Thành Cát Tư Hãn có thể có ý nghĩa khác. Như lão ngư ông của Hemingway. Hay như chính Hemingway với phát súng ở Ketchum năm nào. *Man is not made for defeat. A man can be destroyed but not defeated* (The Old Man and the Sea, Hemingway). Con người có thể bị tiêu diệt, nhưng không thể bị thua, bị khuất phục. Có thể là Thành Cát Tư Hãn của Vũ Khắc Khoan đã suy nghĩ như thế, như lão ngư-ông-và-biển-cả kia, như Hemingway con-người-cao-ngạo kia. Và ông đã tự tiêu diệt chính mình chứ không cho phép kẻ thù được định đoạt cái quyền sống chết của ông ta.

Đó là một suy nghĩ tôi muốn đóng góp thêm về ý nghĩa cái chết của Thành Cát Tư Hãn. Thật ra, bài này, tôi chỉ muốn trình bày vở kịch *Thành Cát Tư Hãn* của Vũ Khắc Khoan trong khía cạnh của sự chờ đợi. Sự chờ đợi như một sợi dây thừng rút dần vị Đại Hãn Mông Cổ lên cao. Sự chờ đợi trong *Thành Cát Tư Hãn* của Vũ Khắc Khoan không đồng chất với sự chờ đợi của con người trong thế giới của *En Attendant Godot*. Nhưng nó cũng có một sức mạnh riêng của nó. Sức mạnh cuốn hút của định mệnh. Và mỗi chúng ta, ai lại chẳng có một định mệnh trong đời. Cái định mệnh ấy có thể là sự Ước muốn, là Danh vọng, là Quyền lực, là những Khao khát không ngừng nghỉ trong cuộc lữ này. Là Tình yêu, là Sự thù ghét... Là sức hút của một thời nam châm lớn mà chúng ta chỉ là những vụn sắt muốn được kết hợp. Từ cái ý nghĩa ấy, Thành Cát Tư Hãn đã trở thành một cái có rất cuốn hút của Vũ Khắc Khoan. Và của mỗi một chúng ta khi đến với kịch của ông.

*Ga Xếp* hình như là vở kịch cuối cùng mà Vũ Khắc Khoan đã có dịp viết. Ý nghĩa của sự chờ đợi trong vở kịch này cũng như những kỹ thuật về cú pháp, văn phạm kịch, Ở đây, có nhiều điểm gần gũi với *En Attendant Godot* của Beckett. Một cách hữu thức hoặc vô thức, Vũ Khắc Khoan đã xây dựng bố cục của *Ga Xếp* một cách rất Beckett. Vở kịch này cho thấy những nét mới hơn của Vũ Khắc Khoan so với những kịch đã được soạn trước đó của ông:

Trong đoạn giới thiệu, Vũ Khắc Khoan viết:

Ga Xép là một loại ga nhỏ, có những chuyến tàu chạy qua không thèm dừng lại. Có một số hành khách **đợi** ở một nơi ga xép nào đó miền rừng. Và trong khi **chờ** một chuyến tàu không biết bao giờ đến, một vài người tìm cách "cho qua thì giờ". Soạn giả vở kịch "Ga Xép" ghi lại dưới đây một vài mẩu chuyện vắn vơ.

*(Những chữ đợi, chờ in đậm ở trên là do sự nhấn mạnh của riêng tôi.)*

Vậy thì đây là một vở kịch lấy cái có của sự chờ đợi để nói về một cái khía cạnh khác, hay là để nói vắn vơ về bất cứ một cái gì. Sự vắn vơ này nếu được lập đi lập lại theo một cung cách hoặc nhịp điệu nào đó thì sẽ trở thành không vắn vơ tí nào. Có thể nó sẽ đánh lên những câu hỏi trầm trọng cho cuộc sống. Chẳng hạn như Sống là gì? Chết là gì? Chờ là gì? Đợi là gì? Cuộc nhân sinh là gì? Ga xép là gì? Những chuyến tàu là gì? Những làn khói bay là gì? Những tiếng còi tàu là gì? Đối thoại là gì? Độc thoại là gì? Phi lý là gì? Buồn nôn là gì? Vân vân và vân vân.

Ta không cần nói rõ là rồi sẽ có một chuyến tàu nào đến hay không, những con người trong cái ga xép kia có thực sự cần một chuyến tàu, hay sự chờ đợi chỉ là một cái có để họ ngồi nói năng, trao đổi, đối thoại, tung hứng với nhau. *Đối thoại thích thật. Một người tung một người hứng, như hai kiểng sỏi trao đổi những đường kiểng ngoạn mục. Người này đẩy một đường kiểng tới; người kia chao mình né tránh rồi phóng lại một đường kiểng trả đòn. Cứ thế. Phóng kiểng, lui kiểng. Đỡ đòn, phản đòn. Đối thoại thích thật.* Tôi nhớ trong vở *Những người không chịu chết*, Vũ Khắc Khoan đã để cho một nhân vật của mình nói đại khái như thế. Trong *Ga xép*, ông lại một lần nữa bày tỏ sự thích thú của ông về cái khả năng giúp con người tiêu khiển của ngôn ngữ. Ở đây, không có một nhân vật nào buồn bã độc thoại một mình với những chuỗi suy tư dài dằng dặc, rồi tự hỏi: *To be or not to be*. Vấn đề không còn phải là *Cogito ergo sum. Je pense; donc, je suis. I think; therefore, I am*. Vấn đề ở đây là *I talk (converse, chat, chatter, gab, gossip, palaver, prattle, prate, bable, rap, jaw, rattle on...); therefore, I am*. Đối thoại sẽ làm bật tung hiện hữu, bật tung sự sống. Anh sống thế nào thì anh nói làm vậy. Ngôn ngữ như một cuốn sách mở ra để người khác nhìn vào nội-dung-anh. Một thế giới phi lý có thể tự trình bày nó bằng những đối thoại phi lý. Một thế giới trống rỗng có thể tự mở ra bằng những âm thanh và cuồng nộ. Ở đây, con người chẳng có chọn lựa, xao xuyến gì để chứng tỏ là mình sống cả. *Tôi nói, bởi thế tôi sống*. Đây thực là một chân lý giản dị. Bởi vì tôi phải làm một cái gì trong khi chờ đợi. Tôi phải làm một cái gì đó để chứng tỏ sự có mặt của tôi. Vậy thì, hãy nghe một nhân vật của Vũ Khắc Khoan trong *Ga Xép* gọi chuyện:

NGƯỜI 40:... Đâu có đó. Chỉ biết hiện giờ chỉ có chúng tôi và ông, tàu thì chưa đến, chúng ta vẫn phải đợi, chúng ta có nhiều thì giờ, quá nhiều thì giờ... để... chẳng để làm gì. Cho nên tôi xin trở lại đề nghị của tôi lúc nãy. Giới thiệu. Tự giới thiệu. Đó là một trò chơi tao nhã mà lành mạnh... trong khi... đợi tàu. Tôi xin bắt đầu trước.

Đây là phần nhập đề, hãy nghe tiếp lý luận của kẻ chờ đợi kia. Đó là một thứ triết lý sống. Sống ở đời.

NGÀ:... Anh không tìm được cái trò nào khác à? Chơi mãi cái trò này phát ngáy lên rồi.

NGHIÊM: Còn nhiều trò. Nhưng phải để dành. (Một lát) Mà tại sao lại ngáy? Mỗi lúc một khác chứ. (Một lát) Mà nghĩ cho kỹ thì trò nào mà chả vậy? Cũ đấy mà mới đấy. Ngáy đến tận mang tai mà vẫn phải chơi. Nói ngay như cái trò... sống chẳng hạn. Còn gì cũ rích, trơ trẽn, nhảm nhí bằng cứ thở ra rồi lại thở vô, hết ăn uống, rồi lớn lên, lấy vợ, đẻ con, rồi...

NGÀ: Rồi hết chuyện. Ít nhất thì cũng còn cái mục đó.

NGHIÊM: Có chắc không? Hay là... đến lúc hết trò, đến lúc hạ màn, đến khi diễn viên rời bỏ vai trò nhân vật... thì lại lếch thếch kéo nhau đến một xó ga xép nào đó... đợi một chuyến tàu nào đó... như chúng ta.

Và vở kịch như vậy là có đà, cứ thế, cứ thế mà lăn đi như những kiếp người, như những con tàu lăn vào đêm tối mệt mỏi của đời sống, để rồi một lúc nào đó sẽ dừng lại ở màn kết cục. Một ga xép nào đó của cuộc đời. Rồi thì một cuộc hành trình khác sẽ lại lăn đi.

Đối với Vũ Khắc Khoan, sự chờ đợi là một cái có. Cũng như là tình yêu. Cũng là một cái có (Xem *Những người không chịu chết*). Cũng như là *Thành Cát Tư Hãn* đã là một cái có của ông. Mà thật ra thì, đối với Vũ Khắc Khoan, chẳng phải là ông chỉ tìm ra được những cái có như thế để lên tiếng về thái độ, lập trường, lối sống của mình, của người. Ông còn nhiều cái có khác. Chẳng hạn như các *huyền truyện* (contes) của ông (*Thần Tháp Rùa, Trương Chi, Nhập thiên thai, Người đẹp trong tranh...*) cũng là một cái có. Viết *lộng ngôn* là một cái có. Viết *túy bút* lại là một cái có khác.

Nói tóm lại, cũng như Samuel Beckett, nghệ thuật đối với Vũ Khắc Khoan chỉ là một cái có để ông *đối thoại* với cuộc đời. Nghệ thuật giúp ông cất lên những tiếng nói đòi chia sẻ, trao đổi mà tất cả chúng ta đều muốn nghe. Chọn được một cái có như thế, kiện toàn nó, làm mới nó luôn luôn, và đem nó ra sử dụng trong cuộc đời một cách thích thú và độc đáo, đó là cái tài của Vũ Khắc Khoan.

Hãy nhìn lại những đường gương phóng tới, những đường gương tuyệt đẹp của một kiếm sĩ vừa từ bỏ trần gian mà đi.

#### *Lý Luận Và Phê Bình*

*Hai Mươi Năm Văn Học Việt Ngoài Nước 1975-1995*

(Văn Nghệ, 1996)

#### Chú Thích:

(1) Câu nói này của VKK có thể được hiểu theo những nghĩa khác nhau. Tuy nhiên, một cách nào đó, Vũ Khắc Khoan đã sắp xếp để quan niệm này của ông được thực hiện trong vở kịch mang tên *Ngộ Nhận* mà ông gọi là *lộng ngôn*. Vở kịch này cũng có một điểm đặc biệt khác nữa là VKK đã dựng nó theo cơ cấu của một vở chèo.

(2) Trong cuốn phim không tựa đề dài 24 phút này, Beckett cho khuôn mặt của nhân vật chính hiện trên màn bạc dưới sự ghi nhận tỉ mỉ ở đủ mọi góc cạnh của máy quay phim. Nhưng với sự di chuyển của máy quay, góc độ ngắm nhìn của nó, Beckett cho khán giả thấy chính nhân vật bị nhìn ngắm là khán giả. Không ai chịu đựng được sự ngắm nhìn kinh khủng này. Âm thanh duy nhất của phim chỉ là những tiếng "sssh" làm cho khán giả nhận thức rằng chúng ta không phải đang ở trong một thế giới câm lặng vì thiếu tiếng động; chúng ta đang ở trong một thế giới câm lặng vì tiếng động có đó, nhưng con người lại chẳng nghe thấy được gì.

#### Tài liệu tham khảo:

- The Reader's Companion to World Literature, Calvin S. Brown (New York, 1973).
- The Theatre of the Absurd, Marlin Esslin (New York, 1961).
- Samuel Beckett, a Critical Study, Hugh Kenner (New York, 1961).
- Samuel Beckett's Art, John Fletcher (London, 1967).
- Mơ Hương Càng, Vũ Khắc Khoan (Saigon, 1973)
- Một số kịch của Vũ Khắc Khoan đã xuất bản.
- Một số bài phỏng vấn và viết về Vũ Khắc Khoan của nhiều tác giả đăng trên các số báo Văn cũ ở Sài Gòn.



### Phụ đính:



(Bích Câu Kỳ Ngộ, bản dịch Đinh Gia Trinh)

*Vẫn còn quanh quẩn người tiên khéo là...*

*Có khi gảy khúc đàn tranh  
Nước non ngao ngán ra tình hoài nhân...  
Có khi ngồi suốt năm canh  
Mở quyển điểm nguyệt chuông kinh nện sương...  
Có khi chuốc chén rượu đào  
Tiệc mời chưa cạn ngọc giao đã đầy...*

(Bích Câu Kỳ Ngộ, bản dịch Đình Gia Trinh)

Và nàng đã hiện ra. Đó là những nét chính của Bích Câu Kỳ Ngộ, nàng thơ của thi sĩ Tú Uyên. Năm 1957 nhà văn Vũ Khắc Khoan đã do cuốn cổ văn này mà viết thành truyện ngắn nổi tiếng *Người đẹp trong tranh*. Theo thời gian, một số thi sĩ lớp sau cũng yêu người trong tranh, yêu người trong sách cách này cách khác.

(Nguồn: Viên Linh)

## Người đẹp trong tranh

*Gửi Hòa, 1939...*

*Trong Việt Nam văn học sử giản ước tân biên, Phạm Thế Ngũ bảo Đặng Trần Côn có "tiểu thuyết" Hán văn tên Bích câu kỳ ngộ (tr. 154). Rồi ông lại viết "truyện ấy đã được kể bằng Hán văn do Đoàn Thị Điểm" (tr. 299).*

*Dù ai là tác giả, có thể đoán tác phẩm chữ Hán kia đã gợi hứng cho tác phẩm chữ nôm Bích Câu kỳ ngộ của "vô danh thị", xuất hiện vào giai đoạn Lê mạt - Nguyễn sơ.*

*Năm 1957, khoảng một thế kỷ rưỡi sau đó, đến lượt Vũ Khắc Khoan nảy hứng trong lúc đọc mấy câu "Ngựa nghiêng lưng tú phong tao..." mà viết Người đẹp trong tranh.*

*Từ bài văn chữ Hán qua bài thơ chữ nôm qua bài văn chữ quốc ngữ, nội dung câu chuyện chắc cơ bản không thay đổi, nhưng Đặng hay Đoàn và ai đó nếu có xem tới lời kể của Vũ hẳn sẽ ngỡ về một số chi tiết độc đáo.*

*Chi tiết mới, nhưng lời văn lại cổ kính, lại cũ cách đây thi vị.*

(Thu Tứ)

Sương chiều dâng lên đã kín khung song. Bình rượu đã vơi gần nửa mà hai chú cháu vẫn chưa vào chuyện.

Trần Công nhìn cháu, ngáp ngừng rồi lại nâng chén. Tú Uyên cúi đầu yên lặng. Chàng biết là ông chú lặn lội từ Sơn Nam lên Kẻ Chợ không phải chỉ là để uống một bữa rượu với chàng. Gia dĩ, gió may đã thổi, luồng cúc nảy chồi, trời trở sang thu, kỳ thi sắp tới, chú chàng nhất đán không thể vì một câu chuyện giao tế thường tình mà bỏ đám học trò đang sửa soạn vào kỳ khảo hạch.

Tiếng một chiếc ngỗng vắng trên không. Trần Công rùng mình. Ông với chiếc điếu, chậm rãi nhồi thuốc rồi châm đốt. Khói thuốc lao miền Tiên Lãng tỏa ấm gian phòng. Tú Uyên biết là ông chú sắp vào câu chuyện.

Ông chú nói rằng:

-- Mai thì chú xuôi sớm. Còn trông cho họ kịp kỳ khảo hạch. Mà nhà cũng neo người. Anh biết đấy...

Trần Công ngừng lại giây lát, đủ để Tú Uyên thấy thoáng hiện lên trên nền ký ức một nếp nhà ba gian hai chái, những hàng cau thẳng tắp, một giàn thiên lý, những pho sách dưới ánh trắng, một ấm trà thơm buổi sớm, rặng tre xào xạc, ngõ tối đom đóm lập lòe, những bước đi thẫm lặng của một người thím đã luống tuổi mà vẫn chưa một lần sinh nở.

Tú Uyên thấy lòng se lại. Chàng thấy cần phải làm một cái gì, có thể làm bất kỳ cái gì để an ủi một ông chú đã nuôi chàng từ tấm bé, từ khi cha mẹ chàng mắc bạo bệnh quy tiên. Chàng với bình rượu rót đầy chén Trần Công. Trần Công đỡ lấy chén rượu rồi nói tiếp:

-- Ít lâu nay chú thấy trong mình không được như xưa. Chú sợ những khi bất thần trái tiết dở giờ. Mà họ nhà ta thì chỉ còn có chú và... anh.

Tú Uyên chợt hiểu rõ câu chuyện. Thì ra là chuyện lập gia đình. Chàng định lên tiếng thì Trần Công đã giơ tay ngăn lại:

-- Để chú nói nốt... Bố cháu thì mất sớm. Mẹ cháu cũng vậy. Cái việc chung thân của cháu giờ đây là chú phải lo. Lần này lên đây, chú đã có ý định.

Thế rồi ông nói tiếp đến tên một người thiếu nữ. Ông khen ngợi gia thế và tài sắc của nàng. Ông viện ra tất cả chữ nghĩa của thánh hiền để nêu cao cái nghĩa thiêng liêng của việc tề gia. Ông gọi đến cái viễn ảnh cô quạnh và xót xa của một dòng họ không có người nối dõi.

Nhưng đến khi trống vòm canh cửa Nam điểm vào canh một, một ngọn bạch lạp được thắp lên thì ông không nói nữa. Vì từ nãy tuy vẫn đối diện mà Tú Uyên như không để ý đến lời nói của chú, mắt nhìn qua song, tâm tư hút hẳn vào lòng một đêm đầu thu trở lạnh, lộng âm thanh heo hút của gió và lá khô xào xạc rụng ngoài vườn.

Gian phòng trở nên tĩnh mịch khác thường, một già một trẻ, mỗi người một tâm sự. Ánh nến chập chờn, gò má người thư sinh cao thêm lên, tròng mắt của chàng thăm thẳm. Trên khuôn mặt đó, Trần Công cố tìm lại những nét ngây thơ của một Tú Uyên vô tư lự, mười ba tuổi đã lâu thông kinh sử, miệng cười là hoa hồng hàm tiếu, mắt long lanh như sao hôm sao mai. Trần Công lắc đầu: người đối diện không còn là cháu ông nữa. Đó là một con người lạ mà tâm hồn chắc đang nung nấu những suy tư thắc mắc nó vượt khỏi tầm thông cảm của một người chất phác như ông.

Tú Uyên bỗng nhìn thẳng vào chú. Giọng chàng thiết tha:

-- Cháu muốn thưa với chú một điều. Chú đừng giận thì cháu mới dám nói...

Rồi chàng ngập ngừng nói tiếp:

-- Thưa chú... có bao giờ... chú nghĩ đến sắc đẹp của một người đàn bà?

Câu hỏi đột ngột, lạ lùng quá sức tưởng tượng của Trần Công. Ông lặng người trong giây lát. Rồi ông nhớ lại ngày trước, những buổi du nhai nhộn nhịp, đêm Thăng Long tưng bừng hội hoa đăng, một chàng tân khoa xênh xang áo gấm, một tà áo lụa thiên thanh thấp thoáng sau một

cánh cổng khép hờ. Duyên kỳ ngộ là duyên đẹp ba sinh. Người thực nữ yếu điệu đã trở nên người vợ hiền.

Ông định thần:

-- Anh hỏi thế là có ý gì, chú chưa hiểu...

-- Thừa chú, cháu biết là câu hỏi đã quá đường đột. Nhưng mấy tháng nay, cháu nghĩ đã nhiều. Cháu nghĩ đến những áng thơ hay, những nét vẽ tài tình và những người đẹp trên đời, Vương Duy, Lý Bạch và Tây Thi, Bao Tự, Dương Quý Phi...

Lúc bấy giờ Tú Uyên đã mất hết vẻ trầm tư. Trông mắt long lanh như vừa bắt chợt một vài dáng hình lạ thấp thoáng ngoài song. Giọng nói trở nên thắm thiết, tâm sự nung nấu từ lâu, giờ đây, gặp dịp, gặp người để mà lời lời kể lể, Trần Công yên lặng ngồi nghe. Tú Uyên nói tiếp:

-- Cháu nghĩ đến khúc *Thanh Bình điệu*, Lý Bạch đối diện Dương Quý Phi...

Bất giác Trần Công khẽ đọc:

*Vân tường y thường hoa tường dung  
Xuân phong phát hạm lộ hoa nùng...*

Lời thơ như vọng về từ một nẻo xa xôi hun hút. Gian phòng rung rinh ánh nến bỗng chốc bàng bạc không khí Thịnh Đường, người thơ chưa dứt một cơn say lại đã chập chờn mê tình trước cái sắc đẹp nào nùng của người thiếu phụ.

Tú Uyên sang sàng ngâm theo:

*Nhược phi Quần Ngọc sơn đầu kiến  
Hội hướng Dao Đài nguyệt hạ phùng*

Trần Công trầm ngâm giây lát rồi mới nói:

-- Lời thơ như chén ngọc mâm vàng. Cái kỳ thú trong thơ là do nơi cảm hứng vô biên trong lòng thi sĩ. Tại sao đọc thơ cổ nhân cháu lại nghĩ đến sắc đẹp của một phụ nhân?

Tú Uyên ngập ngừng:

-- Cháu thiết tưởng thì dù sao sắc đẹp của mỹ nhân cũng là cái có để cho cảm hứng bắt nguồn. Huống hồ lời thơ óng chuốt, hơi thơ đầm ấm như ánh sáng mùa xuân, họ Lý chắc không thể nào vô tình trước nhan sắc của Dương Quý Phi.

Trần Công lặng lẽ châm đóm. Năm xưa sinh thời Tiên Đế, khi còn là một sĩ tử ngày ngày ngồi nghe giảng văn ở Quốc tử giám, ông đâu có những thắc mắc như bọn thiếu niên ngày nay? Ông thấy cần phải lập nghiêm. Bèn cất tiếng giữa khói thuốc tỏa ra trắng xóa...

-- Câu chuyện văn thơ đã rõ như ánh trăng rằm. Anh không nên nghĩ quẩn mà quên việc học hành. Chú tiếc rằng hội Tao Đàn của Tiên Đế không còn tồn tại, cho nên lũ các anh ngày nay mới thiếu người diu dắt.

Trần Công không ngờ Tú Uyên đã cắt lời ông. Tú Uyên sấm nầm:

-- Thừa chú, cháu thiết tưởng cái việc lập hội Tao Đàn không phải là hoàn toàn đắc sách cho việc văn chương.

Trần Công trừng mắt:

-- Anh nói thế là có ý gì?

-- Thừa chú, theo ý cháu, nếu có thứ văn chương quan hệ tới chính trị và luân lý thường tình có thể dùng quy tắc để mà khuôn nắn thì cũng có thứ văn chương, lời như cánh con bằng, tứ như sóng ngoài khơi, hội Tao Đàn nào mà gò bó nổi?

Lúc bấy giờ, Trần Công không còn giữ nổi được bình tĩnh. Giọng ông run lên:

-- Vậy thế ra tất cả những lời ngâm vịnh của Tiên Đế, anh đều cho là không đáng kể hay sao? Anh mắc tội mạn thượng mà không biết đấy! Cũng may chỉ có anh với tôi, chứ nếu lọt vào tai người ngoài thì tội anh là đáng chém.

Tú Uyên cúi đầu. Chàng biết rằng phải dùng đến chữ *tôi* để nói chuyện với cháu là ông chú đã quá giận. Chàng yên lặng giây lâu rồi kính cẩn lên tiếng:

-- Thừa chú, cháu biết là đáng tội chết. Nhưng vì lòng thành muốn hiểu, nên mới dám đường đột trực ngôn. Tiên Đế là một bậc anh quân, là ân nhân của kẻ sĩ. Cái công của Ngài đối với giang sơn đất nước thật cao như trời, rộng như biển cả. Nhưng... Ngài lại là một bậc thi nhân...

-- Ra đến bây giờ anh mới nhận...

-- Cho nên ép uống văn chương, làm thơ khẩu khí cũng là một việc bất đắc dĩ của Ngài. Chỉ những lúc hồn thơ lai láng, lại gặp duyên kỳ ngộ như Lý Bạch thuở trước...

Tú Uyên bỗng ngừng lời. Chàng vừa mới nhớ ra một câu chuyện cũ. Mắt chàng tươi hẳn lên:

-- Chú còn nhớ câu chuyện ngâm vịnh tại chùa Ngọc Liên năm xưa? Cháu cho đấy mới là những vần thơ đắc ý của Ngài...

Trần Công cười thâm trong bụng. Ông quên sao được câu chuyện cũ, câu chuyện gặp gỡ giữa Tiên Đế và người tiên?

Ông gật gù nhìn cháu, cơn giận tiêu tan với gió lạnh đầu thu vẫn đang xào xạc ngoài vườn. Nhưng... những vần thơ đắc ý của Tiên Đế là những vần thơ nào?

Ông nói:

-- Tiên Đế ngự chơi chùa Ngọc Liên, nghe thấy một ni cô ngâm một câu kệ:

*Ở đây mền cảnh mền thầy  
Tuy vui đạo Phật, chưa khuây lòng trần.*

Ngài có truyền ni cô lấy câu kệ đó làm đầu đề... nhưng anh vừa nói đến những vần thơ của Ngài, anh còn nhớ không?

Tú Uyên bèn cất tiếng, trầm trầm lời thơ ngân lên trong yên lặng của gian phòng:

*Gió thông đưa kệ tan niềm tục  
Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời.*

Trần Công ngẩn người, không chịu:

-- Hai câu đó là của ni cô...

Tú Uyên vẫn bình tĩnh:

-- Thưa chú, người đời thường hay hồ đồ mà truyền lầm chuyện cũ. Họ chỉ biết cái khẩu khí của Tiên Đế qua những bài thơ xướng họa trong hội Tao Đàn. Còn cái tâm hồn thi nhân phiêu dật của Ngài thì ít có người thông cảm. Ngài gặp người tiên và hồn thơ nảy nở. Cháu cho đó là những vần thơ đặc ý nhất của Ngài.

Trần Công không biết nói gì. Lời giải của cháu ông tuy đột ngột, lạ lùng mà không hoàn toàn vô lý. Tiên Đế và người ni cô. Một thi nhân và một mỹ nhân. Và lại Tiên Đế cũng đã vờn người đẹp ngồi cùng xe để về cung... Nhưng...

Giọng ông già đượm sầu hoài cổ:

-- Đến nửa đường thì người tiên chợt biến...

Tú Uyên tiếp lời:

-- Nhưng Vọng Tiên các vẫn còn.

Thế rồi... cả hai chú cháu ngồi yên không nói. Gian phòng tịch mịch, ánh nến leo lét. Trong yên lặng quanh hơi thu, tiếng trống xa vắng lại, khô cằn. Canh hai bắt đầu. Trần Công sức tỉnh giấc mơ quá khứ. Đến lúc bấy giờ ông mới nhận thấy cái vẻ lạ lùng của câu chuyện Tú Uyên. Câu chuyện lan man như không chủ đích, trong khi ấy thì cái việc hôn nhân vẫn chưa giải quyết. Cái cơn lộn lộn từ Sơn Nam lên đến đây chẳng là vô ích sao? Ông dặng háng rồi trở lại giọng cũ.

-- Chuyện văn chương có thể thâm đêm không dứt. Chú tiếc không thể nán lại ít ngày để mà nói cho hết lời. Nhưng còn cái chuyện... chung thân của anh, chẳng hay anh có ý gì không?

Tú Uyên tỉnh hẳn cơn mơ. Chàng bàng hoàng:

-- Thưa chú... Cháu thiết nghĩ việc hôn nhân tuy hệ trọng nhưng cháu còn dở việc học hành...

-- Anh nói lạ. Vẫn biết đại đẳng khoa rồi mới tiểu đẳng khoa là thuận lẽ. Nhưng anh lại ở vào nghịch cảnh. Chú khuyên anh nên nghe lời cho chú yên tâm.

-- Thưa chú...

-- Chú sẽ bảo thím nhờ người bắn tiếng với nhà gái.

Tú Uyên biết là tình thế đã đến chỗ quyết liệt. Chàng thu can đảm nói thẳng một hơi:

-- Thưa chú, nếu chú ép, thì nhất định là cháu sẽ phải mang tội bất hiếu. Vì hiện giờ, cháu

không còn bụng dạ nào để tính đến việc chung thân.

Giọng chàng tha thiết, tầm mắt xa thăm thẳm hướng về một buổi đã qua. Tiếng mõ cầm canh rori rạc. Gió heo hút ngoài song.

Tâm sự bắt đầu kể lể.

Lúc bấy giờ vào khoảng hậu bán thế kỷ thứ XV, bốn phương phẳng lặng, thiên hạ thái bình, con gái đến tuổi cập kê thường thức thâu đêm dật củi trong màn, con trai đọc sách Khổng Khuru từ thuở đầu còn để chỏm, ông già chống gậy trầm ngâm bên khóm cúc, bà lão lần tràng hạt mơ về cõi Niết-bàn. Trong nhà ngoài ngõ, trên đồi thoai thoải, dưới ruộng đồng chiêm, từ sương buổi sáng long lanh ngọn cỏ tới sao ban đêm mờ hội trên trời, người người lấy sống làm vui, tiếng âu ca hòa nhịp cùng lời chim, tiếng gió.

Một chiều cuối tuần, từ Quốc tử giám thung thảng về nhà, gió nhẹ phơ phất vạt áo the huyền, chân bước mà không thấy vướng, tâm thần phơi phới cùng nghĩa sách lời kinh, bỗng Tú Uyên thấy khang khác trong người. Như một đợt heo may lạnh se da thịt. Như ngất ngây cùng khói thuốc một sớm đầu thu. Mảnh mai, nhẹ nhẹ -- chiếc bướm non vờn diu cánh hồng -- một cảm giác chớm nở trong lòng người thư sinh.

Chàng dừng lại, định thần nghe ngóng, nghiêng nghiêng mái tóc quăn rối vài vòng khăn nhiễu tam giang. Cảm giác nở dần như hoa nhài hàm tiếu gặp lúc trăng lên. Cảm giác dâng lên như sóng đại dương khi mặt trời lặn. Cũng không hẳn là khó chịu. Cũng không phải là nao nao cái tuổi dậy thì.

Bèn ngửng lên trời. Và chợt hiểu: trên trời rực màu áo vóc đại hồng, lưng lờ có một đám mây trắng nõn đang chuyển hình xê dịch từ đông qua tây. Nền trời cùng đám mây, tất cả cái cảnh tượng chuyển động huy hoàng đó, Tú Uyên thấy vừa quen thuộc mà rất lạ lẫm. Bởi tuy chưa từng được thấy mà hình như trong tận cùng tâm thức của chàng, đã từ lâu, vẫn ẩn hiện một ước mong thầm kín được mắt nhìn tận mắt những cảnh chuyển vận huy hoàng tương tự. Hình như mỗi rung động màu sắc kết hợp này đã bắt nguồn từ lâu lắm, từ xa lắm, từ một kiếp nào thăm thẳm... Có lẽ, trong một cơn mơ, hay chập chờn, giữa những giấc ngủ chập chờn...

Tú Uyên nghĩ như vậy. Chàng lại còn thấy phải làm một cái gì. Bèn khẽ nói, đủ cho một mình nghe thấy:

-- Bạch vân...

Và ngừng lời: tiếng nói vừa cất lên, người thư sinh đã cảm thấy ngay nổi bất lực của ngôn ngữ. Lời nào, tiếng nào mà có thể nói lên, gọi lại cái màu tơ nõn bông bành mây trắng, cái ráng đỏ rực đặc quánh ánh tà huy này? Từng tranh sách cũ lằn dờ trên nền ký ức, những vằn, những điệu, châu ngọc lời lời, gấm thêu lớp lớp, nhưng tất cả chữ nghĩa đều nhạt mùi ma túy trước sự giao hòa rực rỡ mà vô cùng giản dị của màu và sắc đang tương bưng trước mắt Tú Uyên.

Tú Uyên linh cảm cần thiết tìm ra những lời, những chữ tân kỳ, những chữ, những lời chưa từng một ai dùng tới, may ra...

-- Tại sao không về?

Tú Uyên giật mình ngoảnh lại. Người vừa cất tiếng là một ông già.

Đến nay kể lại câu chuyện cùng ông chú, cố gắng nhớ lại, Tú Uyên vẫn thấy khó khăn khi muốn bằng lời mô tả hình dáng của ông già chiều đó. Chỉ biết đó là một ông già như mọi ông già và không giống một ông già nào Tú Uyên đã gặp. Chỉ biết ngay lúc đó, Tú Uyên không nói lên được một lời nào.

Chàng ngoan ngoãn theo gót ông già bước vào một quán rượu dựng dưới gốc cây cổ thụ ven đường.

Rượu mang lên, ông già điềm nhiên uống cạn ba bát lớn mà không lên tiếng. Qua khe liếp, chiều tím sẫm rồi theo tiếng trống điểm vào canh một, tím chuyển sang lam, từ từ ngả màu đen quánh. Đêm xuống. Gió nổi lên từng đợt. Người chủ quán lấy thêm rượu rồi lặng lẽ rút vào nhà trong. Im lìm lành lạnh, không khí gọi lời tâm sự, ông già đặt bát xuống mâm, nhìn Tú Uyên.

Hỏi:

-- Chán học rồi ư?

Câu hỏi đột ngột đi thẳng vào tâm can người thu sinh. Tú Uyên ngỡ ngàng chưa biết nói sao thì ông già đã cất tiếng cười. Gian quán bỗng thoi trống trải. Ánh đèn dầu trở nên ám cúng. Gió lùa kể liếp đượm nồng hơi sống mùa xuân. Tú Uyên tự nhiên cũng thấy tâm hồn cởi mở, tưởng như vừa cạn vài bình rượu tốt đối diện với bạn cố tri.

Bèn xích lại gần, giọng thân mà kính:

-- Lão trượng nói như soi thấu cõi lòng tiểu sinh. Tiểu sinh tự hỏi, không biết vì sao...

Ông già lại như đùa cợt:

-- Thử nghĩ xem.

Tú Uyên vội tiếp:

-- Vì đám mây trắng buổi chiều chẳng?

Ông già vuốt râu im lặng. Giây lâu mới trả lời:

-- Mây trắng chiều nay chỉ là mối duyên liên lạc. Còn thì câu tứ giữa phường Bích Câu, hồn thơ lai láng đã từ lâu làm nghiêng ngả cành cây ngọn cỏ, nổi lòng để giấu được ai? Già biết công tử từ lâu. Nhưng cũng phải đợi đến mây nổi chiều nay mới có dịp ra mắt.

Câu trả lời úp mở, thâm ý ra sao, lúc bấy giờ Tú Uyên cũng chưa lường hết. Đành cũng theo đà câu chuyện mà hỏi tiếp:

-- Nhưng sao lão trượng lại biết tiểu sinh chán học?

Ông già cạn thêm một bát rượu đầy rồi mới thủng thẳng trả lời:

-- Ngày nay thiên hạ đã bình. Việc xử thế trở nên dễ dãi, cái học vì vậy mà sinh ra trọng từ chương. Người có nội tâm u ẩn, như công tử đâu lại chịu uốn mình theo cử nghiệp? Già dĩ câu tứ mà chữa thành văn, nhìn mây chuyển mình mà xôn xao trong dạ, nổi lòng u uất đã hiện rõ nơi đầu mày cuối mắt, tưởng không cần là Trần Đoàn tái thế, cũng có thể ức đoán đôi phần.



Lúc bấy giờ đêm đã sẫm màu mà Tú Uyên tưởng như đầu đây có ánh muôn sao lấp lánh. Niềm tâm sự bấy lâu u kết, đến giờ đã giải nguồn cơn. Tú Uyên tha thiết ngùi ngùi:

-- Tiểu sinh là người xấu số, sinh nhằm lúc trị bình, có cố gắng đọc sách tu thân thì bất quá cũng đến giẫm lại lối mòn của người đi trước, cho nên thường thâu đêm nghĩ ngợi, quyết tâm tự tạo cho mình một nếp sống khác người. Thế mà mòn mỏi bấy lâu vẫn chưa tìm ra được lối.

Ông già ngắt lời:

-- Sao không dùng bút mà khơi nguồn tâm sự?

Tú Uyên tiếp ngay:

-- Tất cũng không ngoài cách đó. Nhưng câu tứ đã lâu mà ý chẳng thành văn... Cũng như chiều nay, mây trắng nổi lên cuồn cuộn, nền trời như áo tân khoa, vậy mà đến khi tìm lời mô tả thì lại cảm thấy óc trống không...

Ông già cười ngắt mà rằng:

-- Thế cho nên mới phải vẽ. Cảm hứng đột khởi tâm kỳ như quen như lạ, lời tất cũng phải tâm kỳ, đột ngột. Nhưng ngôn ngữ thường xuất tự lý mà ý đẹp của đám bạch vân lại trọng vì tình, việc tìm lời hợp ý không thể dễ dàng nhanh chóng. Chi bằng dùng ngay màu sắc để ghi màu sắc, lấy đường cong, nét thẳng của ngọn bút tơ mà hình dung dáng dấp có hơn là phải gián tiếp mượn lời để mà ngụ ý?

Tú Uyên như con bệnh gặp thầy, xăm xăm đứng dậy vái dài mà xin thụ giáo. Ông già nâng bình rượu rót đầy hai bát rồi thủng thẳng:

-- Hãy cạn đã.

Tú Uyên tuy không quen nhưng cũng nhắm mắt cạn non nửa bát. Trong giây lát, rượu ngấm vào cơ thể, hơi men bốc thẳng lên đầu, Tú Uyên bỗng cảm thấy toàn thân nhẹ nhõm, tâm thần phơi phới như đám mây trắng chơi vơi trên nền trời rực đỏ ban chiều. Bèn giương mắt nhìn quanh thì như lạ như quen, mờ mờ ảo ảo, cảnh vật nhờ nhờ như một bức tranh thủy mặc. Định thần, cố cưỡng lại men thì thấy ông già đang cúi đầu trước một tờ giấy lớn trải rộng, tay lăm lăm cây bút đại tự. Mắt Tú Uyên dán chặt vào đầu cây bút. Bàn tay ông già ngần ngừ giây lát rồi gân tay bỗng nổi, mấy đầu ngón tay thon dáng lá lan bám chặt lấy cán bút, đầu bút chúc xuống mặt giấy. Toàn thân ông già giữ lặng như pho tượng đá, duy từ đôi mắt quắc lên, như có một sức vô hình phả xuống bàn tay: bút múa trên tờ giấy. Từng nét, từng đường, phút chốc đám mây trắng ban chiều đã cuộn cuộn nổi lên trên mặt giấy phơn phớt chu sa.

Tú Uyên nhìn không chớp mắt, thần trí lâng lâng cùng với cảm giác ban chiều cũng vừa nở lại trong lòng. Cũng như ban chiều, cảm giác vừa kịp nở, đã loang ra, đã vượt khỏi cơ thể của chàng. Từ ông già tới chàng, từ chàng vươn tới ông già, qua dấu vết một bóng mây vẩn vù, niềm thông cảm rung rung nhịp cầu ba động của màu và sắc điều hòa, của dáng và hình cân đối. Tú Uyên sửa soạn chuỗi mình vào cái không khí lâng lâng nhịp nhàng tiết tấu đó thì ông già đã đặt bút xuống phn, nhìn Tú Uyên mà rằng:

-- Công tử đã thấy chưa?

Tú Uyên bùi ngùi:

-- Lão trượng bút pháp như thần, tiểu sinh đức bạc, biết đến bao giờ mới theo kịp gót?

Ông già gật gù:

-- Công tử là người cốt cách. Nếu quyết tâm, chắc cũng không lâu. Nhưng không biết có đủ gan mà theo đuổi không?

Tú Uyên sốt sắng:

-- Xin nói cho nghe.

Ông già bèn xốc lại cổ áo mà rằng:

-- Nuôi trong nội tâm ý thành muốn đạt là nhân. Gặp ngoại cảnh là duyên đã bén. Bức tranh này là cái quả kết thành. Nhưng từ nhân tới quả, từ cái tuyệt đối trong lòng phá thành cái tuyệt đối trong thơ, trong họa, sẽ phải qua rất nhiều đoạn đường hy sinh, nuôi dưỡng. Lão nói như vậy không biết đã hết ý chưa?

Tú Uyên không biết nói sao, đành cứ phải cúi đầu vâng dạ.

Ông già lại tiếp:

-- Công tử đã nuôi ý đẹp trong lòng, lão xin giúp thêm chút duyên liên lạc. Vả ý đẹp mơ hồ, gia dĩ công tử còn đang tuổi trẻ, vậy thử thách vẫn là điều cần thiết. Huống hồ mây trắng nổi trên nền trời đỏ lửa tuy đẹp nhưng đối với lửa tuổi thiếu niên có lẽ cái đẹp đó không thiết thực bằng vưu vật này...

Nói đoạn, ông già phát mạnh tay áo xuống bức tranh. Đám mây bỗng từ đông vùn vụt sang tây rồi từ từ biến mất. Nền tranh dịu lửa, màu hồng chu sa dần dần trở nên mát rượi. Nền tranh gọi đến chất rêu bám miệng giếng khơi giữa trưa một ngày đại thử.

Ông già cất bút. Bút chạy loang loáng trên nền tranh. Trước mắt Tú Uyên dưới ánh đèn dầu, lần lần hiện lên, huyền huyền ảo ảo, vô cùng linh động, những đường cong ám dụ thân hình uyển chuyển một người thiếu nữ. Chàng trai tuổi chưa đến hai mươi -- Tú Uyên -- bỗng thấy sung sướng đến rợn người. Bởi giờ đây, không phải chỉ là sự điều hòa của màu và sắc, sự nhịp nhàng của nét và hình. Giờ đây cả màu và sắc và nét và hình đã trở nên màu-sắc-nét-hình của da của thịt. Chất ma túy toát ra từ người thiếu nữ trong tranh quyến rũ không phải chỉ nguyên có phần thị giác, mà toàn thể giác quan, mà toàn diện con người của chàng tuổi trẻ.

Tú Uyên khẽ kêu lên:

-- Chà... đẹp!

Rồi im bật. Ông già chỉ bức tranh, tòm tĩm:

-- Đã được ngắm một vưu vật như thế này chưa?

Tú Uyên ngáp ngừng:

-- Ở đời, làm gì có được một trang tuyệt thế giai nhân như vậy?

Ông cụ gật đầu:

-- Thế nhân còn coi trong khoảng bốn mùa luân chuyển ví sao được với cái đẹp trong tranh? Nhưng giả thử được gặp thì nghĩ sao?

Tú Uyên trầm đặt lại câu hỏi với lòng.

Tự lúc trưởng thành, chàng chưa hề để ý đến đám phụ nhân. Thỉnh thoảng cũng có thoáng gặp một vài tá áo phất phơ óng ả, cong cong vành nón quai thao. Đôi khi, thoáng qua hàng giậu nhỏ, hoặc lả lơi giữa một đêm hoa đăng dập dìu nam thanh nữ tú, cũng có thoáng nghe vài lời ngỏ ý của những cô gái trong phường cầm lòng chẳng đậu trước cái giọng sang sảng bình văn, cái dáng dấp quỳnh giao của anh chàng thư sinh mặt trắng. Nhưng, tự lúc trưởng thành, lòng vẫn lặng thính, Tú Uyên đã từ thuở nhỏ chỉ biết vùi đầu vào trang sách cổ...

Lần này... nghĩ sao?

Tú Uyên còn đang lúng túng thì ông già lại hỏi:

-- Nếu gặp, liệu có thể cầm lòng, vượt khỏi tình thường da thịt của thế nhân được không?

Câu hỏi làm rối thêm tâm tư, Tú Uyên không dám nghĩ thêm. Chàng rằng:

-- Nếu có phải thử thách mới cầm nổi bút tạo nên vẻ đẹp thì tiểu sinh cũng xin được một phen thử thách.

Ông già gật đầu:

-- Nếu vậy được.

Vừa nói vừa cầm bút và trên đầu người thiếu nữ trong tranh, tô đậm một nét vòng tròn. Đoạn vứt bút, cạn nửa bát rượu rồi nói tiếp:

-- Lão thêm một nét trắng rằm. Cái đẹp trong tranh sẽ cùng ánh trăng mà biến hóa. Công tử hãy treo bức tranh này trước án sách. Ý thành của người ngắm tranh rồi sẽ có phen thể hiện.

Nói đoạn đứng dậy thu dọn bút nghiên. Tú Uyên luống cuống ngăn lại:

-- Xin lão trượng dạy thêm vài lời vàng ngọc. Tiểu sinh thật tình vẫn chưa thấu ý.

Lúc bấy giờ ông già đã đứng bên liếp cửa, râu tóc bạc phơ, hình dáng mờ mờ ánh mây buổi sáng, nét núi ban hôm. Tiếng nói tự nơi xa xôi vọng lại:

-- Hãy cứ làm đúng lời ta dặn. Tất sẽ hiểu dần.

Tú Uyên cố nài xin cho tái ngộ thì lại vắng nghe:

-- Lúc cần gặp thì cứ mang tranh này đợi ta tại phía Cầu Đông sông Tô Lịch. Ta sẽ đến.

Những lời cuối cùng thoảng như một cơn gió nhẹ. Cánh liếp mở toang. Bóng ông già lẳng đặng mờ dần vào lòng một đêm dày đặc, không trăng mà vắng cả sao.

VŨ KHẮC KHOAN

Người đẹp...

*(tiếp theo)*

Gian phòng yên lặng khác thường khi Tú Uyên kể dứt câu chuyện.

Trần Công đợi một lát rồi nhìn cháu. Ông thấy cần phải lên tiếng mà chưa biết nói gì. Câu chuyện tuy lạ lùng nhưng giọng người kể chuyện lại chân thành, tâm sự người sống trong chuyện u uất hiện lên đuôi mắt, Trần Công khẽ đặt tay lên vai cháu, giọng ông trìu mến lạ thường:

-- Thế rồi sao nữa, cháu? chú vẫn nghe đây?

Tú Uyên thở dài:

-- Bức tranh vẫn treo bên phòng học. Đêm đêm lặng ngắm vẻ đẹp trong tranh, tự xuân qua hạ đến nay đã vào thu mà vẫn chưa thấy gì...

Trần Công bèn đứng dậy:

-- Cháu dẫn chú sang xem.

Lúc bấy giờ đã quá canh ba, trăng hạ tuần nghiêng nghiêng đầu khóm trúc góc vườn, nét trắng thanh và gọn, ánh trăng thấp thoáng qua giàn cây leo soi chéch xuống dọc hàng hiên dẫn xuống phòng học. Chó sủa băng quơ tiếng một. Gà thôn xa vọng lại tiếng gáy lẻ loi. Gió may xào xạc kẽ lá, Trần Công rùng mình, ngửa mặt nhìn trăng.

Ông lẩm bẩm một mình:

-- Trăng hạ tuần. Vào thu rồi...

Tú Uyên vén tấm màn trúc. Hai chú cháu lặng lẽ bước vào một gian phòng nhỏ, đồ đạc sơ sài, ngồn ngang sách vở, mờ mờ có bức tranh treo tận cuối phòng.

Trần Công tiến lại bức tranh, vừa đi vừa nói:

-- Nào...

Nhưng bỗng im bật, tay run run nắm chặt lấy vai Tú Uyên. Trong yên lặng khác thường, hai người đứng sững, trông mắt hút hẳn vào lòng bức tranh.

Lòng bức tranh vắng vẻ, quạnh hiu. Người thiếu nữ trong tranh không còn nữa. Nét trắng tròn trong tranh cũng đã biến dạng để trở thành một nét lười liềm.

Ngoài trời... vắt vẻo ngang song, trăng hạ tuần nhếch mép, như cột như đũa.

Mờ sáng hôm sau, Trần Công rời phường Bích Câu một mình ra bến tìm thuyền về Sơn Nam.

Tú Uyên không kịp tiễn chú: chàng đã ra đi, ngay từ lúc gà chưa gáy sớm, sương còn nặng trĩu ngọn cỏ mọc ven tường Quốc tử giám. Chàng nhằm phía cầu Đông sông Tô Lịch mà rảo bước, con đường vắng vẻ, lác đác vài ba đám gánh gồng đến chợ, sao mai khi mờ khi tỏ, ánh đèn hàng quán tuy le lói mà kẻ liếp vẫn kín như bưng. Gió buổi sớm đầu thu thấm lạnh qua vai áo mỏng, sương nội cỏ thấm ướt gót chân, nhưng, chim bỗng ríu rít chuyển cảnh, ánh nắng hoe vàng, vàng hoe cả dòng sông Tô gợn sóng, vào giờ mao thì Tú Uyên đã ôm bức tranh mà bước lên cầu.

Tới giữa cầu, băng khuâng nhìn quanh bốn phía rồi tựa thành cầu mà đợi.

Một lát sau nghe tiếng gọi dưới sông. Nheo mắt cố nhìn thì mờ mờ trong đám sương lam, có chiếc thuyền nhỏ đang rẽ sóng mà vào bờ. Thuyền vừa cập bến, có người bả mái chèo thung thỉnh bước lên. Đến lúc bấy giờ Tú Uyên mới nhận ra ông già buổi trước.

Bèn mừng mừng tủi tủi, chấp tay vái dài mà nói chẳng nên lời. Ông già ngửa mặt cười vang, râu tóc bạc màu khói nước, phơ phất trong gió sớm gợn mặt sông Tô.

Dứt tiếng cười, ông già mới lên tiếng:

-- Lão đến hơi chậm, công tử thứ lỗi cho nhé!

Tú Uyên kính cẩn:

-- Được gặp là may, đâu dám kêu nài rằng nhanh hay chậm? Giả thử phải đợi đến mãn kiếp, tiểu sinh cũng ôm cầu mà đợi.

Ông già gật gù:

-- Chí tình thay...

Rồi lại tiếp:

-- Làm gì mà người đẹp chẳng phải động tâm!

Tú Uyên tỏ vẻ ngạc nhiên, ông già bèn chỉ bức tranh mà rằng:

-- Quên chuyện hôm qua rồi sao?

Tú Uyên giật mình:

-- Thế ra lão trượng đã biết chuyện...

Thì gạt đi:

-- Ta nên đi ngay. Thì giờ là vàng ngọc. Trăng rằm còn khuyết, ta e có người đang dò mắt mong tin.

Nói đoạn, thoăn thoắt xuống bến, rồi bước lên thuyền. Tú Uyên cũng vội theo gót. Một lát sau, con thuyền bỏ cầu Đông, men theo dòng sông mà trôi nhẹ về nam.

Tú Uyên đợi mãi vẫn không thấy ông già nói tiếp, bèn đánh bạo lên tiếng trước:

-- Dám thưa lão trượng, tiểu sinh nghe thấy nói có người chờ đợi, tiểu sinh vẫn chưa hiểu là ai?

Ông già lại cười vang mặt sông mà không trả lời.

Thuyền đi đến lúc mặt trời mọc ngang một con sào thì Tú Uyên không dẫn được lòng, đành lại gạn hỏi. Đến lúc đó, ông già mới lên tiếng:

-- Đêm đêm đối diện, từ lúc tàn xuân cho tới đêm qua... vậy mà công tử không biết là ai ư?

Rồi lại cười mà chỉ bức tranh:

-- Người đẹp trong tranh chứ còn ai nữa...

Lời nói quá đột ngột, Tú Uyên chưa kịp thấu ý, thuyền đã dừng lại. Ông già gác mái chèo, chậm rãi nói tiếp:

-- Từ đây tới chùa Ngọc Hồ cũng không xa, công tử hãy lên bộ mà tới thẳng chùa. Rồi sẽ được toại ý.

Tú Uyên vẫn như người mơ ngủ:

-- Tiểu sinh sẽ gặp người cũ trong tranh ư?

Ông già mỉm cười mà rằng:

-- Đang đợi công tử đấy...

Tú Uyên cảm thấy hân hoan đến nghẹn thở, nhưng vẫn chưa dám tin:

-- Lão trượng nói thật hay định đùa tiểu sinh?

Ông già bèn nghiêm giọng:

-- Tất không phải chuyện đùa. Tuy nhiên, công tử cũng cần gượng nhẹ. Người ta tuy có lòng với công tử nhưng vẫn còn ngại cái vòng kiềm tỏa của một ánh trăng. Công tử đừng ngổ lòi trước. Tới chùa tìm một cành cây rồi treo bức tranh lên mà ngồi đợi. Thấy gì cũng đừng tỏ vẻ ngạc nhiên. Cứ như thế mà làm. Chắc chắn sẽ thành công.

Tú Uyên chăm chú lắng nghe, ông già ngừng trong giây lát rồi lại nói:

-- Người đẹp chẳng qua chỉ là phương tiện. Thể hiện vẻ đẹp trên tranh mới là cái đích của công tử. Đừng nên đắm đuối vào phương tiện mà lãng quên cái đích của mình. Lão khuyên công tử từ nay phải sửa mình cho vững, vì thử thách còn nhiều... Giữa một người đẹp đào tơ mơn mớn và một nét họa trong tranh, giữa cái nhất thời tương đối và cái tuyệt đối bất chấp thời gian, sự chọn lựa sẽ vô cùng đau xót. Thôi... lão nói quá nhiều. Xin mời công tử.

Tú Uyên sụp xuống lạy. Ông già vỗ vào vai mà từ biệt, Tú Uyên ôm bức tranh lên bờ. Lúc quay lại, thuyền đã rời bến. Chợt nhớ ra, bèn gọi với mà xin tái ngộ. Giọng ông già vẳng lại trên

sông:

-- Hễ thành công thì còn duyên hội ngộ. Bằng không thì có gặp nữa cũng là vô ích. Thôi!

Trong giây lát chỉ còn nghe thấy tiếng mái chèo khua nước. Con thuyền đi dần vào sương buổi sớm còn vương lại, trắng xóa mặt sông.

Giập bã trầu thì Tú Uyên tới chùa.

Chùa vốn là nơi thắng cảnh Thăng Long nhưng hôm đó không nhằm ngày lễ nên cảnh chùa vắng vẻ, cổng tam quan mờ mờ ba chữ Ngọc Hồ tự. Qua cổng tới mấy bậc đá xanh, rồi Tú Uyên bước xuống một khoảng sân rộng rãi lát gạch Bát Tràng.

Nhìn quanh không thấy ai, chàng lẳng lặng đi lại một góc phong già, chọn một cành thấp mà treo rộng bức tranh. Treo xong, tìm chỗ khuất, ngồi đợi.

Không bao lâu, vắng nghe có tiếng người nói chuyện đằng xa. Cổ lẳng tai thì rõ là tiếng đàn bà mà sân chùa quanh hiu lộng gió, tuyệt nhiên không một bóng người. Tiếng nói chuyện mỗi lúc một gần. Tú Uyên cảm thấy rộn người nhưng nhớ tới lời ông già nên cố ngồi yên mà đợi. Một lát sau, đã nghe rõ nhỏ to từng lời đối thoại giữa một giọng trầm trầm đứng tuổi và một trong veo của một cô gái đang tơ.

Giọng người đứng tuổi thoảng buồn:

-- Không biết mai kia Giáng Kiều có còn nhớ tới chị không?

Giọng cô gái -- Giáng Kiều -- khẽ cất lên trong và nhẹ, tưởng như đâu đây có giọt mưa ngâu thánh thót xuống mặt hồ thu.

-- Cứ nghĩ tới lúc chia tay mà em đã thấy nao nao trong dạ.

Người đứng tuổi cất tiếng cười:

-- Thế sao mặt lại cứ tươi như hoa nở thế kia? Không biết anh chàng tu đã mấy kiếp mà...

Giáng Kiều e lệ cất lời:

-- Nói khẽ chứ chị, ngộ nhớ có ai nghe thấy...

Người đứng tuổi vẫn chưa chịu tha:

-- Ở đây vắng vẻ, chỉ có chị em mình. Gia dĩ mối tình si của anh chàng đã làm khuyết cả nét trăng rằm, còn giấu nỗi ai?

Dứt lời, cả hai im lặng. Tú Uyên nghe nhẹ có tiếng hài thêu lướt trong ngọn gió. Tú Uyên nghe như hai người lững thững lại gần. Rồi giọng người lớn tuổi lại cất lên:

-- Đã từ lâu, chị thôi vương mắc, thế mà cũng đang lây cái vui của em đấy.

Giọng Giáng Kiều thỏ thẻ thoảng tới Tú Uyên. Chàng có cảm tưởng người thiếu nữ vô hình đang thì thầm tâm sự bên tai, hơi thổi phả vào tận mặt:

-- Vui hay buồn, thật tình cũng không hiểu rõ. Chỉ thấy nao nao trong dạ... Chị Giáng Tiên này, không biết mai sau phó mặc tấm thân ràng buộc với một nét trắng, rồi sẽ ra sao?

Giây lâu, mới có tiếng trả lời, giọng người đứng tuổi là Giáng Tiên, như gợn một niềm ái ngại:

-- Nghĩ làm gì, em? Em không có quyền chọn lựa?

Giáng Kiều lại thủ thỉ:

-- Thế còn chị?

Im lìm. Gió nổi lên, tịch mịch. Giây lâu, lại vẫn giọng Giáng Kiều:

-- Sao chị lại im không nói, chị giận em sao?

Thoảng nghe có tiếng thở dài. Rồi giọng Giáng Tiên cất lên, nghe như từ một quá khứ xa xôi vọng lại.

Giáng Tiên khẽ ngâm:

*Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời...*

Câu thơ ngâm dứt, hồn thơ lại lắng, dư ba làm dựng tóc gáy Tú Uyên. Chàng vừa kịp ngăn một tiếng kêu thốt từ đáy lòng thì Giáng Tiên đã tiếp:

-- Chuyện của chị đã xưa rồi. Cũng vì chuyện đó, cũng vì một chuyện tương tự như chuyện của em, cũng vì một phút cảm thông với một tâm hồn thi nhân, cũng vì một vài vần thơ mà chị đã được siêu thoát. Chuyện của chị xưa rồi. Nhắc lại cũng là vô ích. Rồi ra em sẽ như chị. Chị khuyên em nên vững tâm chịu đựng. Nhờ tay chàng, em sẽ hoàn toàn thoát khỏi nơi vòng kiềm tỏa thời gian.

Tú Uyên có cảm tưởng hai người dừng lại nhìn nhau. Giây lâu, mới lại nghe thấy Giáng Tiên cất tiếng:

-- Mà thôi, chị về. Để em đợi chàng. Chắc cũng sắp lại đây.

Giáng Kiều năn nỉ:

-- Không gặp nhau nữa ư?

Không có tiếng trả lời. Gió lộng thổi trên sân chùa bát ngát. Tú Uyên nín thở. Một lát sau, giọng Giáng Kiều nghẹn ngào khẽ thoảng bên tai:

-- Bức tranh... Tân lang đã đến.

Tú Uyên bước vội đến gốc cây phong. Nhìn quanh vắng vẻ. Sân chùa in bóng cây phong gầy guộc, màu gạch Bát Tràng tái ngắt dưới nắng thu.

Quay lại bức tranh thì nét trắng hạ tuần đã trở lại hình tròn.



Trong tranh, nguyên vẹn in hình người cũ, Giáng Kiều.

-- Giáng Kiều...

Tú Uyên khẽ thốt lên như vậy, lần này không biết đã mấy mươi lần, từ lúc rời chùa bước về nhà, run tay treo bức tranh lên chỗ cũ.

-- Giáng Kiều...

Mà lắng nghe, chỉ có tiếng gió đầu mùa lộng thổi ngoài song. Trong tranh, dưới ánh trăng tròn, Giáng Kiều, người đẹp, vẫn giữ nguyên dáng cũ: Giáng Kiều vẫn chỉ là những nét và hình.

Lúc bấy giờ đêm đã vào khuya, tiếng đồng hồ thánh thót, gian phòng lạnh toát hơi may, Tú Uyên với tay lấy bình rượu, rót đầy một chén, rồi lặng lẽ nhìn Giáng Kiều mà nâng chén. Men loang tê lưỡi, bốc cháy niềm chờ đợi: Giáng Kiều vẫn nguyên vị đứng yên.

Bèn vùng dậy xăm xăm đến trước bức tranh. Rồi nhân men bốc lên đầu, chàng thẳng tay đẩy mạnh cánh song.

Gió lùa vào phòng học, ánh nến chập chờn, trăng ngoài trời hiện lên vắt vẻo ngang song. Trăng trong tranh bỗng khuyết dần: hai nét trăng lại giống hệt nhau.

Thế rồi gian phòng sực nức mùi hương lạ, tà áo người trong tranh phấp phới, sắc màu dao động, Giáng Kiều khép nép cúi đầu thi lễ. Tú Uyên chưa kịp ngạc nhiên, thì gót sen thoăn thoắt, Giáng Kiều đã đứng bên chàng. Lúc bấy giờ, mắt đen thăm thẳm, hơi thở rộn ràng, da ấm mịn cổ non phớt nắng, môi mọng thơm quả quý chín mùi, tóc mềm cuộn cuộn xuống vai, Giáng Kiều là đợt sóng ngoài khơi, là mây trắng trên trời: Tú Uyên phút chốc tưởng như bỗng bồng bay bỗng rồi lại cảm thấy tự chuồn xuống vực.

Chàng gượng gờ tay khép kín cánh song. Ánh nến đã tắt tự bao giờ. Gió ngoài trời vẫn thổi, Tú Uyên thầm mong gió thổi không ngừng.

Đầu canh năm, gà gáy ran bờ giậu, hàng xóm rủ nhau thức dậy thổi cơm, Tú Uyên cũng từ từ tỉnh giấc. Sực nhớ chuyện đêm qua, dụi mắt mà nhìn thì vẫn thấy Giáng Kiều nằm cạnh còn đang thiếp ngủ. Bèn đẩy mạnh cánh song rồi chống tay nghển đầu mà no mắt ngắm. Ánh sáng bàng bạc một bình minh đầu mùa trở lạnh chảy dài theo một vóc người thanh tú. Nhìn kỹ thì đường cong mềm mại, nét nhỏ nhịp nhàng, nhan sắc so với lúc còn ở trong tranh lại có phần hơn.

Gió thoảng vào phòng, Giáng Kiều rướn người nhích lại Tú Uyên. Da thịt ấm nồng, hơi thở thơm mùi phong lan nở dưới trăng rùng, Tú Uyên lại thấy choáng váng, tưởng như đương ngụp lặn dưới muôn nghìn đợt sóng lên xuống thất thường. Chàng cố gượng vùng dậy. Tiếng động làm Giáng Kiều tỉnh giấc, mắt đen láy mở to ngơ ngác. Rồi nhoèn miệng cười. Tú Uyên ngập ngừng:

-- Nàng... là ai?

Thì cũng ngập ngừng:

-- Lại còn phải hỏi ư?

Bàn tay Tú Uyên mơn theo cái dáng bành bồng của mớ tóc mây, bàn tay dừng lại nơi thoi thỏi giữa vai và cổ rồi nằm gọn trong mười ngón búp măng run rẩy của Giáng Kiều. Tiếng động bên ngoài mờ dần. Trong tịch mịch của gian phòng, không khí nghe như vẩn vự từng luồng rạo rức...

Một lát sau, Tú Uyên mới nói:

-- Biết nàng là người đẹp trong tranh. Lại nhân nghe trộm câu chuyện ở sân chùa mà biết thêm được tên. Nhưng ở đâu mà lại, tại sao lại từ trong tranh mà bước vào đời, Giáng Kiều...

Mười ngón tay búp măng siết chặt, hơi ấm người thiếu nữ ấm ran bàn tay Tú Uyên. Nàng đáp:

-- Nhưng sao lại băn khoăn tìm hiểu nguyên do? Đôi ta gần nhau thế này chưa đủ sao?

Tú Uyên bèn đem chuyện cũ ông già vẽ tranh mà kể lại. Nghe xong, Giáng Kiều bỗng dưng nức nở, hàng mi ướt đầm, trông mắt ngấn lệ long lanh.

Gạt hời thì ngập ngừng không muốn nói. Giây lâu mới lên tiếng:

-- Thiếp nhờ tay người tạo nên thể xác. Lại nhờ ý thành của chàng gây nên sinh khí mà trở thành người. Thân thiếp vì vậy mà hoàn toàn tùy thuộc nơi chàng. Không biết có tin được lòng ai không?

Tú Uyên tự nhiên cũng thấy thổn thức trong lòng. Bèn nâng đầu Giáng Kiều đặt vào lòng rồi mắt nhìn tận mắt:

-- Sinh này nguyện đem cả chuỗi ngày xanh còn lại mà yêu nàng. Như thế đã đủ tin chưa?

Giáng Kiều chớp chớp hàng mi mà thở thề:

-- Đời thiếp chỉ biết có chàng, không tin chàng còn biết tin ai? Nhưng... còn ông già?

Trên nền ký ức Tú Uyên, bỗng nổi lên một dáng mây chiều. Chàng nhớ tới lời hứa của chàng khi gặp ông già: chàng sẽ vượt mọi thử thách để cầm nổi bút mà tạo nên vẻ đẹp. Chàng nhớ lại lời khuyên của ông già khi rời bến sông Tô:

-- Người đẹp chẳng qua chỉ là phương tiện. Thể hiện vẻ đẹp trên tranh mới là cái đích cuối cùng. Không nên đắm đuối vào phương tiện mà quên mất đích...

Chàng nhìn Giáng Kiều: Giáng Kiều ngược mắt nhìn chàng. Giáng Kiều chỉ là phương tiện. Biết nói gì đây?

Tú Uyên cố nén một tiếng thở dài. Chàng linh cảm những ngày sắp tới sẽ là những ngày thắc mắc. Nhưng hiện giờ chàng không muốn nghĩ. Hạnh phúc đang tràn trề hiện tại, hạnh phúc là hương nồng da thịt, ấm áp sinh lực của cuộc đời lộng gió heo may. Hạnh phúc giờ đây trọn vẹn, bởi mong manh, mong manh như giọt lệ lẻ loi đang còn vương lại nơi đuôi mắt Giáng Kiều.

Chàng cúi xuống thì thầm:

-- Giáng Kiều... đôi ta...

Và bất chợt ánh mắt của mình thăm thẳm tận cùng trông mắt Giáng Kiều. Đột nhiên, chàng thấy chớm lại trong lòng, từ những ngày thơ ấu âm thầm sống cạnh Trần Công, cái cảm giác xa xưa, rờn rợn, cô đơn mà vô cùng quyến rũ, khi một mình nhìn sâu xuống lòng một vực giếng khơi, khi lòng vực giếng dâng lên vội vọi hình ảnh cô đơn của chàng.

Cảm giác đó lan ra như một chất men. Vòng tay Giáng Kiều nặng trĩu nơi cổ, Tú Uyên thôi nghĩ, quên hẳn những lời đối thoại vừa qua, từ từ nhắm mắt mà đắm mình vào lòng cảm giác.

Lúc bấy giờ mặt trời đã lên cao. Ánh nắng đầu thu nhẹ nhàng qua song, giát vàng lên bức tranh vẫn trải rộng trên tường.

Nền tranh hoang rộng...

Trắng trong tranh đã lặn từ lâu.

Thế rồi, nhịp theo tuần trăng ngoài trời, nét trắng trong tranh khi mờ, khi tỏ, lúc khuyết, lúc tròn, hai người mê man quán quýt lấy nhau, lãng nhãng cảnh vật bên ngoài, lấy tình yêu làm lẽ sống.

Giáng Kiều bám chặt vào cuộc đời mà quên hẳn cuộc sống trong tranh. Tú Uyên thì đóng cửa không tiếp khách, để nguyên sách vở lên bụi. Ban bè lúc đầu thấy lạ cũng có nhắc lời khuyên nhủ, hàng xóm dị nghị có khi nhắc khéo đến chuyện Liêu Trai, nhưng Tú Uyên cứ câm lặng mà để thoảng bên tai, lâu dần cũng không còn ai buồn nói tới. Có việc qua ngõ, cũng chỉ biết nhìn cổng khép kín, ngắm giàn thiên lý thấp thoáng trong vườn mà lắc đầu rào bước cho nhanh.

Một buổi sáng, gió nhẹ đầy song, hoa đào nở đỏ góc vườn, trời xanh cao nhẹ, chim yến lượn từng đàn, Tú Uyên biết là mùa đông đã qua từ lâu. Bèn nhẹ đặt đầu Giáng Kiều xuống gối, với tay nhặt một cuốn sách để lay lắt từ lâu trên bàn mà dở ra xem. Sách luận về cái viễn tượng xa xôi, một khi Đạo lớn của người nước Lỗ được nơi nơi thực hiện. Nhưng đọc được non một trang, nghĩa sách vẫn thoảng như gió ngoài trời, Tú Uyên vút quyển sách xuống chân giường mà lơ đãng nhìn quanh.

Chợt thấy bức tranh, bất chợt nghĩ đến ông già. Bèn vùng đứng dậy, mài mực, lấy bút, trải giấy xuống mặt án thư, vén tay áo mà vạch một nét. Nét bút vừa phác, Tú Uyên thấy nhẹ như một cánh chim. Vạch thêm nét nữa thì Ý Chim như đã vươn hai cánh, như muốn vỗ mạnh mà rời mặt giấy. Tú Uyên chấm mực, phác nhanh một nét sao đêm. Chim tức thì vỗ cánh mà vút lên cao rồi mất hút vào lòng ngôi sao lấp lánh. Gió chợt nổi lên trên nền giấy. Ngôi sao tắt ngấm. Nền giấy trở lại trắng tinh.

Quay lại, Giáng Kiều đã đứng bên chàng.

Hai người lặng lẽ nhìn nhau.

Một lát sau, Giáng Kiều mới nói, giọng như cổ ghim cảm động:

-- Chàng phải bắt đầu tự thiếp. Thiếp mới là thật. Còn đôi cánh chim vừa vẽ chỉ là những trò ảo mộng...

Tú Uyên nhìn lên bức tranh treo trên tường. Giáng Kiều cũng nhìn theo mà rằng:

-- Chàng phải vẽ lên chính bức tranh đó. Chàng đã hứa với ông già. Vả lại thân thiếp dầu sao

chỉ là phương tiện. Chàng nên cố gắng thành công.

Tú Uyên như người mơ ngủ, cầm bút tiến lại bức tranh. Giáng Kiều đứng im lặng một chỗ, dáng điệu giữ nguyên dáng điệu cũ, khi gót sen chưa bước vào đời. Tú Uyên nhúng đầu bút xuống nghiên mực rồi quay lại nhìn Giáng Kiều. Tầm mắt chàng như xa ra, như vươn tới áng mây trắng chiều xuân năm ngoái, như lướt trên lớp sóng sông Tô. Chàng nghĩ tới ông già. Chàng nghĩ tới một nền giấy chu sa, bình bông có dáng mây vờn vù. Tầm mắt gần lại. Từng đường, từng nét, Giáng Kiều hiện lên trước mặt chàng, Giáng Kiều mà từng đường cong, từng nét nhỏ, cả tấm thân trau chuốt toàn khối ngọc lạnh, đối với chàng không còn gì xa lạ.

Chàng bắt đầu vẽ.

Bắt đầu Giáng Kiều có cảm giác như có ai bới tóc mà đếm từng sợi tóc. Thế rồi, khi ngọn bút Tú Uyên vừa chạm xuống nền tranh thì cảm giác tê rợn vừa qua đã trở nên nhức buốt. Tóc bị nhỏ dần từng sợi, mỗi sợi tóc nhỏ đi lại được thay thế bằng một mũi kim... Cứ như thế, cực hình tiếp tục đồng thời với ngọn bút Tú Uyên loang loáng trên mặt nền tranh.

Nàng muốn cắn chặt môi, để khỏi bật tiếng kêu. Nhưng lại sợ Tú Uyên ngừng bút, nên toàn thân cố giữ không cử động, mặt vẫn phải tươi mà nước mắt trào ra đã ướt đầm cả vạt áo ngoài.

Ngọn bút Tú Uyên vạch nhỏ từng nét tóc mây, ngọn bút in hằn xuống mặt giấy, mớ tóc mây bông lên đen biếc màu da trời mùa hạ giữa đêm trăng. Giáng Kiều cố dán mắt vào bức tranh để quên đau xót. Nhưng mắt nàng trong chớp lát bỗng hoa lên. Và khi nghe tiếng động, Tú Uyên ngoảnh lại thì Giáng Kiều đã ngã vật xuống bên giường. Vội chạy lại thì Giáng Kiều đã ngồi dậy như thường. Hỏi ra mới biết chuyện, bèn vớt bút mà rằng:

-- Lời hứa với ông già tuy nặng, nhưng mối tình của đôi ta còn nặng hơn. Xin thề không vẽ nữa.

Dứt lời, những nét vừa phác trên tranh cũng mờ dần rồi biến mất. Bức tranh trở lại nền tranh.

Từ hôm ấy, tâm hồn hai người không còn hồn nhiên như cũ. Tình yêu tuy vẫn nồng nàn mà ngay những phút đắm say đến cực độ, tâm tư vẫn còn thấp thoáng ám ảnh cô đơn. Hai người thôi là một. Đuôi mắt Giáng Kiều gợn lên từng đợt ưu tư. Tú Uyên đôi khi tự bắt chột âm thầm nhìn sâu vào một khoảng trời hun hút. Gia dĩ nét trắng trong tranh đêm đêm vẫn tỏ, ánh trăng tỏa ra, hắt hiu, kêu gọi. Tú Uyên lại nhớ tới ông già.

Những lúc ấy, giọng Giáng Kiều trở nên tha thiết, tiếng nhỏ to gọi đến cung bậc một chiếc đàn tì nỉ non bên bờ sông vắng. Trong không khí hiu quạnh của gian phòng, Tú Uyên lặng nghe thấm vào lòng từng lời tâm sự và từng đợt quạnh hiu.

Giáng Kiều rằng:

-- Thiếp từ tiếp ý của chàng mà bước vào đời, đến nay mới biết tình yêu là nặng, mới biết xót xa cho phận con người. Nhưng... tấm thân đã phó thác nơi chàng, thiếp nguyện hy sinh tất cả vì chàng. Lần đầu chưa thành công, tại sao không nghĩ lại mà thử thêm lần nữa?

-- Tại sao?...

Tú Uyên không nói thêm, vòng tay khép chặt thêm vào đôi vai nhỏ Giáng Kiều.

Tại sao? Vì chàng biết là muốn thành công thì sẽ mất Giáng Kiều. Lời ông già giờ đây mới là rõ nghĩa.

-- Giữa một người đẹp mơn mớn đào tơ và một nét họa trong tranh, giữa cái nhất thời tương đối và cái tuyệt đối bất chấp thời gian...

Tú Uyên phải chọn lựa. Giữa một bức tranh và Giáng Kiều. Giữa cái đích hãy còn xa lắc và một tấm thân hiện đang run rẩy trong vòng tay khép chặt của chàng. Giữa cái chữa thành hình và cái hiện hữu. Sự chọn lựa thật vô cùng đau xót.

Một đêm cuối xuân, mây đen vần vũ tự buổi chiều, không khí hầm hập chuyển mùa, trăng chưa mọc mà sao không sáng trên nền trời mù mịt, gió không thổi mà ngừng lại từng nội cỏ, lùm cây, trống vừa dứt canh ba, Tú Uyên từ từ ngồi dậy, không định ý mà mắt nhìn hướng thẳng vào bức tranh mờ ảo một khoảng trống không trên vách.

Hốt nhiên, chàng cảm thấy đã đến giờ quyết liệt. Bèn nhẹ bước xuống giường, chọn cây nến lớn thắp lên mà bước thềm đến trước bức tranh. Ánh nến lung linh, nền tranh bắt ngát ngọn lên từng đám mây đen, không khí trong tranh tiềm tàng chờ đợi. Tú Uyên liếc nhanh về phía Giáng Kiều. Giáng Kiều vẫn đang thiếp ngủ, đường ngực nhịp nhàng hơi thở đều đều.

Chàng khẽ gọi:

-- Giáng Kiều...

Đủ để một mình nghe thấy, để bỗng thấy trong lòng chứa chan lớp lớp sóng thương.

Chàng quay lại, giờ cao ngọn nến. Mây trong tranh vần vũ thêm nhanh. Lửa nến chập chờn, nét mặt Tú Uyên in hằn khắc khổ. Ngọn lửa từ từ kề sát bức tranh. Nhưng ngọn lửa vừa kịp tạt vào nền tranh thì bỗng gian phòng loe sáng. Cùng một lúc, trăng đã nhô lên: chênh chếch ngoài song, chênh vênh một khoảng trong tranh, ánh trăng tràn ngập gian phòng, át cả ánh nến đang thoi thóp trong bàn tay Tú Uyên.

Thế rồi, gió lớn nổi lên khắp chỗ: ngoài trời, trong tranh. Mây đen cuốn sạch. Lửa nến chưa kịp bén vào bức tranh, đã tắt ngấm.

Tú Uyên nghiêng răng bóp nát ngọn nến mà xô lại bức tranh. Cũng vừa lúc đó, giữa lòng đêm thâm tịch mịch, bỗng cất lên một giọng trầm ấm:

-- Hãy khoan...

Tú Uyên rợn người đứng sửng. Giọng ai nghe quen thuộc, giọng xa xôi heo hút núi ngàn. Hốt nhiên nghĩ ra, chàng khẽ kêu lên:

-- Giáng Tiên...

Thì Giáng Tiên cũng từ bóng tối đi ra, nhịp nhàng, yếu điệu, Giáng Tiên thoát đã đứng trước bức tranh, đối diện với chàng. Nàng cúi đầu thi lễ: không khí trở nên êm ả, hây hây ngọn gió cuối xuân. Ngược nhìn người thiếu phụ, Tú Uyên thấy dịu hẳn nỗi lòng: sắc đẹp Giáng Tiên đã vượt ra khỏi vòng tục lụy. Vẫn những đường cong óng ả, vẫn là vóc liễu mảnh mai, nhưng ở Giáng Kiều thì náo nùng rạo rực, mà ở Giáng Tiên thì lại thanh thoát dịu dàng. Một đàng là tuyết miền Bắc cực hay ánh chói mặt trời giữa nơi sa mạc. Một đàng là gió mùa xuân, là ánh

nắng mùa thu. Một đàng vươn lên là sóng trùng dương. Một đàng bình thản tỏa ra là mặt hồ im lặng. Giáng Kiều vẫn còn đau xót. Giáng Tiên đã hết đau xót từ lâu.

Tú Uyên vụt nhớ lại. Chàng đọc thầm:

*Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời...*

Giáng Tiên mỉm cười:

-- Thế ra công tử đã nghe thấy...

Rồi lại tiếp ngay:

-- Giờ đây thiếp đã quên lãng việc đời. Nhưng vì bản thân đã qua cầu đau xót, cho nên phải về đây đêm nay để mà an ủi những người đồng cảnh.

Tú Uyên như người mê ngủ. Chàng rằng:

-- Sinh này xin nghe. Nàng đừng nề hà mà không nói rõ.

-- Đến đây đêm nay là muốn nói rõ. Câu chuyện chắc dài, công tử cho phép...

Nói đoạn, ung dung kéo ghế mà ngồi. Tú Uyên lật đặt xin lỗi, thì xua tay mà rằng:

-- Chúng ta một hội một thuyền, chẳng nên khách sáo. Công tử cứ cho tự nhiên. Xin mời công tử.

Tú Uyên ngáp ngừng, liếc nhìn về phía Giáng Kiều. Giáng Tiên biết ý:

-- Công tử để nguyên cho Giáng Kiều yên giấc. Nàng còn yên giấc cho tới hết câu chuyện. Cho tới khi nào công tử quyết định xong xuôi.

Tú Uyên tuy không hiểu mà không dám hỏi nhiều. Chàng ghé ngồi xuống ghế đối diện, Giáng Tiên nói tiếp:

-- Thiếp xin bắt đầu bằng câu chuyện của thiếp. Vì có liên lạc với chuyện của công tử. Chắc công tử không ngờ, Giáng Kiều và thiếp, hình hài tuy có khác mà cốt cách lại giống nhau. Bởi cũng do một bàn tay cấu tạo.

Tú Uyên thốt lên:

-- Ông già!

Giáng Tiên gật đầu:

-- Chính ông già.

Tú Uyên vẫn chưa hết ngạc nhiên:

-- Trời... tại sao vậy...

Giáng Tiên nói tiếp:

-- Ông già vì ý thành của công tử mà tạo nên Giáng Kiều. Cũng như trước kia tiếc cho hồn thơ của Tiên Đế mà tạo ra thiếp. Sự nghiệp văn chương của Tiên Đế đâu có phải là vài bài thơ khẩu khí truyền tụng trong chốn Tao Đàn? Dem cái vĩnh cửu là thơ để mưu cái nhất thời là chính trị, Tiên Đế nếu không gặp thiếp, tất sẽ mai một hồn thơ. Nhưng một chiều thông cảm, hồn thơ lai láng, Tiên Đế đã dám vượt cả lễ nghi trong thiên hạ mà ngồi chung xe với một ni cô... Và cũng vì thế, đến nay...

Giáng Tiên ngừng lại, tầm mắt xa hút.

Tú Uyên như lây cảm động, chàng khẽ ngâm:

*Gió thông đưa kệ tan niềm tục  
Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời...*

Giáng Tiên ngùi ngùi:

-- Lời thơ vang lại tới đêm nay, vì hồn thơ phiêu diêu thoát khỏi duyên trần tục, dư ba chắc không phai mờ trong mai hậu... Cũng vì thế đêm nay mới được ngồi đây mà hầu chuyện công tử.

Tú Uyên vội hỏi:

-- Nàng nói sao?

Giáng Tiên chậm rãi:

-- Vì thiếp đã trở thành bất diệt. Bất diệt cùng với hồn thơ. Thiếp đã đi vào lòng tuyệt đối. Giả thử năm xưa, bánh xe không kịp thời dừng lại, Tiên Đế không tìm được tình thường da thịt thì... đâu có ngày nay?

Tú Uyên bất giác ngoảnh lại nhìn Giáng Kiều. Bất chợt tầm mắt Tú Uyên, Giáng Tiên liền tiếp:

-- Sự lựa chọn nào mà không đứt ruột?

Dưới ánh trăng, tấm thân Giáng Kiều bỗng trở nên mờ ảo, hình nét lung linh chuyển động như muốn vươn lên, cập tới một nhịp giao hòa mới lạ.

Tú Uyên nhìn thẳng vào Giáng Tiên:

-- Xin hỏi thêm một điều. Ông già là ai?

Giáng Tiên cười mà không đáp. Gạn hỏi thì úp mở mà rằng:

-- Không là ai cả.

Rồi lại tiếp:

-- Cũng có thể là chàng.

Tú Uyên chưa hết ngạc nhiên thì bỗng từ xa vẳng lại tiếng gà gáy sáng. Rồi, trống vòm canh dồn dập, hơi đêm tan loãng, ánh trăng mờ dần, nền trời bàng bạc, Giáng Kiều rũ áo đứng dậy, giọng cất lên như xa như gần:

-- Đã đến giờ thiếp phải lên đường. Bình minh đã rạng. Giáng Kiều còn ngủ. Công tử nên kịp thời quyết định. Công tử trông kìa...

Vừa nói vừa chỉ bức tranh.

Nét trắng trong tranh đã lặn từ lâu.

Quay lại thì xiêm y lẳng đặng ngoài song, Giáng Tiên chỉ còn là những nét mờ mờ chầm phá đang phai nhòa trên nền sương buổi sớm mù trời.

Tú Uyên tiến lại bức tranh.

Lúc bấy giờ Giáng Kiều vẫn còn thiếp ngủ.

Bỗng dưng, Giáng Kiều cảm thấy, giữa cơn tỉnh chập chờn, có con bướm trắng vờn quanh, cánh bướm đập nhẹ lên từng tế bào da thịt. Cảm giác tê tê dại dại lan ra như vết dầu loang. Phút chốc toàn thân tê liệt, cất tiếng kêu thì âm thanh vừa ra khỏi miệng đã mất hút trong một khoảng không gian yên lặng khác thường. Bèn hé mắt nhìn thì thấy Tú Uyên đang lăm lăm ngọn bút, đứng trước bức tranh, nền tranh sơ sài phác nhẹ một nét hình dung toàn thể thân hình yếu điệu một trang thiếu nữ. Giáng Kiều thấy nhói nơi tim: Tú Uyên đã lựa chọn.

Hai người lặng lẽ nhìn nhau: phút yên lặng dần dần trở nên một phút cảm thông có giá trị một cuộc giao hoan trọn vẹn, mà ái ân lóng lóng, niềm yêu đương đã vượt khỏi tình thường quần quít nơi mái tóc, làn da.

Thế rồi trông mắt Tú Uyên xa thẳm, bàn tay cầm bút nổi gân, ngọn bút bắt đầu tỉ mỉ đi vào từng nét.

Giáng Kiều nghiêng răng chờ đợi cực hình...

Bỗng, toàn thân thấy nhẹ lâng lâng, Giáng Kiều có cảm tưởng biến thành bông nõn, bông bình trên đầu một ngọn gió xuân. Rồi ngọn gió xoay chiều thành cơn lốc nhẹ, Giáng Kiều chuốt dáng, thân hình như vươn cao đến tận mây xanh.

Cảm giác lạ lùng đó dâng lên như đợt sóng thủy triều. Không gian ngừng lại đã tự bao giờ. Trăng thôi mọc. Ánh mặt trời mãi mãi là ánh thiếu quang.

Chợt nhớ tới Tú Uyên, bèn quay lại thì long lanh tận dưới hàng mi, đuôi mắt Tú Uyên bắt đầu ngấn lệ...

Ngọn bút tung hoành loang loáng như một ánh thép lưu cầu bị dồn vào một thế cụt. Ngọn bút tấp xuống nền tranh, sầm sập mưa sa xuống mặt sông dài giữa cơn bão lớn. Từng nét một, người đẹp trên tranh lần lần thể hiện. Từng nét một, Tú Uyên bỗng thấy Giáng Kiều mờ dần trong một đám mây mù khởi dâng không biết tự đâu.

Chàng dụi mắt, định thần và chợt hiểu. Tay cầm bút run lên. Đám mây mỗi lúc một thêm dày đặc, thấp thoáng chỉ còn nhìn thấy vài nét Giáng Kiều.



Bền nghiêng rặng, gạt lệ, mà chúc đầu ngọn bút xuống nền tranh.

Nét bút cuối cùng là một nét trắng rằm.

Đám mây phút chốc trở nên trắng xóa, bỗng bành nhẹ lướt qua song, mờ dần vào một khoảng trời cao thăm thẳm.

Giáng Kiều đã đi vào lòng tuyệt đối.

Gian phòng vắng ngắt, hoe hoe màu nắng cuối xuân.

Tú Uyên vút bút, gục xuống bên cạnh bức tranh đã thành hình.

Nửa tháng sau, không thấy tiếng động trong nhà, hàng xóm sinh nghi, kéo sang đầy ngõ, rủ nhau phá cửa mà vào. Cửa vừa mở thì mùi mốc xông lên, nhện giăng đầy đó, sách vở ngổn ngang, động đến là tan thành bụi.

Thì ra Tú Uyên bỏ đi đã từ lâu.

Duy trên vách nguyên vẹn vẫn còn bức tranh tổ nữ.

Bức tranh đó, Trần Công giữ làm đồ gia bảo, đêm ngày lặng ngắm không thôi. Một ít năm sau, nỗi buồn tuyệt tự ăn sâu vào tâm não, vợ chồng Trần Công theo nhau mà quy tiên. Bức tranh vì thế mà sang tay họ khác. Tự đó, trải mấy triều đại đổi thay, bức tranh đổi chủ đã mấy lần, mà nét bút vẫn còn nguyên như cũ.

Kịp đến khi, tang thương biến đổi, quân Pháp-lan-tây chiếm giữ các nơi, bức tranh không hiểu tại sao lại lọt vào tay quan đình nguyên họ Phan lúc bấy giờ đang phát cờ khởi nghĩa Cần vương khoảng rừng Hồng Lĩnh. Họ Phan có tài dùng quân, biết phép đúc súng, nhưng lại yêu việc thi, họa, cầm, kỳ, nên rất quý bức tranh tổ nữ, luôn luôn treo trong phòng việc, không lúc nào rời. Thường lúc rỗi, hay ngồi một mình đối diện bức tranh mà thổi ống tiêu. Những lúc đó, tâm sự u uất lộ ra cả âm thanh, tiếng trúc theo gió Lào tỏa khắp chiến khu Ngàn Trươi, ai nghe thấy cũng phải chau mày gạt lệ.

Lúc bấy giờ, bức tranh đã mờ, nét vẽ như có sương mù bao phủ.

Đến một đêm, trắng trong tranh bỗng dựng đỏ ửng: họ Phan bắt đầu thụ bệnh.

Trước khi nhắm mắt, họ Phan có đòi nhìn lại bức tranh.

Nhưng trắng trong tranh đã rụng.

Người đẹp trong tranh đã đi trước họ Phan.

1957

\*\*\*

### Phụ đính thơ Vũ Khắc Khoan

Vũ Khắc Khoan nổi tiếng chủ yếu về kịch, rồi đến truyện, còn thơ trước sau ông chỉ làm "chơi" có mấy bài. Thế mà ông Vũ cũng có mặt trong bộ môn thơ của Văn học Miền Nam. Ấy bởi Võ Phiến bảo tuy ông ít làm thơ, nhưng "làm (...) thì hay".

Hễ trông thấy tác phẩm giá trị là nhất định đưa vào, ông Võ thế là chí tình với ông Vũ, chứ còn gì nữa. Mà như nói rằng ông Võ chỉ làm nghiêm túc cái việc nhận định phê bình của mình, thì cũng đúng.

Bài thơ "kệ" vừa hay vừa độc đáo dưới đây, nếu để sót chẳng là đáng tiếc sao.

(Thu Tứ)

### Vọng cổ nhân

Lác đác sao buổi sớm  
Xạc xào lá mùa thu  
Cổ nhân hề tan tác  
Mộng cũ dưới cảnh du  
Chữ qua tử

Một ông sao sáng  
Hai ông sáng sao  
Dăm cụ bạn vàng lác đác  
Lá mùa thu rụng đêm nao  
Học thối Nhan Hồi rằng quên đừng nhớ  
Nhưng hoa bèo dạt bờ ao  
Tím ngắt. Tím hoài lãng đãng  
Lòng quê lại thấy dạt dào  
Khui chai rượu nhỏ  
Hồ trường biết rót phương nào  
Chợ Cũ hay là Chợ Lớn  
Phố Hàng Khay hay phố Hàng Đào  
Quán cóc mái xiêu chợ Đũi  
Sông Hương chiều lộng gió Lào  
Thôn Vĩ hàng cau bụi trúc?  
Nguyễn Tri Phương hay góc Đa Kao  
Sương khuya nhuộm bạc mái đầu  
Bạn vàng kẻ trước người sau  
Giới nghiêm cũng mặc hẻm nào cũng vô  
Ờ lại có những chiều nổi gió  
Rượu ngà ngà cổ áo nâng cao  
Khói huyền dâng lên mờ sao  
Đêm Ba Tư quánh màu ma túy  
Gác xép suông tình hẻm nhỏ  
Vò đầu hát láo nghêu ngao  
Rằng ta tự thừa nào tuổi trẻ

Nguyện không hùa theo kẻ làm cao  
Rằng ta trượng phu hề lòng như trăng sao  
Chí như Hi Mã  
Đỉnh nhọn hề vượn cao  
Thời nhiều nhưng hề ta phù suy vùng vẫy  
Việc thành rồi ngày trời tháng bặt tiêu dao  
Ngày đó tóc sao xanh mượt  
Mặt chữ điền, mày xéch chữ đao  
Ngày đó vai như vai gấu núi  
Vang sông hồ hề con sừ tử hổ  
Giờ đây tóc xói lên cao  
Giờ đây tâm sự thêu thào  
Giờ đây hết. Hết rồi. Thế đó.  
Còn chăng mộng cũ tầm phào  
Nắng phai bãi trước chiều đơn chiếc  
Cành gầy thấp thoáng cánh sao  
Lặng đêm vài ngôi sao sáng  
Vài ông sao sáng sáng sao  
Vài cụ bạn già lấm cặm  
Mỗi năm tuổi hạc một cao  
Vạn lý bi thu tác khách  
Giờ này lặn đặng phương nao  
Ngựa hoang nào biết hỏi tàu  
Đoạn trường ai có qua cầu mới hay  
Nói đại, dám có ngài rừng mớ  
Vác hạc vàng tếch đại lên cao  
Theo thói người xưa bắt phục phản  
Mặc cho mây bay trên lầu cao  
Đá tảng u mê mơ tiền sử  
Chồn già ngơ ngẩn ghéch trăng lu  
Cành phong chột tỉnh cơn thiền định  
Nghiêng cả thân gầy xuống gốc du  
Nghe lạnh tiếng con chim lạ  
Vương cổ tìm đôi, cánh trao thương  
Trời phương tây đỏ rực  
Lửa đỏ rực tà dương  
Nhưng đá chưa xiết  
Ấm sao nổi tình thường  
Đẩy cửa lạnh òa vào mặt  
Ném lại bên lò chuyện ngày xưa  
Tuyết ngập chân cao chân thấp  
Run run gầy nhỏ chỉ đường xa  
Bay về phương nam có đàn ngỗng trắng  
Tạ từ nghe lạnh dọn hồ hoang  
Có con sóc nhỏ đi rón rén  
Gót nhẹ in trên tuyết mệnh mang  
Đứng đây giữa ngã tư đường  
Trời im không nói, đất mù sương  
Chợt thoáng lời kinh Bát Nhã  
Rùng mình khởi niệm vô thường

Viễn ly điên đảo mộng tưởng  
Lâng lâng  
Không cả vô thường

### **Bài kệ rong chơi**

Ta thường ở đó  
Ngã ba cuộc đời  
Tầm xuân xanh biếc  
Mây trắng lên khơi  
Ta thường đến đó  
Ngã ba cuộc đời  
Đắm đắm theo hút  
Chân ai chân ai  
Tà huy lay lắt  
Lay lắt hoa rơi  
Bước về đơn chiếc  
Những bước mờ côi  
Bước lên hốt hoảng  
Những bước vào đời  
Ta thường lại đó  
Ngã ba cuộc đời  
Mây bay không mồi  
Xanh thắm nền trời  
Ta kêu vượt lên  
Ta gào yết đế  
Dốc nghe khúc khuỷu  
Mắt hút nẻo trời  
Đèo sâu vời vời  
Mù tấp vời vời  
Vượt lên vượt nữa  
Vượt mãi không thôi  
Ta thường về đó  
Ngã ba cuộc đời  
Ta thương theo ai  
Bước đi chập chững  
Vừa bước khỏi nôi  
U minh thẳng thốt  
Nghịch chướng bời bời  
Rời từ thửa đó  
Chập chờn ma trơi  
Khấp nẻo cuộc đời  
Ai trụ ở đó  
Ta hay là Người ?  
Ai trụ ở đó  
Ngã ba cuộc đời  
Tầm xuân vẫn biếc  
Mây vẫn rong chơi  
Ta vẫn rong chơi  
Ngã ba cuộc đời.

## Ngõ xuân

I

Nửa khuya nghe chim lạ  
Hót lẻ trong cảnh du  
Thoáng lời kinh vô ký  
Chập chờn ánh lửa giang đầu  
Hót khê trong cảnh du  
Chợt nhìn qua khung cửa  
Bạt ngàn ngợp trắng trắng lu

II

Xuân đã về miền Hương Tích ?  
Sao có hoa mơ nở trắng rừng mơ ?  
Hỡi ơi không trắng hoa rừng mơ  
Mà trắng miền đất lạnh  
Hoa tuyết bay trắng rực Ngũ Đại Hồ  
Hoa tuyết rơi liệm trắng màu hoa miền Nhiệt đới  
Nơi tuyết rơi chỉ ở trong thơ  
Hoa tuyết rơi lất phất  
Nghe như rờn rợn lời tâm sự  
Mưa nhỏ thờ dãi trong giàn dưa  
Liều trai chí dị  
Nửa khuya đất Hồ  
Có con chồn già thùy lệ

III

Lại nghe con chim lạ  
Hót lạnh trong cảnh du  
Lạnh ẩm trà hoa cúc  
Lạnh lén vào trong tôi

IV

Tôi từ thưở xa miền Nhiệt Đới  
Đến đây kết nghĩa với cây du  
Lòng vẫn nhủ lòng rằng thôi đừng nhớ  
Ngày ngày ngồi gốc cây du  
Mơ cưới một con trâu  
Đi về miền nắng quái  
Lá du như sao buổi sớm  
Nhưng biết đùa với nắng mùa thu  
Cũng vàng cũng nhuộm màu quan tái  
Và rụng khi cảnh gầy ôm tuyết trắng  
Đi vào thiên khoảng cuối mùa thu

V

Nhưng bỗng nhiên im lặng  
Im lặng trong cảnh du

Lắng tai tìm chim lạ  
Nghe nhẹ bỗng cảnh du

VI

Cúi đầu tưởng đến duyên kì ngộ  
Mong manh chim lạ cảnh du  
Rồi những khuôn mặt cũ  
"Cùng lặn đạn bên trời một lúa"  
Giờ đây thừa thốt  
Như lá mùa thu  
"Ước cũ duyên thừa"  
Có còn tiếp nối ?  
Hay chông chênh sát - na một thoáng  
Chim lạ bỏ cảnh du  
Cánh nhỏ vụt nhòe trong cánh tuyết ?

VII

Ngùi ngùi mái tóc mờ sương mù  
Tuổi già lệ như "lác đác  
Rừng phong hạt móc sa"  
Đâu còn thủy lệ  
Chỉ rưng rưng sâu